

HỒI KÝ KOBAY (1958 – 1966)
SỬ VỤ MỤC TỬ TRƯỚC 1975

Mến tặng

*anh chị em giáo dân Địa sở Kơbey, nơi tôi đã phục vụ
những năm tháng đầu tiên đời Linh mục của tôi.*

Những biến cố thuật lại trong Hồi Ký này từ năm 1958 đến 1966, cách đây gần 50 năm. Theo lời yêu cầu nhiều người bạn và các cháu, tôi cố gắng ghi lại trung thực. Tính trung thực lịch sử đương nhiên làm nhiều người trong xã hội hôm nay không mấy hài lòng về những danh xưng và tâm trạng nghi kỵ hoặc những ngày tháng kinh hoàng của anh chị em giáo dân Jarai - Halăng chúng tôi thời bấy giờ. Cái gì đã qua là đã qua. Chúng tôi không bao giờ có mưu đồ chính trị hay may mắn oán hận.

Hồi ký Kơbey gồm ba giai đoạn:

- Thời bình từ 1958 đến tháng 9 năm 1960.
- Thời buổi kinh hoàng từ tháng 9 năm 1960 đến cuối 1963.
- Di tản về PleiKrong đầu 1964 đến tháng 9 năm 1966.

THỜI BÌNH TỪ 1958 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 1960

TÔI ĐI TÂN CẢNH



Cha sở Tân Cảnh chụp cùng Tý và Nguyệt
(ảnh chụp 1957)

Sau khi mãn Đại Chủng Viện Saigon, tôi được Đức Cha Phaolô Seitz KIM phong chức Linh mục ngày 25 tháng 8 năm 1955, tiếp đó được chỉ định làm quản lý và dạy học tại Chủng Viện Thừa Sai liên hai Niên Khóa 1955 - 1957 thời cha Thomann làm Giám đốc. Vào thời gian này, tôi không nhớ rõ trước hay sau việc bổ nhiệm quản lý, tôi đã được Đức Cha chỉ định làm tuyên úy quân đội theo lời yêu cầu của Chính Quyền thời bấy giờ. Tôi đã đi làm thủ tục tại Sư Đoàn 22 (?) thời Trung Tá Vinh. Tôi đã chân thành trình bày với Đức Cha tôi không thiết tha gì với nhiệm vụ tuyên úy quân đội nhưng hoàn toàn tuân theo ý ngài. Ngài đã suy nghĩ và giải thoát cho tôi.

Tháng bảy năm 1957, tôi được bổ nhiệm làm cha Xứ tại



Cha sở Tân Cảnh ngồi nhà sàn

NGÃ BA THÁNH GIÁ. Từ Kontum theo Quốc lộ 14 lên 42 cây số, bên phải là đường đi Đak Tô, rẽ trái là đường qua cầu sông Đak Takan đi Đak Mot, tức Ngọc Hồi bây giờ. Thánh Giá được các cha Thừa Sai dựng từ lâu và sau biến cố 1975 đã biến mất. Địa - điểm Ngã Ba Thánh Giá còn được các binh sĩ Trung Đoàn 22 đóng tại đây đa số người Miền Nam đặt tên là Đak Tà Cành, vì con

sông Takan chảy ngang qua. Tôi đã cho địa danh này mang tên Tân Cảnh nhái theo hai tiếng Takan nghe thanh tao hơn đồng thời cũng là tên Giáo Xứ đầu tiên của tôi, vả lại lúc đó toàn là người kinh.

Thế là tôi làm cha xứ Tân Cảnh và kiêm luôn cả Đak Tô cách đó sáu cây số. Đak Tô lúc đó cũng vẹn vẹn đôi ba nhà buôn và một đại đội lính Bảo An, đa số là người công giáo. Cũng như ở Tân Cảnh, tôi được chỉ định để phục vụ người Kinh.

Sau biến cố 1975, Huyện Đak Tô được dời xuống thế cho Tân Cảnh và một xã mới mang tên Tân Cảnh nằm trên con đường đi Ngọc Hồi. Đak Tô cũ được mang tên là Kon Đào, tên một làng gần đây. Tôi giải thích hơi dài dòng vì hậu sinh không phân biệt những thay đổi sau biến cố 1975.

Ngay khi tôi đến Tân Cảnh, Cha Beyselance, cha sở Đak Mot đã có nhã ý nhờ làng Kon Hơjao, người Kinh gọi là Kon

Cheo, họ đạo của ngài, cách đó ba hay bốn cây số, làm cho tôi một nhà sàn bằng tranh. Kề qua người lại nhất là lính Trung Đoàn ai cũng khen là nhà đẹp, vì tại đây duy nhất nhà tôi là nhà kiểu cách dân tộc. Và lính Trung đoàn cũng đã vui lòng cất cho tôi một nhà thờ tranh, sau này cha Nguyễn Quang Huy tiếp đến cha Nguyễn Trung Hưng đã xây bằng vật liệu nặng và có cả hang đá Đức Mẹ nữa nhưng với biến cố 1975 tất cả đã biến mất chỉ còn lại đồng gạch kỷ niệm thời xa xưa. Ai cũng hy vọng sẽ có thời mở cửa và nhà thờ sẽ được xây cất trên nền nhà thờ cũ.

Giáo dân của tôi gồm các gia đình binh sĩ và anh chị em buôn bán không quá một trăm người! Cha sở tuổi ba mươi coi sóc một Giáo xứ với 100 giáo dân! Dường như Đức Cha có lần đã mỉm cười với tôi nhưng ngài chủ tâm đặt tôi ở Tân Cảnh có một ý nghĩa riêng. Tôi đoán thời buổi đó dường như Đức Cha gặp khó khăn với Chính Quyền Ngô Đình Diệm về vấn đề Dân tộc. Phía bắc Kontum gồm các dân tộc Sơđang, Jeh, Triêng và được giao cho các Linh mục toàn là người Pháp. Số Linh mục Việt nam thời đó rất ít và phải phục vụ các xứ giáo dân Việt Nam tại Kontum và Pleiku. Vì thế sự hiện diện một Linh mục Việt nam tại Tân Cảnh sẽ làm bớt căng thẳng, tôi suy đoán thôi. (Thời đó cha Beysseance và Chastanet sở Đak Mot, cha Dujon và Arnould phía Bắc Kontum)

Tôi ở Tân Cảnh tám tháng, từ tháng 7 năm 1957 đến Mùa Phục Sinh 1958. Tiếp đó được bổ nhiệm đi PleiKobey thay cha Joachim Nguyễn thúc Nê vì đau yếu lâu ngày cần đi chữa bệnh và xin chuyển đi sở khác. Việc bổ nhiệm đi Kobey thật thích hợp với sở nguyện của tôi. Dường như trước kia tôi đã có lần gợi ý với Đức Cha về vấn đề tôi thích đi truyền giáo cho anh chị em Dân tộc, chỉ gợi ý thôi. Vì tôi xác tín rằng Linh mục phải hoàn toàn lệ thuộc Đức Giám Mục để ngài tự do bổ nhiệm.

Thế là tôi chuẩn bị đi nhận sở mới. Việc cần thiết đầu tiên là phải có một con ngựa làm bạn đường rừng. Tôi mua lại ngựa của Đại úy Ứng ở Trung Đoàn đóng tại sân bay Tân Cảnh, giá năm nghìn tám. Đây là ngựa hồng, rất đẹp, trông oai vệ, đuôi dài chấm đất. Nhà buôn gọi nó là ngựa quan, họ kiêng kỵ không dám mua vì sợ buôn bán ế. Thời bấy giờ các nhà buôn người Kinh vào các làng Thượng dùng ngựa để chuyên chở hàng hóa vì đường xe chưa có, và lại xe máy cũng còn rất



hiếm. Việc đi lại của các Linh mục cũng cần những phương tiện tương tự. Tôi không thích gì ngựa quan, bắt buộc dĩ phải mua vì không tìm được con nào khỏe và vừa túi tiền hơn. Chỉ mỗi tội ngựa bất kham lính Trung Đoàn ai cũng cỡi thử nhưng đều bị nó cho nằm đất. Tôi đoán vì lý do đó viên đại úy đã bán lại cho tôi với giá tương đối rẻ. Thế mà suốt thời gian ở PleiKobey nó vẫn kính nể tôi, chưa bao giờ dám chơi xấu với ông Linh mục tuổi cọp này. Chỉ có Ngiu người giúp việc Jarai của tôi cũng được nó thường cho ít nhất là ba lần nằm đất! Có lần suýt chết! Mỗi lần về Hội Đầu tháng, tôi cỡi ngựa đi ngang qua phố xá Kontum để về Toà Giám mục, ai cũng trở mắt nhìn, khúc khích cười và lấy làm thích thú.

Các cha già còn khuyên tôi mua một khẩu súng săn, cần có thịt rừng, vì từ Kobey phải cuốc bộ mất cả ngày đường mới tới chợ. Vì non trẻ chưa kinh nghiệm, sau này tôi thấy chẳng cần tới súng bao nhiêu, nhưng chỉ cần một tấm lưới là đủ, cá suối la Sir với rau dớn đầy rừng là quá sướng rồi. Các cha già thương và lo lắng cho tôi lắm. Theo lời khuyên các ngài, tôi cũng cố gắng



gom góp vốn liếng để mua một khẩu súng giá bảy nghìn. Tiếp đó tôi mua một máy đánh chữ hiệu Princess giá hai nghìn tám trăm đồng. Chữ nhỏ và đẹp. Máy đánh chữ thật cần thiết cho mục vụ hằng ngày và giúp làm việc hứng thú hơn. Lúc

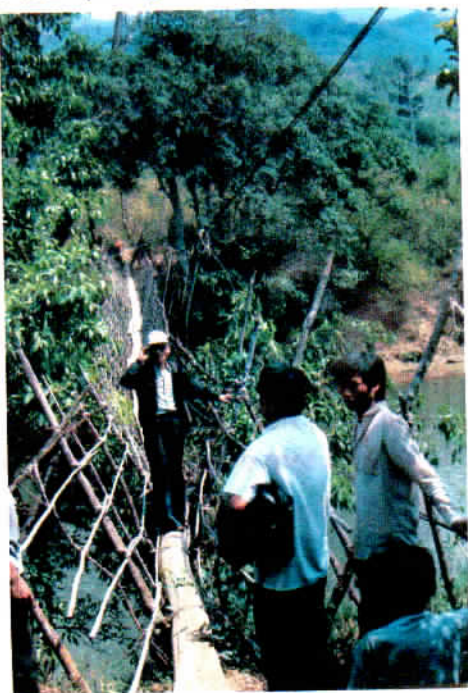
tôi sắp phong chức Linh mục, mẹ cho tôi một số tiền để mua chén thánh bên Pháp nhưng thuế quan cao quá tôi đành phải mua tại Sài Gòn rẻ hơn, như thế số tiền dành dụm và tiền lễ mỗi tháng Đức Cha cấp cho đủ sắm tất cả những vật dụng cần thiết, không phải mượn ai. Mỗi tờ lễ ba mươi ngày thời bấy giờ là hai nghìn bảy trăm đồng. Và mỗi tháng Cha Jacques quản lý cũng vui vẻ cho đều đặn. Những điều tôi ghi đây có vẻ nhỏ nhặt nhưng các bạn cũng như các cháu thời nay thích biết giá sinh hoạt thời xưa đồng thời cũng muốn biết những hành trang để "đi Thượng" thời bấy giờ. Một chiếc xe đạp từ năm trăm đến một nghìn. Nếu còn phải nói thêm cho vui thì một gói Bastos xanh giá một đồng rưỡi. Thời bấy giờ họ thường gọi chơi với nhau là thuốc Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi cũng cảm thấy sung sướng phần nào vì được hút thuốc của Tổng Thống! Tôi đã đã mang tậ hút thuốc từ năm 1946, lúc tuổi hai mươi, thời kỳ chúng viện tạm đóng cửa để về làm việc giữa đời.

Thế là mọi phương tiện đã được chuẩn bị để nhận sở mới.

TÔI ĐI PLEIKOBEY

Theo thiên ý tôi lúc đó, truyền giáo Kobey đúng là lý tưởng thừa sai Kontum. Nhất Kon Mahar nhì PleiKobey vì phải băng rừng vượt núi lội suối qua sông, không có đường xe máy hay xe hơi. Được đi Plei Kobey thật là niềm vui tuyệt vời. Nhất là từ khi tôi bắt đầu lên các lớp lớn, thời gian này tôi được mục kích các cha già Việt Pháp mỗi khi các ngài về hội đầu tháng, kẻ đi xe đạp, người đi ngựa, thật vất vả, nhưng vẫn luôn tươi cười sung sướng. Nhất là trong những thời gian nghỉ ngắn hạn đôi khi có dịp tới sở các ngài, nhìn xem phương pháp làm việc hoặc cách sống của các ngài. Vào quãng 15 hay 16 tuổi, có lần cả chủng viện được đưa lên Võ Định để nghỉ lại vài ngày, địa sở nửa Kinh nửa Thượng của cha Simon Thiệt, người đồng hương với tôi. Ngài sống rất đơn sơ, khó nghèo, nhất là rộng rãi, một gương mặt mà có lẽ trong đời tôi ít khi thấy. Ngài mổ heo mổ bò để đãi các chủng sinh. Một cha Pháp nói về ngài : "Trong thế giới ít có ai rộng rãi dễ thương như cha Thiệt."

Sau khi lãnh chức Linh mục, các cha già đã xin Đức Cha Kim cho hai anh em Linh mục chúng



Đường rừng

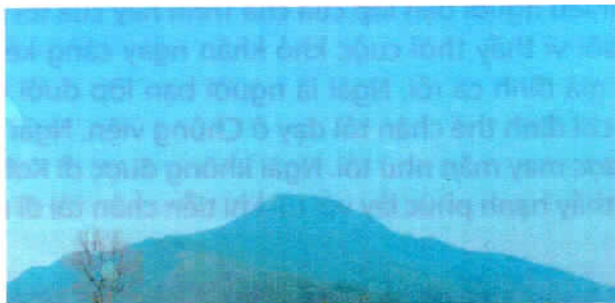
tôi, Trinh và Chung, được đi du học nhưng không hiểu vì sao Đức Cha đã từ chối, có lẽ vì Giáo phận thời bấy giờ còn quá thiếu Linh mục. Nhưng được đi Plei Kơbey quả thật đối với tôi là hạnh phúc. Dạy học ở chủng viện hay đi du học đối với tôi chỉ là chuyện ngoài lề. Sau những biến cố 1945 - 1947, lớp cha Lê Quang Trinh chỉ còn mình ngài, và lớp tôi duy nhất mình tôi. Bao nhiêu người bạn lớp của cha Trinh hay của tôi gần như buông xuôi vì thấy thời cuộc khó khăn ngày càng kéo dài có lẽ đã lập gia đình cả rồi. Ngài là người bạn lớp dưới tôi được Đức Cha chỉ định thế chân tôi dạy ở Chủng viện. Ngài tỏ ý tiếc không được may mắn như tôi. Ngài không được đi Kơbey thì ít nữa cảm thấy hạnh phúc lây với tôi khi tiễn chân tôi đi nhậm sở Kơbey!

Một buổi chiều đẹp trời Mùa Phục Sinh năm 1958, hai anh em chúng tôi lên đường đi Plei Jơdráp cách Kontum quãng 20 cây số để ngủ đêm tại nhà cha Lưu Phương. Sở dĩ nghỉ đêm tại đây vì Kơbey là sở nhánh của ngài từ đây được Đức Cha tách giao cho tôi, đồng thời để quãng đường ngày hôm sau bớt vất vả. Cha đã báo trước giáo dân Kơbey xuống đón tôi về Sở mới.

Sáng hôm sau đoàn tùy tùng gồm mấy chục anh em Kơbey gửi sách vở và vật dụng của tôi. Cha Trinh đi xe đạp và nhường ngựa cho tôi. Chỉ có một con ngựa, chưa có tiền mua thêm một con nữa cho có bạn. Đi xe đạp có khi vất vả hơn đi bộ vì phải lên dốc nhiều lần. Có những dốc dài thoải thoải hàng cây số, đi bộ không cảm thấy mệt, chỉ ngồi trên xe đạp mới biết mình đang leo dốc.

Bỏ P.Jơdráp, chúng tôi bơi sông qua sông Đak Bla rồi rẽ trái thẳng lên Plei Krong, qua sông Pokô và hướng thẳng về núi Nang Brai (Momray), dãy núi cao nhất vùng Tây Bắc Kontum, 1780 thước (theo bản đồ nhà binh Pháp, nhưng bản đồ mới của

Việt Nam 1580). Theo lời anh em dân tộc, quanh năm hầu như ngày nào đỉnh núi cũng có cụm mây nhỏ nhỏ như tấm khăn vắt ngang trông oai vệ như vị thần quản trị toàn vùng. Dưới chân núi có suối la Sir bắt nguồn từ những rặng núi phía Halăng uốn lượn quanh các đồi hàng năm bảy chục cây số để rồi đổ xuống sông Pokô và sau hết nhập vào thác la Ly.



Núi Nang Brai

la Sir là con suối lớn nhất vùng và cũng có thể nói là nguồn sống của các làng nằm dọc theo bờ suối. Chúng tôi phải qua suối này hai lần bằng cầu treo, một lần trước khi tới Plei Klêng và lần thứ hai trước khi vào làng Kobey. Phải công nhận rằng tài nghệ dân Jarai thật đáng tưởng lệ vì cầu treo của họ làm thật đẹp và bảo đảm hơn cầu treo các làng khác mà chúng tôi đã từng đi qua trước đây. Cầu treo dài từ 20 đến 30 thước đan bện bằng những sợi mây lấy từ núi Nang Brai, có những sợi to bằng cổ tay. Cả đoàn người vai mang nặng nối đuôi nhau đi vừa nhún vừa nhảy thoải mái không chút e ngại. Còn ngựa thì phải lội suối.



Suối la Sir

Từ sông Pokô đến cầu treo Plei Klêng quãng hơn tiếng đồng hồ, và từ đây sau vài cây số chúng tôi đến làng Pơđư, đây là hai họ nhánh Jarai trực thuộc địa sở Kobey. Từ Plei Pơđư đi hơn tiếng đồng hồ thì tới cầu treo thứ hai để rồi đặt chân đến vùng đất Kobey.



Tôi cảm thấy đây là vùng đất thiêng từ giờ này Chúa giao trách nhiệm cho tôi. Kinh Lạy Cha đọc hằng ngày, tự nhiên hôm nay tôi cảm thấy mang nặng một ý nghĩa mới mẻ sâu sắc hơn, một tâm tình đậm đà thấm thía hơn. Cha của tất cả mọi người cũng là Cha của anh chị em Jarai - Halăng bé nhỏ nghèo khó sống nơi rừng núi xa xôi hiểm trở chưa ai biết đến bao nhiêu, người Cha mà tôi yêu mến và suốt đời Linh mục có bốn phận làm sáng tỏ gương mặt để họ mến yêu hơn. Đó là sứ mạng Chúa giao cho tôi. Hạnh phúc đem Tin Mừng của Chúa Giêsu dào dạt trong tâm hồn tôi hơn bao giờ hết. Trong đời tôi chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như hôm nay. Tự nhiên tôi hồi tưởng đến những năm 1945 - 1947, lúc chúng viện vì thời cuộc phải đóng cửa, tôi về sống ở quê nhà và bắt đầu dĩ để qua ngày đoạn tháng, tôi được cha Jeannin Gros chính xứ Đà Nẵng giới thiệu làm thông dịch viên cho Quân đội Pháp một thời gian ngắn tại thành phố cũng như trong các cuộc hành quân. Và sau đó các bạn thông dịch viên lại quyến rũ tôi đăng tên vào Trường sĩ quan Thủ Đức vừa mở cửa. Tôi lưỡng lự và sau đó dứt khoát từ chối. Tôi tưởng là đời chúng sinh đã tàn lụi không hy vọng gì có những ngày như hôm nay. Có lần tôi nghĩ đến đời sống tu Dòng hoặc lập gia đình như những người bạn nói trên đây. Đầu óc bấy giờ có vẻ mung lung lắm. Nhưng mỗi ngày mẹ

tôi vẫn an ủi nâng đỡ và cầu nguyện cho tôi và sau hết tôi đã được thơ cha Bê Trê-n gọi lại.

Nói đến mẹ tôi, tôi liền tưởng ngay đến xâu chuỗi trên tay của bà mỗi sáng mỗi chiều khi thức dậy cũng như trước khi đi ngủ. Tôi không biết mỗi ngày bà lẩn mấy chuỗi nhưng tôi xác tín rằng những xâu chuỗi đó dành cho tôi có ngày hôm nay, đồng thời tôi cũng xác tín rằng ơn gọi Linh mục của tôi được nảy sinh từ lòng sùng kính Đức Maria, người Mẹ mà tôi đã bắt đầu quỵn luyến từ thuở nhỏ nhờ gương lành và lời mẹ tôi thúc đẩy cũng như thời chúng sinh nhờ cha Bê Trê-n G - B Décrouille thường nhắc nhở trong giờ huấn đức. Tôi nhớ rõ các giờ huấn đức của ngài luôn kết thúc bằng một hai lời về lòng mến yêu Đức Maria và nhất là đời sống đạo đức của ngài là tiếng nói mạnh nhất đang vang lên trong tôi.

Tôi đang mãi mê đuổi theo những ý nghĩ đó thì tiếng suối reo từ xa xa làm tôi thức tỉnh và nhớ mình đang đi lên Kobey.

Trời đã ngả về chiều, những cơn gió thổi mạnh làm lay chuyển các cành cây bên bờ suối la Sir như chào đón chúng tôi. Cảnh trí thơ mộng tuyệt vời. Núi Nang Brai sừng sững hiện ra trước mắt. Bên phải, dãy núi Gor Tơng phát xuất từ phía Plei Krong như dẫn đường chúng tôi đến đây và tiếp tục chạy thẳng về phía Tây Bắc bao bọc các làng thuộc địa sở của tôi. Qua suối la Klo, chúng tôi bắt đầu thấy làng Kobey với con đường thẳng tắp chạy vào nhà xứ.

Được tin chúng tôi đến, anh chị em giáo dân vội vã ra đón, lòng thoải thuê mãn nguyện. Họ xăm



Đường rừng

xì với nhau: "Hmâu ama do mơng ta boih! Có cha ở với mình rồi." Thấy chúng tôi, các em bé mỉm cười sung sướng nhưng vẫn còn e lệ và vội vã chạy níu áo mẹ. Níu áo mẹ nhưng vẫn ngoái lại nhìn chúng tôi dường như để xem chúng tôi có được sung sướng như các em không. Thật dễ thương, những tâm hồn trẻ thơ! Trên gương mặt tươi vui của anh chị em giáo dân, tôi thoáng nhận ra có những nét buồn thắm kín vì họ đang ở giữa mùa dịch tả. Những tháng vừa qua đã chết quăng 20 người và hiện giờ nhiều người còn liệt giường. Hai anh em chúng tôi thật xót xa. Đoàn người đông đảo vây quanh chúng tôi nói nói cười cười sung sướng, người thì nói tiếng Jarai hoặc tiếng Bahnar, người thì bập bẹ vài tiếng Kinh vì họ biết chúng tôi là hai Linh mục trẻ chưa bao giờ ở với anh chị em dân tộc.

Lần đầu tiên tôi nhận thấy lòng khao khát của giáo dân đối với Linh mục sau lâu ngày vắng bóng cha xứ và nhất là họ đang sống giữa mùa dịch tả. Sau khi dùng bữa cơm tối sơ sài, chúng tôi ngả lưng nghỉ ngơi đôi chút sau một ngày đàng mệt nhọc rồi ngủ lúc nào không hay và những người đến thăm cũng lần lượt ra về lúc nào không biết. Quăng quá khuya chúng tôi vắng nghe có tiếng khóc phía sau nhà xứ. Tôi tự nghĩ: thêm một người



Hình má Thầy A Dên
(hình chụp năm 2007)

chết! Sáng sớm có ông già đến thăm và báo em bé cháu ông vừa qua đời. Ông xin mượn súng săn của tôi để bắn trâu chuẩn bị bữa ăn chôn cất cháu theo tục Jarai. Ông già đó là Chánh Tổng Chơi. (ông ngoại của Thầy A Dên đang học ở Đại Chung Viện Xuân Bích Huế bây giờ. Má của thầy lúc tôi

mới đến nhậm xứ suýt soát mười một mười hai tuổi.)

Ông có bảy trâu nhà thả ăn ngoài rừng lâu ngày không có sủng khó lòng bắt được.

Thế là thêm một em bé chết vì dịch tả. Việc đầu tiên của tôi phải làm là đi thăm các bệnh nhân. Cũng may là tôi đã tiên liệu những thuốc cần thiết vì trước đây tôi đã được nghe nói đến dịch tả đang hoành hành, cùng với thuốc tôi đem theo vài chai rượu Rhum dành cho những người lớn tuổi, uống thuốc xong thì có thể dùng một ly nhỏ cho ấm dạ ấm lòng. Phát thuốc thì dễ nhưng canh chừng để họ uống thuốc là chuyện khó. Tôi phải đi một vòng để coi bệnh và phát thuốc. Sau mấy tiếng đồng hồ đi thăm một lần nữa và tôi nhận thấy một số không uống nhưng để dưới gối nhất là con gái, đàn bà. Con gái Jarai cũng không nhẽo không khác gì con gái Kinh. Kinh nghiệm các cháu gái của tôi. Tôi nhớ một gia đình có ba cha con, người chị đã chết cách đó mấy ngày, còn cha và em gái cũng đau nặng, dân làng mặc dù không dám nói ra nhưng ai cũng tưởng rằng họ sắp sửa ra đi ! Tôi đã cứu cả hai cha con. Loại thuốc tôi cho đây phải uống năm viên một lần và sáu lần trong 24 tiếng và uống rất nhiều nước. Đôi khi tôi phải đứng đó để ép uống xong tôi mới đi. Con trai hay người lớn thì tương đối dễ, nhưng con gái thì trời ơi đất hỡi vẫn ngần ngại không chịu uống! phải nhẫn nại chờ đợi một hồi lâu, có khi phải hù dọa nữa. Có lẽ thứ thuốc tôi cho uống lúc đó là loại Sulfaguanidine của Mỹ (công hiệu như Ganidan của Pháp). Tôi bắt đầu hiểu người Jarai. Tôi phải làm tất cả vì ở vùng sâu vùng xa không một bác sĩ hay y tá đặt chân đến. Tôi ý thức rằng sự hiện diện của tôi trong hoàn cảnh này thật quá cần thiết để cứu sống nhiều người. Trường hợp bệnh nặng cần phải cáng đi bệnh viện tại Kontum nhưng họ không bao giờ chịu đi. Lý do họ sợ chết xa nhà. Chết xa nhà thì họ lại kiêng kỵ không dám đem xác về nhà, chỉ nằm ngoài rừng

hoặc trước cổng làng. Nhờ thuốc và nhờ đi thăm thường xuyên với những lời căn dặn về vệ sinh, về cơm ăn nước uống tôi đã đẩy lui được dịch tả. Nhờ liên lạc với bà bác sĩ Smith ở Kontum, bà đã gửi gắp lên một số thuốc trụ sinh. Thật là niềm vui lớn cho tôi. Thuốc trụ sinh bấy giờ rất hiếm và đắt tiền. Trường hợp đi tả nặng đối với người lớn, typho, terra, tétra hay auro 0, 500 cho uống 12 viên một lần duy nhất ! chỉ sau một tiếng đồng hồ là khỏi ngay. Lần đầu tiên tôi thấy liều lượng của bà Bác sĩ Mỹ. Và lại anh chị em dân tộc ít khi dùng thuốc nhất là loại trụ sinh nên đối với cơ thể của họ thuốc rất nhạy.

(Sau này lúc tôi làm giám đốc Chung viện Thừa sai tại Đalat, có lần tôi đã giới thiệu liều lượng này cho cha Alphonse Desroches là y tá chung viện, y tá sành nghề, trường hợp một ít chủng sinh đi tả nặng và lâu ngày bệnh không thuyên giảm. Ban đầu ngài có vẻ ngại không dám nhưng vì tôi chịu trách nhiệm, ngài nghe lời tôi và thấy kết quả như tôi nói.)

Ngoài việc cho thuốc, tôi cần phải giúp đỡ về mặt thiêng liêng, dạy dỗ, giải tội xúc dầu và đem Mình Thánh Chúa... để chuẩn bị cho họ ra đi bình an. Chúng ta nhớ đây là những người đạo mới chưa hiểu biết giáo lý bao nhiêu cần được dạy dỗ chỉ dẫn. Và liên tục hết ngày này qua ngày khác, thật vất vả. Cũng may là trong các sở nhánh của tôi không bị dịch như ở Kobey.

Việc làm tôi khổ tâm nhất là khi có người chết, họ để xác nằm ba ngày hay cả tuần lễ mới chôn, thường là những gia đình có tiền có của, chờ bà con các làng xa đến và cũng là dịp giết trâu bò đãi khách đãi dân làng với hàng mấy chục ghè rượu, kéo dài cả ngày lẫn đêm. Cách ăn uống có tính cách phô trương, thiếu vệ sinh và giữa mùa dịch tả thật vô cùng tai hại! Khi ghè đã lưng thì cứ chêm nước, và chêm mãi, nước đây là nước suối chứ không phải nước đun sôi để nguội. Và những đĩa thịt đầy

ruổi và ruồi. Càng ăn càng chết càng chết càng ăn. Vòng luẩn quẩn. Tập tục nặng nề biết làm sao mà huỷ bỏ?

Xung quanh cái chết của người Jarai, tôi còn thấy nhiều tục lệ thật đáng thương!

Khi một người gần chết nghĩa là trong cơn hấp hối, miệng há hốc, thì họ đã bắt đầu lấy khăn vải trùm đầu kéo xuống cằm để buộc chặt cho khít môi. Thật tội nghiệp! Nhiều lần tôi can thiệp bắt phải chờ cho tắt hơi hoàn toàn thì tôi sẽ lấy rượu mạnh phun vào thì toàn thân sẽ mềm mại uốn nắn cách nào cũng được nhưng lời nói của tôi như đi vào sa mạc, không mang lại kết quả nào bởi lẽ tôi không ở luôn với họ khi có người hấp hối.

Một tập tục khác: nếu có người trong gia đình chết tiếp chưa kịp làm hòm thì họ quật mồ người đã chôn trước đó vài ba ngày để cùng nhét chung một hòm. Hòm của dân tộc ở đây được làm bằng khúc cây to có khoét rãnh ở giữa hình cái mõ, cả toán người có khi mất lâu ngày mới làm xong. Ở đây không có thợ cửa cũng không có sẵn ván đóng hòm như người Kinh, vì thế mà có vụ quật mồ để chôn chung như trên. Khốn hơn nữa huyết mã đào sâu chỉ quãng bốn hoặc năm tấc! Có lần chó đánh mùi và đào lên! Và nghĩa địa xa cách làng chỉ gần hai trăm thước thôi!

Lần đầu tiên tôi dự những đám tang Jarai. Trong gia đình có tang thì bà con rủ rỉ khóc than và kể kể muôn ngàn câu chuyện dĩ vãng liên quan đến người chết, nào khi bắt ốc hái rau, nào khi đi rừng đi rẫy, nào khi được mẹ cha cưng chiều... họ chưa có thói quen cầu nguyện cho người chết, ngoài nghĩa địa thì tất cả đoàn người đi đưa cùng khóc rú lên, cả cây số vẫn nghe.

CHO NGƯỜI CHẾT ĂN

Khi một người trong gia đình chết và đã chôn, trong vòng một tháng bà con phải đem cơm "nuôi" họ. Trên mộ có ống lồ ô đâm thẳng xuống hòm và chiếu chiếu hay sáng sáng đem cơm bỏ vào ống, sau đó quét tước mồ mả tươm tất sạch sẽ. Thường thường sau một tháng thì không nuôi nữa.

Đây là một ít tập tục Jarai ngay những ngày đầu tiên mới đặt chân lên đất Kobey tôi đã chứng kiến. Mặc dù đã dứt khoát theo Chúa nhưng một số nào vẫn còn lén lút cách này hay cách khác đi theo đường xưa lối cũ.

Nhân dịp này tôi cũng muốn thuật lại vài hủ tục mê tín mà ít hay nhiều họ vẫn còn giữ, tuy không nguyên vẹn và công khai như xưa vì dù sao họ vẫn ngại vì tôi có mặt ở đó. Với thời gian dần dà họ loại bỏ nhờ sự học hỏi giáo lý và chỉ bảo của Yao Phu cũng như của cha sở.

LỄ BỎ MẢ

Cách riêng đối với mồ mả cha mẹ ngoài việc "chăm nuôi" còn phải giấy cỏ quét rác mỗi ngày cho đến suốt đời. Việc phục vụ trên đây kéo dài trở nên quá cực nhọc vì vậy được hạn chế còn lại năm năm hoặc mười năm tùy theo gia đình quy định và được kết thúc vĩnh viễn bằng lễ bỏ mả.

Lễ này được tổ chức rất lớn trong vòng ba ngày với những hình thức trang trọng để tỏ lòng biết ơn báo hiếu cha mẹ và "từ giã" các ngài lần cuối cùng. Lễ này không có gì là buồn, trái lại đượm màu sắc vui nhộn, có múa nhảy, ca nhạc, chiêng trống,

reo hò suốt đêm, xen lẫn nhiều trò đùa không mấy đứng đắn giữa nam nữ, có khi ẩu đả đâm chém nhau vì ghen tương kinh địch... nguyên nhân có các làng xa tấp nập kéo tới với nhiều cái phức tạp không lường được. Trong lễ này họ giết bò trâu dê heo gà vịt và bày biện những của ngon vật lạ, để tưởng nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Sau đó thì giao mả cho trời đất thiên nhiên nghĩa là bỏ hoang không bao giờ nhớ tới nữa.

Lễ bỏ mả với những nghi thức long trọng trên đây không chỉ dành cho cha mẹ mà cả đứa con cưng của cha mẹ cũng được quyền hưởng nữa.

LỄ ĐÂM TRÂU TẾ THẦN

Mỗi khi sửa chữa nhà RÔNG hoặc làm nhà RÔNG mới thì luôn luôn có lễ đâm trâu tế thần. Nhà Rông cao vòi vọi là tượng trưng nơi các thần ngự trị với uy quyền, sức mạnh, giàu sang phú quý của các ngài đặc biệt là Thần Sét đồng thời nhà rông cũng là biểu tượng tinh thần đoàn kết của dân làng.

Lễ khánh thành được tổ chức rất mực long trọng. Trước nhà Rông có dựng một cây nêu cao và một cây nêu nhỏ.

Tại chân nêu cao người ta cột một con trâu và tại nêu nhỏ một con dê, trâu đực thì dê cũng đực, trâu cái thì dê cái, trâu bạch thì dê bạch, ... Đây là đòi hỏi của các thần và chủ yếu là thần Sét (Oj potao kotäl). Những hình phạt hoặc tai ương như bão lụt, mất mùa đói kém, việc sinh đẻ con sống mẹ chết v.v... là do chính các thần này gây nên. Từ cây nêu có buộc dây chỉ kéo lên nhà Rông và từ nhà Rông được giăng đi từng nhà trong làng để nói lên tinh thần hiệp thông và đồng hưởng các ân lộc

dồi dào do thần ban cho v.v...

Đêm vọng lễ, mỗi gia đình thay phiên đến cắm dây cột trâu và chủ gia đình đọc lời nguyện xin xua đuổi tất cả những xui xẻo bất hạnh và xin đem đến may mắn hưng thịnh theo lòng mong ước! Sau đó một toán người mang chiêng đi từng nhà vừa đánh vừa hú thét vừa đòi giao cho họ tất cả những xui xẻo và họ sẽ cho lại mọi sự may lành.

Sáng sớm ngày đâm trâu mỗi nhà một người đại diện lấy một nắm gạo đã đặt bên con trâu từ đêm hôm trước vãi lên lưng trâu, ý muốn nói gởi tất cả những xui xẻo bất hạnh đi theo cái chết của nó.

Lễ đâm trâu là một trong các mê tín mà dân làng phải dứt khoát từ bỏ một khi trở lại đạo. Các bô lão là những người đứng đầu làng đã tự động và kêu gọi dân làng xin nhập cộng đoàn con cái Chúa. Họ đã thể hứa loại bỏ những hủ tục mê tín và không bao giờ được trở lại đường xưa lối cũ nữa. Nhưng chỉ có con cháu thì học giáo lý và xin chịu phép thánh tẩy, còn các cụ ông cụ bà thì chỉ chờ giờ sau hết mới xin theo Chúa. Vì thế những mê tín dường như có ma lực hấp dẫn khó mà đoạn tuyệt. Ông bà còn tin theo thì cũng kéo cả đoàn con cháu ít hay nhiều hoặc bằng cách này hay cách khác phải theo ông bà.

Dù sao chúng ta cũng biết ơn các bô lão đã phần nào có công trong việc thúc giục con cái theo đạo vì nếu các bô lão không thuận theo đạo thì cả làng vẫn là làng ngoại giáo, không Linh mục nào có quyền đến ở trong làng họ.

Tôi phải làm gì để giúp đỡ và xây dựng cho họ trong những trường hợp khó khăn trên đây?

Tôi nhớ như trong năm đầu tiên khi mới bắt đầu đặt chân lên Kobey, tôi đã thấy lễ ăn trâu. Trước khi ăn trâu có ông câu

đến xin phép. Tôi nghĩ nếu xin phép tất nhiên có cái gì bí ẩn trong đó. Họ trả lời ăn vì thói quen chứ không cúng tế như thờ còn bên lương. Tôi đoán họ xin phép để khỏi có sự nghi ngờ.

Những hình thức cúng bái lược thuật trên đây trong thời gian còn ngoại giáo trước kia, không còn tái diễn trăm phần trăm, một phần vì sợ Chúa phạt, dù sao họ vẫn có chút lòng tin vào Đấng Tối Cao, một phần vì sợ cha sở. Cha sở có quyền vận hỏi họ vì họ đã tình nguyện theo Chúa và đã thể hứa với Chúa quyết tâm đoạn tuyệt những mê tín. Tôi nhận thấy họ biết nghe theo lời đã cam kết. Nhưng ai mà biết hậu ý của họ? Và nhất là họ lợi dụng cha sở mới chưa có kinh nghiệm về những tập tục mê tín của họ. Có chú Yao phu nhưng Yao phu cũng ngại trình bày mọi sự cho cha sở.

Vấn đề cho kẻ chết ăn, tập tục bỏ mả, lễ ăn trâu tế thần và nhiều mê tín khác, tôi nghĩ muốn loại bỏ thì cần phải có cái gì thay thế. Cần phải mừng lễ Các Linh Hồn, lễ Các Thánh hằng năm hết sức long trọng và làm nổi bật chẳng hạn những tâm tình báo hiếu ông bà cha mẹ bằng lời kinh nguyện sốt sắng. Cụ thể mỗi khi có người trong gia đình qua đời, phải tập họ cầu nguyện cho người chết chẳng những ngày mai táng mà cả tuần lễ tiếp theo trong gia đình.

Ngoài ra tổ chức thường xuyên những cuộc rước kiệu Đức Mẹ trong làng, Mẹ đi thăm con và Mẹ sẽ đem niềm an vui nếu có lòng tin cậy vào Mẹ như tôi thường nói với họ. Vì thế họ rất mộ mến việc rước kiệu Đức Mẹ như tôi đã làm một hai lần. Rất tiếc tôi chỉ làm một hai lần mà không tổ chức thường xuyên vì dụ các thứ bầy đầu tháng hay dịp lễ kính Đức Mẹ.

Một việc sùng kính khác mà tôi nghĩ không nên bỏ qua, đấy là dựng tượng Đức Mẹ giữa làng. Đây là những việc sùng kính có tính cách bình dân giúp họ tin tưởng vào sự che chở

của Mẹ trong mọi nơi mọi lúc, nhất là chiều chiều sau kinh tối chẳng hạn họ tập trung hát xướng chào kính Mẹ. Một khi có lòng mến mộ Đức Mẹ thì tự nhiên những việc mê tín sẽ không còn ý nghĩa và sẽ bớt dần. Việc này đáng lý tôi phải làm ngay khi đặt chân đến Kobey nhưng chưa làm và không làm kịp thì thời buổi kinh hoàng sắp đến ! Chắc chắn việc sùng kính phải nuôi dưỡng bằng căn bản giáo lý, bằng lời giảng dạy, nhưng việc này phải làm, việc kia không được bỏ.

TIẾP TỤC LỄ ĐÂM TRÊU TẾ THẦN TRÊN ĐÂY

Là Linh mục trẻ từ môi trường chủng viện và từ xứ họ người kinh vừa bước qua thế giới người dân tộc chưa có thời giờ học tiếng Jarai và nhất là đi sâu vào phong tục của họ, tất cả đều lạ lẫm nhất là mặt tâm lý. Thẳng đường mục thì đau lòng gỗ. Cứng quá sẽ gãy mất. Tôi thú thật tính tôi thời tuổi thanh niên rất hung hăng, tôi phải cầm mình và lựa lời lựa lúc để tập họp các bô lão trình bày cho họ thấy những trường hợp tệ hại nói trên và nhiều hủ tục mê tín khác có dịp sẽ trình bày sau.

Riêng về vấn đề uống rượu trong mùa dịch tả, nếu không loại bỏ ngay thì có nguy cơ số dân làng sẽ không còn lại bao nhiêu. Dân số làng Kobey quăng từ ba trăm rưỡi đến bốn trăm. Trước khi tôi đến đã chết 20 người rồi và còn tiếp tục gần như mỗi tuần! Theo lời tôi khuyên bảo, họ đồng ý từ đây về sau cố gắng áp dụng những biện pháp sau đây: chết chỉ được để hai hoặc ba ngày thôi, nhất là giữa mùa dịch; huyệt mả sâu ít nữa tám tấc hay một thước, không quật mổ chôn chung như trước, có nhiều cách để giúp đỡ nhau. Ai không tuân thì có tiếng nói của làng. Các bô lão dường như không đủ uy quyền để ra lệnh đó. Họ xin nhượng quyền phạt đó cho cha sở. Tôi đã ra hình

phạt đó một hai lần: ví dụ đi gùi dầu lửa tại Kontum để dạy lớp binh dân học vụ hoặc xài trong nhà thờ. Tiền dầu lửa cha sờ chịu, công đi về hai ngày của người có lỗi với làng. Biện pháp đó ai cũng hài lòng. Thời đó muốn có vài ba thùng dầu lửa để dùng tại Kobey thì thật vất vả, tất cả trên lưng người hoặc lưng ngựa! Ngoài ra tôi không còn biết dùng biện pháp nào khác hữu hiệu hơn. La rầy hoặc gắt gồng là điều rất cấm kỵ, cách đối xử như thế tuyệt đối không bao giờ được phép; chắc chắn có lúc phải nghiêm nghị nhưng luôn luôn với lời lẽ dịu dàng. Đây là kinh nghiệm của một cha già nọ và cũng là bài học đầu tiên của tôi khi bước chân vào đất Jarai. Có lúc họ được so sánh như trẻ em, nếu bị quát mắng thì không bao giờ họ dám bèn mảng tới nhà xứ. Không chỉ với anh em Jarai mà với các dân tộc khác cũng tương tự.

Về vấn đề uống rượu giữa mùa dịch tả, tôi đã khuyên họ nên vâng lời bức thư của Đức Cha về vấn đề hạn chế các ghè rượu và thời gian uống chỉ được kéo dài trong ngày thôi. Mặt trời lặn thì phải dẹp tất cả. Trước kia chưa có luật này thì chúng ta tưởng tượng suốt đêm từ xó xỉnh này đến các gốc cây, ai cũng nằm lăn lóc! nhiều cảnh tượng không tốt đẹp lắm!...

Trong vấn đề sống đạo, tôi tự nghĩ muốn trở thành một Kytô - hữu, trước tiên phải là con người có nhân cách. Con người là mảnh đất để gieo hạt giống Tin Mừng của Chúa. Nếu không xây dựng con người thì làm sao có thể xây dựng đời sống đạo. Đây là công việc trường kỳ của Linh mục.

Tôi phải làm gì, phải làm thế nào để anh chị em Jarai có đời sống nhân bản hơn? Công việc khó khăn này đòi hỏi thời gian rất lâu dài. Tôi cảm thấy lời chỉ bảo của tôi như giọt nước trong biển cả. Nhưng tôi nghĩ nếu không làm thì biển cả thiếu đi giọt nước đó. Vạn sự khởi đầu nan, phải bắt đầu một cách

khiên tổn. Sở dĩ đặt vấn đề vì tôi có nghe thời buổi xa xưa trong các vùng khác có Linh mục đã quá hăng say đổi mới với nhịp độ không bình thường nên đã không thành công mà lại sụp đổ. Sau một thời gian ngắn ngủi sống với họ tôi có thể nói lên vài kinh nghiệm. Thật thế tôi đang bước vào thế giới Jarai, một thế giới hoàn toàn xa lạ.

Làm sao biết đường mà đi?

"Hỡi người lữ khách, ở đây không có đường.

Chỉ có cách vừa đi vừa mở đường."

Đường tiếng Việt có nghĩa là đường đi mà còn có nghĩa là chất ngọt dịu lấy từ mía. Chỉ con đường này mới có thể dẫn tôi vào thế giới tâm hồn người Jarai. Khi chúng ta nhẫn nại chịu đựng, đối xử dịu dàng và chỉ khi nào họ cảm thấy được yêu thì bấy giờ mới có thể nói rằng chúng ta có khả năng làm được một cái gì. Vả lại người Jarai cũng có tự tôn dân tộc như ai. Có khi phải sống như Jarai rồi mới cảm hóa được Jarai. Họ được cảm hóa mà không biết mình được cảm hóa lúc nào. Nếu không đi con đường đó thì người Jarai có nhiều cách để thoát thác ví dụ "cha là người Kinh ! còn chúng con là Jarai mà...Cha quen nếp sống người Kinh, chúng con quen nếp sống Jarai...làm sao cha ép chúng con sống theo đường lối Yươn..." Nhưng khi họ cảm thấy chúng ta yêu thương họ và sẵn sàng chết sống với họ thì không còn đặt vấn đề nữa.

Nhưng cũng hãy coi chừng, nhập cuộc với anh chị em Jarai, nếu không có lập trường và đường lối thì bị lôi cuốn theo Jarai với tất cả cái tệ hại của họ. Có những phong tục rất tốt đẹp lành mạnh cần phải bảo tồn, có những phong tục nghi ngờ pha lẫn mê tín dị đoan chúng ta cần tìm hiểu đến nơi đến chốn. Phải Kytô - hóa Jarai chứ không phải Jarai - hóa Kytô. Nếu không lưu ý về điểm này chúng ta dễ sa vào sách lược mị dân và gây hại

đến đúc tin...

Thật sự tôi bắt đầu chạm trán với ít nhiều khó khăn. Tôi bắt đầu bước những bước đầu tiên vào đường rừng! Đường rừng có lúc băng qua những nẻo cây suôn thẳng xinh đẹp nhìn mát cả mắt, có lúc phải vượt qua những chặng toàn là gai góc, cần phải mở đường bằng cách chặt tĩa những bụi gai, có lúc phải nhẹ nhàng chuyển mình vươn qua. Bằng cách này hay cách khác tôi biết có đôi ba gia đình có đạo say sưa liên tục, cúng tế chùng lén hay làm nhiều việc mê tín khác hoặc bỏ lễ chúa nhật thường xuyên, gương xấu cho cộng đoàn. Đối với người kinh, chỉ cần thăm viếng nhắc nhở, sửa mình hay không tùy sự tự do của họ. Nhưng ở đây đối với anh chị em Jarai toàn là đạo mới, những gương xấu đó cần phải sửa chữa cách hiệu quả, nếu không thì lây lan cả họ đạo. Thời bấy giờ mỗi họ đạo gồm quăng hai hay ba trăm dân, nhà cửa san sát nhau trong vài ba mẫu đất, nhà thờ nhà xứ ở giữa, những gì xảy ra cho các gia đình, thì cả làng cũng biết.

Có lần tôi xây dựng cho một gia đình về những khuyết điểm trên đây, tôi dựng phải một con người cá tính và tự ái. Họ phản ứng bằng cách đề nghị rằng nên để ai cúng thì cứ cúng mặc dù họ là công giáo, nếu đòi hỏi phải sống theo luật đạo, thì làm sao người Jarai, Halăng có thể trở lại công giáo dễ dàng. Nhưng qua cách đối xử và giải thích nhẹ nhàng của tôi, ngày hôm sau ông ấy đã đến gặp tôi từ sáng sớm và xin lỗi vì đã có những lời lẽ không hợp ý trời. Đối với ông này theo đạo có nghĩa là chịu phép rửa tội thôi còn những hủ tục mê tín cúng quả có thể giữ lại phần nào để vừa ý dân làng.

Sau đó mấy ngày, có đám cháy nhà trong làng. Tôi thấy rõ và cả làng cũng nhận định, nếu không có tôi ở đấy chắc các nhà trong làng biến thành đồng tro vì nhà nào cũng san sát nhau.

Trong quá khứ, trường hợp này đã xảy ra đôi lần. Lúc ấy là giữa mùa hè có cơn gió chiều thổi mạnh, một ngôi nhà bốc cháy và tàn lửa bay khắp nơi. Thanh niên hay đàn ông dường như đã mất bình tĩnh cứ đứng dưới sân khóc la to tiếng: Chúa ơi! Chúa ơi! xin Chúa cứu chúng con! Tôi có cảm tưởng họ chỉ chờ Chúa đến cứu chứ không biết làm gì. Tôi lật đật sai người giục trống nhà thờ để các người vắng mặt vội vã về nhà vì đa số rầy gần làng. Các em giúp việc của tôi lên mái nhà xứ và nhà thờ tưới nước và ngồi canh chừng trên ấy để họ thấy và bắt chước, còn tôi thì chạy ra từng nhà và ra lệnh tất cả thanh thiếu niên và đàn ông lên ngồi trên mái nhà với bầu nước, ngoại trừ một số giúp nhà bị hỏa hoạn, trong lúc bối rối có lần tôi phải phát vào miệng họ mới vâng lời. Vô số ngọn lửa bay tới tấp trên các mái nhà bị dập tắt ngay. Thế là tất cả các nhà trong làng được cứu, ngoại trừ ngôi nhà bị bốc cháy đầu tiên, đồ vật một ít được đem ra kịp. Nếu tập trung chữa nhà này thì không thể được vì không đủ lượng nước, nguồn nước uống và suối la Sir xa hàng mấy trăm thước, và nếu càng dùng cây đập thì ngọn lửa càng lên cao nguy hiểm cho các nhà khác. Về gia đình bị cháy nhà tôi kêu gọi anh em trong làng giúp đỡ họ và tôi cũng đóng góp với họ. Về sau người người trong làng ai cũng trầm trở xưa nay chưa bao giờ thấy cái cảnh mấy trăm người ngồi trên các mái nhà như hôm nay. Ai cũng bảo nếu không có "cha mình" cho ý kiến thì chỉ có việc ra rừng mà ngủ. Tôi mới nói: tại sao lúc nhà cháy cứ đứng đó mà kêu Chúa? Chúa cho mình có trí khôn có hai tay, phải biết hành động chứ! Cám ơn Chúa đã cứu Kobey khỏi cơn hỏa hoạn. Tôi cũng nhận thấy qua biến cố này mà uy tín phần nào ngày càng lên cao. Từ đó dễ ăn dễ nói với họ và những lời khuyên răn dễ chấp nhận. Thực sự trước đây tại vùng này cũng như các nơi khác, hễ có cháy nhà thì cả làng cũng bị thiêu rụi, vì nhà trong làng san sát nhau nhất là lúc trời nắng và có gió to.

Hơn nữa không ai có sáng kiến và đủ uy quyền để điều khiển.

TÔI PHÁT THUỐC

Trên vùng này không bao giờ thấy bóng y tá hay bác sĩ. Chúng tôi đang ở trong chế độ Cộng Hòa Miền Nam thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1955 - 1963) có lẽ còn mới mẻ chưa kịp tổ chức các trạm y tế trong các làng dân tộc. Vả lại y tá cũng không ai mà lên chỗ rừng thiêng nước độc này, thảng hoặc có lên thì chỉ thoáng qua cho xong chuyện rồi vội vã về ngay. Chính tôi phải cáng đáng tất cả. Vì thế bệnh viện sẵn sàng cho tôi tất cả những thuốc cần thiết. Để khỏi mất thời giờ trong vấn đề phát thuốc, mỗi sáng nhà xứ có ba tiếng trống báo hiệu. Người giúp việc đã được tôi huấn luyện giúp băng bó hoặc cho những thuốc thông thường. Những trường hợp nặng hoặc chích thuốc thì chính tôi làm vì tôi chưa kịp huấn luyện cho người giúp việc của tôi. Một hai lần tôi bị sốt rét chính tôi tự chích cho tôi. Có điều tôi lấy làm lạ là người dân tộc không muốn uống thuốc nhưng lại thích được chích thuốc.

BÁC SĨ THĂM ĐỊA SỞ KOBÉY

Trong những năm đầu tiên ở PleiKobey, những năm còn an bình có lần tôi đã mời Bà BS Mỹ Smith đến thăm vùng rừng núi xa xôi này. Việc mời BS đến thăm Địa sở không có ý nghĩa gì khác hơn là sự thân thiện cá nhân. Bà là giám đốc bệnh viện dân tộc tại Kon Monei. Sau năm 1961, nghĩa là sau cái chết của hai cha Hoàng Ngọc Minh và Quý (Bonnet), bệnh viện được cải

tên là Bệnh Viện Minh - Quý, hai vị Linh mục này đã hy sinh cuộc đời cho anh chị em Dân tộc. Bà là giám - đốc và các nhân viên theo chỗ tôi biết thì hầu hết là các chị em Dòng Ảnh Phép Lạ và Dân tộc. Họ làm việc rất tận tụy và lương tâm. Hầu như tất cả các bệnh nhân dân tộc từ khắp nơi được chữa trị tại đây. Còn anh chị em Jarai - Halăng thời bấy giờ thì còn tin ở việc cúng tế hay các bà phù thủy trong làng hơn là tin thuốc và rất ngại đến nhà thương. Và lại từ Kobey về Kontum đi mất cả ngày, bà con không ai muốn khiêng một bệnh nhân quảng đường xa, một việc phiêu lưu vì không chắc gì bác sĩ có thể cứu họ. Sự có mặt của bà ở vùng sâu vùng xa nói lên một phần nào lợi ích về phương diện này. Và nếu trong trường hợp cấp cứu thì có lẽ bệnh nhân sẵn sàng đi bệnh viện của bà.

Khi được tin ngày giờ bà hẹn, tôi đã sai người dẫn ngựa đến bến đò Plei Krong cách xa Kobey một buổi đường để đón bà. Bà cỡi ngựa và có em đi trước dắt ngựa cho bà. Bà đến Kobey và trước tiên đi các làng Halăng phía tây bắc Kobey.

Cuộc du ngoạn này làm bà rất thích thú và dân làng rất sung sướng đón tiếp bà. Bà nói tiếng Bahnar khá thông thạo và dân làng Halăng hay Jarai cũng hiểu được. Sau khi đi thăm vùng Halăng, lúc trở về Kobey bà cười nói cách đặc chí: "Thanh niên cả nam cả nữ ra đón tôi ai cũng có môi son." Tôi trả lời: "Tôi cũng lấy làm lạ, có bao giờ thấy con trai hay con gái ở đây có môi son như thế đâu, nhưng có lẽ họ tưởng rằng đi đón người đẹp thì phải vậy." Bà càng cười đặc chí hơn nữa. Dân tộc Halăng cách xa Kontum hơn ngày đường. Lâu tháng đi chợ một lần bán gà hoặc đồ lật vặt lấy từ rừng để có tiền mua sắm trong nhà. Họ gặp chi mua nấy. Có lẽ họ thấy con gái Kinh thoa son, họ cũng bắt chước mua son nên trong làng dịp lễ này họ con trai con gái cũng bôi son cho vui!

Bà bác sĩ ở Kobey vài ngày. Hầu hết những người đau yếu nặng hay nhẹ cũng đến với bà. Bà ăn thì rất ít nhưng uống cà phê không đường và hút Bastos thì nhiều. Dân làng rất biết ơn bà.

(Sau năm 1975 bà về Mỹ và chết năm 2004. Bà rất đạo đức, rất thương người.)

ĐỨC GIÁM MỤC VIẾNG THĂM MỤC VỤ

Cũng quăng trong năm 1959, Đức Cha Kim viếng thăm mục vụ Giáo Xứ và ban Phép Thêm Sức. Có lẽ là lần đầu tiên từ trước đến giờ. Các năm về trước giáo xứ PleiKobey thuộc Plei Jơdróp nên các giáo họ phải tập trung tại Sở chính. Hôm nay có cả Sr Marie - Louise người Pháp, Nữ - tử Bác Ái Vinh Sơn, giám - đốc trại phong Kontum tháp tùng vì Kobey có nhiều anh chị em bệnh nhân và phong cùi cần bà giúp đỡ.

Trong bữa ăn, Đức Cha có lần tỏ ý thương hại những chị em Jarai vì nhận thấy một số khá đông bị bướu cổ và sưng má. Tôi mới lần lượt trình bày cho ngài hai chứng bệnh đó và phương thế chữa trị.

Đúng thế một số khá đông chị em Jarai ở đây có bướu cổ, tại Kontum cũng như các nơi khác thì họa hoàn lắm mới gặp. Họ thiếu chất iode vì thế từ khi mới đặt chân đến Kobey tôi đã cho uống iodine, ngay từ tám chín tuổi.

Theo chuyện cổ tích Jarai để lại thì con gái Jarai đi đến đâu cũng chê con gái các bộ lạc khác không đẹp vì không có bướu dài lòng thòng như họ. Và mỗi khi đi rẫy thay vì để bướu buông thõng trước ngực thì họ vắt trên vai để dễ làm việc.

Còn con gái đàn bà có bệnh sưng má không có bác sĩ nào

chữa được. Cha sở Kobey không chữa được bệnh nhưng cấm mang thứ bệnh này vào nhà thờ. Ai cũng cười và chờ câu giải đáp. Tôi nói, đây không phải bệnh nhưng là tật hay nói đúng hơn là thói quen. Con gái đàn bà người kinh ngày xưa thì ăn trầu, con gái Jarai thì ngậm thuốc lá cho đã ghiền, ngay trong nhà thờ cũng có người còn ngậm thuốc và nhét một bên má nên má giống như sưng lên. Đàn bà Jarai thường trồng thuốc trong vườn, họ hái lá non và bỏ vào bếp tro nóng sau đó họ nhai và ngậm. Nghe xong ai ai cũng cho một trận cười giòn. Còn đàn bà Halăng thì hút tẩu bằng đất có xe dài quãng bốn tấc xuống ngang hông, khi ngậm ống điếu thì có tay bợ.

Khi về lại Kontum, Sr Marie - Louise vừa cỡi ngựa vừa bế một em bé mồ côi, có cậu thanh niên cầm dây dắt đi. Chẳng may dọc đường bà bị vướng khóm le nên lúp rơi xuống đường. Bà vừa cười vừa kêu la inh ỏi. Cậu thanh niên vội lấy đội cho bà. Đời bấy giờ lúp Vinh Sơn còn to với hai cánh rộng thênh thang. Sau này cậu thanh niên sung sướng thuật lại lần đầu tiên cầm được lúp bà xơ trong tay và đội cho bà!



Các nữ tu Vinh Sơn thăm Kontum năm 2006

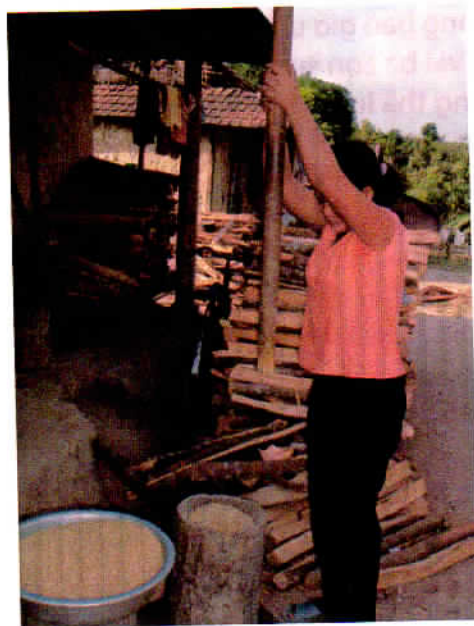
ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT NGƯỜI JARAI

Tôi rất cảm kích về đời sống vất vả của anh chị em dân tộc, nhất là đời sống của phụ nữ. Họ ăn mặc rất sơ sài vì không có gì để mặc. Làm việc rất nặng nhọc nhưng không có gì để ăn. Các em sơ sinh của họ không có gì để bồi dưỡng. Mỗi khi đi Kontum tôi thường mua vài chục bình có núm vú và sữa hộp cho các em, có cả vitamin để trộn với sữa. Mỗi khi từ Đà Nẵng lên tôi cũng nhờ mẹ tôi mua cả chục cây vải đen, người Quảng gọi là vải ta, loại vải thô to sợi, rẻ tiền, chị em rất thích.

Quanh năm có lúa đủ để ăn thường xuyên, thỉnh thoảng có năm mất mùa thì họ ăn củ, loại củ này phải ngâm dưới suối vài ba ngày mới loại được chất độc. Jarai ăn lúa nếp rất dẻo, đối với người Kinh không quen thì ngán lắm. Họ thích ăn lúa nếp vì mau no mà lâu đói. Ăn ngày hai bữa, vào nửa buổi sáng, nửa buổi chiều. Lúc mới lên Kobey cha Nên đã nhượng lại cho tôi tám mươi vuông lúa tẻ giá ba nghìn đồng. Lúa nếp tôi vẫn không nổi!

Phụ nữ Jarai phải giã lúa mỗi ngày, ngày nào xào ngày ấy, ít khi chuẩn bị trước. Để được một nồi cơm ăn phải mất ít nhất bốn tiếng đồng hồ. Bốn giờ sáng họ đã bắt đầu giã lúa, rồi sàng, sảy, rồi giã đi giã lại, sau đó đi tắm. Tiếp đến cho nước vô nồi. Nồi tròn bằng đất rất dày, chụm lửa mãi mà dường như không biết bao giờ mới sôi. Nước sôi cho gạo vào nồi, khi cạn nước thì đặt nồi xuống than đỏ bên bếp rồi xoay đi vẫn lại, động tác này kéo dài gần như vô cùng tận, nhất là ngày Chúa Nhật ai cũng ngồi quanh nhà thờ để chờ cho nồi cơm của chị em chín rồi mới bắt đầu đọc kinh và dâng Thánh Lễ. Vì thế lúc bấy giờ các họ đạo thuộc giáo xứ Kobey, người ta đã bầu lên những ông Biện ông Câu đời khi chưa có đạo mục đích chính là đi từng nhà

nhắc nhở và thổi thục dân làng đặc biệt các bà nấu cơm cho lạ để kịp đọc kinh dự lễ.



Người Jarai giã gạo

Cơm Jarai rất sạch sẽ tinh vi không bao giờ có sạn cát như gạo Việt nam thời bấy giờ. Từ bông lúa khô ngoài rẫy họ tuốt bỏ thẳng vào gùi và từ gùi đổ ngay vô kho lúa và từ kho lúa qua cối và từ cối vô nồi. Nghĩa là họ không phơi lúa ngoài sân hay ngoài đàng như người Kinh.

Cái cảnh chị em giã lúa mỗi sáng, những ai mới thấy lần đầu cũng đứng lại nhìn vì thấy hơi lạ lạ. Trước mỗi nhà dài quãng năm chục thước, có

chỗ nơi khách ngồi nghỉ chân trong ngày nhưng sáng sớm là nơi "tập thể dục" hay là "đất dụng võ" của chị em. Mỗi chỗ có ba bốn cối và mỗi cối hai ba người. Gần như chị em nào cũng mình trần không mặc áo xống gì mùa đông cũng như mùa hè vì mồ hôi nhễ nhại, áo đâu mà thay cho đủ. Có lần một toán lính hành quân từ Saigon đến và ngủ đêm tại Kobey. Ban sáng thấy chị em giã gạo và say sưa đứng nhìn. Họ bảo lần đầu tiên trong đời mới thấy cái cảnh chị em giã gạo! Thật tội nghiệp! Không biết bao giờ mới có máy gạo đỡ vất vả cho chị em miền núi?

NƯỚC UỐNG

Người Jarai, Halăng không bao giờ uống nước suối. Xung quanh làng Kobey có những vại ba con suối, suối lớn, suối nhỏ chảy ngang chảy dọc. Đàn ông thả lưới, đàn bà xúc cá. Nhưng nước uống thì có một nguồn nước vọt lên từ khe núi khe đồi được dẫn ra bằng những ống lồ ô. Từ mạch nước cho tới chỗ lấy nước được rào rất kỹ, không ai được bén mảng. Đây gọi là nước vọt hay là nước giọt. Nước vọt lên và nước chảy từng giọt. Sáng trưa chiều chỉ có con gái đàn bà đến lấy nước và tắm rửa thôi đặc biệt sau khi giã gạo. Khi họ chạy làng thì việc trước tiên là tìm cho được một khe nước từ đồi hay núi vọt ra để uống. Tôi nói chạy làng nghĩa là toàn làng chạy đi tìm chỗ ở mới. Ở đây dân Jarai tương đối ít chạy làng, nhưng phía Halăng trước kia thì có thể nói là thường xuyên hoặc vì mê tín hoặc vì lý do này nọ nhất là khi các già làng bảo nước không tốt.

THỨC ĂN CỦA NGƯỜI JARAI

Jarai ăn cơm với mắm kể là sướng lắm rồi. Lâu ngày họ mới xuống Kontum một lần mua được chút mắm nêm mắm tôm. . . về ăn được đôi ba ngày và còn chia cho bà con gần gũi cùng nhà nữa. Nhà Jarai Kobey dài những năm ba chục thước. Gia đình này ăn gì thì gia đình khác cũng biết. Của ngon thì không giữ được lâu. Ngoài ra họ ăn lá mì giã với muối. Đó là nói đến những ngày tháng mưa to gió lớn, bình thường họ có suối la Sir cá nhiều và rừng núi bao vây quanh làng với đủ loài muông thú. Đàn ông thả lưới, đàn bà con gái đi xúc, các em trai gài bẫy chim chuột, cắm câu dọc suối, thanh niên gài bẫy

bắt thú rừng. Có thứ bẫy rất nguy hiểm cho tính mạng được để phòng bằng những dấu hiệu cắm ở bìa rừng. Mỗi sáng, có khi từ sáng tinh sương, các ngã đường trong làng, rộn rịp kẻ qua người lại vội vã ra rừng ra suối xem bẫy xem câu đã gài từ chiều hôm trước. Nếu trẻ sợ người ra trước chộp mất. Lúc về ít hay nhiều ai cũng cầm trên tay con chim con chuột hay cá, có người may mắn hơn khiêng trên vai con heo rừng hay con mang, đấy chỉ là trường hợp họa hoằn thôi. Đang khi đó các bà các cô ở nhà, cơm đã chín, chờ thức ăn chống con đem về.

Đặc biệt buổi trưa trời nắng ráo là giờ của các bà các cô đi xúc cá nối đuôi nhau cả hàng dài vài ba chục người, thoải mái không áo xống gì, có gặp khách đi đường thì lấy hai tay che ngực, vai mang giỏ tay cầm rổ ra các suối lớn suối nhỏ, nhưng nếu có ai đó gặp họ thì có thể vui vẻ chào hỏi, nhưng đừng có chúc các bà may mắn bắt được nhiều cá. Họ chỉ tủm tỉm cười và không bao giờ đáp lại vì người dân tộc rất kiêng kỵ. Chúc như thế tức là chúc họ đi không về không. Về vấn đề săn bắn cũng vậy. Lúc mới đến Kobey lần đầu tiên, có người mượn súng tôi đi săn, tôi vui miệng chúc họ được may mắn thì thấy họ lại không vui lắm!

ĐỆT VẢI, NGÀY SINH THÁNG ĐỀ

Người Jarai dệt vải nhưng phải mất thời gian dài mới có được cái váy cái áo cái khăn choàng, thỉnh thoảng có thêu con cò con cuốc rất đẹp, dùng cho ngày lễ nhiều hơn, bình thường họ mua áo quần chợ rẽ tiền vì dệt bằng máy.

Ngày sinh tháng đẻ của chị em gặp nhiều cảnh khốn đốn đáng thương vô cùng, không biết bao giờ mới có bệnh xá để



Dệt vải

nằm đó mà chết. Lý do không đi bệnh viện vì họ sợ chết ngoài làng và vì cử kiêng không dám đem về nhà.

Một lần khác một bà đi thăm bà con làng xa, bị cấm khẩu và bất tỉnh. Họ khiêng về để tại cổng làng không được phép đem vào nhà. Tôi ra thăm, bắt mạch và vội vã lấy thuốc chích cho bà. Bà đã tỉnh lại và được khiêng về nhà. Ai cũng nói: "Cha mình làm phép lạ!!"

Người đàn bà Jarai sợ nhất vấn đề sinh đôi, vất vả đã đành mà lại không có gì để nuôi. Thỉnh thoảng lúc giận dữ họ rửa nhau: chúc cho mấy sinh đôi sinh ba!! Bao nhiêu đứa con sinh đôi Jarai hay Halăng tôi sẵn sàng giúp họ và tiếp tế những gì cần thiết. Dường như để tỏ lòng biết ơn, họ thích và đôi khi nài nỉ tôi đặt tên cho các em bé sinh đôi nhất là bằng cách nhái tên của tôi bắt đầu bằng hai chữ CH: "Chih, Chir, Cher, Chor. . ." Họ có một thứ lá ăn để ngừa thai, tên là pơgang Kơlär. Thứ lá này chỉ có con gái đàn bà biết và được trồng trong các bọng cây.



LÀM RẪY

Người Jarai Halăng mỗi năm làm một mùa. Quãng tháng giêng tháng hai thì họ “xem rừng” (lăng glai) nghĩa là tìm đất để làm mùa. Khi đã chọn được mảnh rừng vừa ý thì “phát rừng”. Tháng ba tháng tư, khi cây cối đã khô thì đốt. Tháng năm, trẻ lấm đầu tháng sáu khi trời bắt đầu mưa thì tría lúa. Đồng thời họ tría dưa tría bắp để ăn lai rai trước khi có lúa. Có nhiều rẫy rất lớn đến vài mẫu tây tùy khả năng, tùy nhân sự nhiều hay ít. Họ làm đổi công. Những tháng tiếp đó thì làm cỏ. Đây có lẽ là công việc nặng nhất. Đến tháng mười thì tuốt lúa. Họ không gặt không cắt như người Kinh. Họ chờ cho lúa chín khô thì tuốt bỏ vào gùi và đổ thẳng vào chòi ở bìa rừng. Mỗi rẫy có chòi ngủ nghỉ, có chuồng gà, có bếp nấu ăn nghĩa là tất cả những gì cần thiết để ngủ đêm ngoài rẫy cho những ngày làm mùa từ tháng năm tháng sáu đến tháng mười. Nhưng họ vẫn luôn tôn trọng ngày Chúa nhật ngay cả những người chưa có đạo (đây tôi nói đến những làng đã xin theo đạo). Chiều thứ bảy về xưng tội và dự lễ Chúa nhật đầy đủ. Sáng thứ hai thì cha mẹ con cái đùm đé lại kéo nhau ra rẫy, tay xách gà xách vịt cả chó cũng chạy theo. Trong làng chỉ còn lại ông già bà già lụm khụm không còn khả năng làm việc với các em học sinh từ khi bắt đầu có trường học trong làng. Ở nhà các em nấu ăn tự túc. Những ngày mùa trong làng rất vắng người, nếu không để phòng thì rất dễ bị cháy nhà.

Làm cỏ lúa, một trong những công việc nặng nề nhất. Sau đó được nghỉ ngơi đôi chút nhưng tiếp đến có công việc khác cũng vất vả không kém nhất là khi lúa bắp bắt đầu trở bông thì ban ngày phải đuổi chim đuổi khỉ, chiều đến phải canh giữ heo rừng. Nếu không thì chẳng còn gì để ăn. Các làng trên miền này cách xa nhau hàng chục cây số và ở giữa hai dãy núi Nang Brai

và Gor Tong, chim chóc và thú rừng đủ loại có thể nói là vô số. Nhiều lần tôi cỡi ngựa đi sở nhánh, khi đi ngang qua những cây to dọc bờ rừng đôi lúc gặp cả hàng trăm con khỉ. Chúng không sợ lại còn ra vẻ chọc ghẹo nữa là khác. Chiều đến thì hàng trăm heo rừng kéo nhau ra các đám lúa hoặc đám mì. Nếu không kịp thời đuổi đi thì đám mì hay rẫy lúa sẽ tanh bành.

Tôi nhận thấy công việc người đàn bà Jarai rất cực nhọc: giã gạo, nấu ăn, gùi nước, kiếm thức ăn (uống rượu mà không có gì nhắm nháp thì đàn ông sẽ quy lỗi cho đàn bà vụng về.) ngoài ra còn phải dệt vải, dệt khăn áo cho chồng con, khăn là tấm vải lớn quàng khi dự lễ hay nghi thức theo tục Jarai, đàn có khi cả tháng mới xong. Người đàn ông khi rẫy bái xong thì công con đi dạo chơi, không mấy khi cầm lấy cái chày, đang khi đó đàn bà làm việc tối ngày.



UỐNG RƯỢU

Theo cổ truyền, người Jarai mỗi năm nhiều lần, nhất là sau ngày mùa, uống rượu và ngủ đêm tại mồ mả để tưởng nhớ người chết. Để thay thế tập tục này và tránh nhiều sinh hoạt không mấy tốt đẹp như tôi trình bày trên đây, các Linh mục tổ chức mừng Lễ Cầu cho Các Linh Hồn cách long trọng hơn, tập cho họ xin lễ cho ông bà cho người thân đồng thời bà con

sống còn của giống nòi. Tiếng nói của tôi dường như chỉ vang trong sa mạc. Sau này Đức Cha Kim đã có một bức thư chung về rượu mạnh lời lẽ cũng rất mạnh nhắm đến anh chị em dân tộc và liên hệ ngay cả người kinh công giáo bán rượu mạnh cho họ nữa. Nghĩa là trường hợp người Kinh bán, cho, đổi chác, còn người Thượng mua thì tất cả cũng không được lãnh nhận các Bí Tích!! Tôi nhớ như thế. Theo chỗ tôi được biết, bức thư này có sự hỏi ý và đồng thuận của các giám mục thời bấy giờ. Sau biến cố 1975 vì gặp nhiều khó khăn, không còn ai nhắc nhở đến bức thư này.

(Theo thiện ý tôi, trong tương lai nếu tình trạng tệ hại còn kéo dài như hôm nay, vì ý thức sự sống còn của anh chị em Dân tộc, tôi tiên đoán và cũng mong Đức Giám Mục Kontum sẽ làm sống lại bức thư này với ít nhiều thay đổi theo sự khôn ngoan của ngài. Trong các trại định cư của anh chị em Dân tộc như chúng tôi vừa đi thăm một vòng (năm 2004), nhà cửa nhà nước vừa mới cất xong, dân chưa tới ở thì trước tiên đã có đầy đủ các quán rượu của người Kinh đang chờ họ!! Tôi rất thương mến anh chị em Dân tộc nhưng không thể không nói đến tập tục cũng như sự yếu đuối của họ về vấn đề này. Khi còn bế trên tay, mẹ uống xong thì thế nào đứa con cũng được mẹ đưa cho ném thử vài hớp. Từ nhỏ đã quen mùi rượu rồi.)



Mừng kim khánh Linh mục với giáo dân Kobey tại Măngla

Khi nói đến uống rượu và ngủ đêm ngoài mả, có người nói bệnh phong cùi phát sinh từ đấy. Tôi không xác tín về

lỗi nhận xét này vì trên thế giới buổi đó theo như tôi tìm hiểu thì có gần ba mươi triệu người phong cùi, họ đâu có uống rượu và sinh hoạt ngoài mồ mả như Jarai?

Có lần BS Harter, bác sĩ chuyên về phong cùi trên thế giới đã đến Kontum. Tôi đã mời ông đến P. Kobey ở lại ít ngày và khám bệnh cho cả làng. Tôi không nhớ rõ, dường như 15% dân làng ít hay nhiều bị nhiễm phong cùi. Từ đấy theo lời các bác sĩ chỉ bảo tôi cho họ uống Sulfone thời bấy giờ có lẽ là hiệu nhất. Tôi cũng không hiểu tại sao Jarai lại bị phong nhiều hơn các bộ lạc khác. Ngay ở trại phong Đak H'kiã Kontum đa số cũng là Jarai. Rất tiếc tôi không đặt vấn đề với bác sĩ để biết nguyên nhân chính của bệnh phong cùi. Tại Kobey có một ít người bị nặng hơn, dân làng cho ở riêng ngoài rừng. Bà con không dám lên nhà thăm, cơm nước ngày ngày họ đem treo trên cây trước chòi để bệnh nhân ra lấy. Thỉnh thoảng tôi đến thăm viếng và giúp đỡ họ.

TRƯỜNG HỌC ĐẦU TIÊN TẠI KOBÉY

Khi đặt chân đến Kobey một trong những việc ưu tiên là xây trường học. Trước khi xây trường học, tôi đã cố gắng tìm một số em đem về Kontum để đi học nhưng vô phương. Trai hay gái cũng tránh né. Thế giới các em cũng như các người dân tộc là thú vui đại ngàn, câu cá bẫy chim ... Trước đây cha già Ánh đã có lần đưa các em về Thị xã để học. Học được ít ngày rồi cũng trốn về làng. Bắt lại lần thứ ba thứ tư, có em đã lên cây lấy khổ treo cổ. Tôi nghĩ đến hệ quả đó thì không dám ép nữa. Và lại tôi cũng rất thông cảm với các em vì làng Kobey cảnh trí rất đẹp, núi cao rừng rậm và suối la Sir nước trong và cá nhiều. Và

theo như tôi tìm hiểu thì các nơi khác không có đầy đủ những con thú mà tôi gặp được ở đây.

Tôi đã tìm được một ông thợ từ Kontum lên làm nhà trường. Sườn mái cột kèo xong, bây giờ tới phiên lợp đất và lợp tranh. Sau vài ba tháng thì xong ngôi trường quăng 50 thước vuông với ghế bàn đầy đủ. Tôi mua một con heo với ít ghè rượu để mừng nhà mới. Nhất là đây cũng là dịp tốt để cha mẹ khuyến khích các em đi học. Tôi đã xin Ty học chánh trả lương cho hai ông thầy. Bây giờ đến lượt tôi làm việc. Mặc dù đã loan báo cho mỗi gia đình các em từ năm, sáu đến mười, mười hai tuổi phải đi học. Nhưng lớp vẫn vắng tanh. Mỗi sáng tôi phải đi từ nhà và ghi tên các em. Kết quả khả quan. Mỗi chiều kiểm tra số học sinh. Nếu có em trốn học thì tôi đi tìm và đối xử rất nhẹ nhàng, nhưng cương quyết. Trên đây là lớp ban ngày.

Các làng nhánh, với số tiền tôi xin được, tôi cũng tổ chức mỗi làng một lớp học vào buổi tối quăng từ bảy đến 9 giờ, giáo viên mượn ngay tại làng. Hỡi ôi! có nhiều em học ba năm nhưng chưa biết các chữ cái! Tôi không hiểu nổi. Sau hết mới khám phá ra không phải lỗi tại học trò nhưng là lỗi tại thầy. Mỗi tối thầy dạy quăng 15, 20 phút thì thầy đã nghỉ rồi. Đa phần thì không dạy nhưng trên bảng vẫn để ngày tháng đường hoàng để để phòng cha sở đến kiểm tra. Có nhiều lần tôi mượn tiếng đi sẵn để ghé vào thăm lớp học quăng giờ nói trên thì trò cũng không mà thầy cũng chẳng thấy. Điều tra ra thì người làng ai cũng cười và nói thầy thì ăn lương thôi chứ không dạy!!

ĐỊA SỞ KOBÉY

Ngoài Kobey (Jarai) là làng chính, tôi còn 6 làng nhánh nữa. Phía Jarai có hai làng Plei Klêng và Pơdư.

Phía Halăng có bốn làng: Đak Rode ie, Đak Rode tih, Plei Kram, Plei Khôk Klong. Làng xa nhất là Plei Khôk Klong, đi ngựa hơn một buổi đàng. Một địa sở hai thứ tiếng. Mấy tháng đầu, tiếng nào tôi cũng bập bà bập bôm. Và làng nào cũng mới tòng giáo, riêng Kobey lâu hơn và trước kia là sở nhánh P. Jơdrôp, vì không có cha ở thường xuyên nên tình trạng sống đạo cũng không hơn gì các làng khác. Sau này Kobey tách làm sở chính và Đức Cha đã chỉ định một cha người Pháp nào đó làm cha sở, theo lời người ta thuật lại ngài lên được một đêm treo võng ngủ trên núi rồi từ giã. Có người bảo vì thấy gian khổ mà nản lòng? Sau đó cha Lê thành Ánh từ 1952. Thời gian 1954 - 1955 bỏ trống vì tình hình không ổn định. Tiếp đến cha Nguyễn Thúc Nền từ 1955 cho đến đầu 1958. Tổng cộng tất cả quảng năm năm có cha sở.

Từ Mùa Phục Sinh năm 1958, tôi thế cha Nguyễn Thúc Nền cho đến tháng 8 năm 1966 thì tôi được bổ nhiệm đi Đalạt.

Theo tục lệ, khi một làng xin tòng giáo trước tiên rửa tội trẻ sơ sinh, còn thanh niên thanh nữ bắt đầu học đạo lâu năm qua nhiều lớp giáo lý do Yao phu dạy. Những người có tuổi cao hoặc các lão ông lão bà thì khi gần giờ sau hết mới xin rửa tội. Đó là truyền thống từ xa xưa để lại.

Gọi là Yao Phu thực sự thì ít nữa học năm sáu năm tại trường Cuenot nghĩa là trước tiên học cho biết đọc biết viết và thông hiểu những điều căn bản giáo lý, Yao Phu với trình độ đó thì địa sở Kobey chỉ có một chú, còn bao nhiêu chỉ học một hai

năm biết đọc biết viết rồi trốn về làng. Tìm một chú Yao Phu từ làng xa đem về Kobey thì không chú nào muốn đi. Vì thế việc dạy giáo lý cha sở phải đảm nhận gần như từ đầu đến cuối. Mỗi khi dạy giáo lý tôi thường có chú Yao Phu ngồi bên tôi để nghe và xem tôi dạy, như thế dần dà họ được huấn luyện trở thành giáo lý viên. Ở làng chính thì như thế nhưng những làng xa thì thất thường và gặp nhiều trở ngại. Nhưng mỗi đầu tháng tôi kêu gọi tất cả các chú Yao Phu trong địa sở tập họp tại làng chính Kobey từ chiều hôm trước để suốt ngày hôm sau ăn uống tại nhà xứ và học giáo lý do chính tôi dạy.

TÔI HỌC TIẾNG JARAI

Những ngày đầu tiên khi lên phía Halăng thì có người nói chuyện với tôi bằng tiếng Bahnar, người nói bằng tiếng Kinh tiếng được tiếng mất, có mấy ông lính già thời Pháp thích nói tiếng Pháp với tôi !

Tiếng Jarai chưa có sách vở hay một tài liệu nào để lại. Tôi bắt đầu ghi chép. Mỗi tiếng trên một trang giấy học trò, ý nghĩa và ca dao ngôn ngữ liên hệ được bổ túc và sửa chữa dần dần với thời gian, với sự hiểu biết ngày càng phong phú.



Dù bận công việc mấy đi nữa, mỗi ngày cố gắng ghi lại năm ba trang. Nếu công trình được tiếp tục như thế thì sau nhiều năm có cả một tự điển dày cộm. Rất tiếc sau những cuộc di dân hoặc

đổi xứ trong hoàn cảnh hỗn loạn, từ Kobey xuống P. Krong, từ P. Krong đi Đà Lạt rồi từ Đà Lạt về Pleiku, tất cả những sách vở báo chí cũng như ghi chép đều biến mất, tôi chỉ giữ lại duy nhất máy đánh chữ, còn bao nhiêu sau biến cố 1975 tan ra mây ra khói! Jarai Kobey và các làng lân cận vùng Kontum thuộc bộ lạc Jarai Hrap. Họ thường khoe với tôi Jarai Hrap là Jarai chính tông. Các Jarai khác chỉ là lai căng, Jarai nói ngọng!! Chính vài người tự hào với tôi như thế.

ĐỊA THỂ PLEIKOBEY VÀ CÁC SỞ NHÁNH

Tôi rất mê cảnh trí làng Kobey. Thật tuyệt vời. Tạ ơn Chúa đã dành cho tôi sứ mạng thừa sai vùng rừng núi. Lý tưởng mà từ lúc đầu xanh tuổi trẻ ôm ấp nay đã thành hiện thực. Cha Trinh với tôi trước kia thường mong ước sống chung với anh em Thượng, nói tiếng Thượng, chết sống trên miền đất Thượng.

Đặc biệt môi trường tôi đang sống thật thơ mộng, giữa hai dãy núi Gor Tơng cao 900 thước, và núi Momray 1780, có suối la Xir thời bấy giờ nước chảy tràn bờ, trong xanh, cá nhiều có thể nói là nguồn sống của các dân làng trên đây. Tất



Cây sung và núi Gor Tơng

cả như để nâng cao tâm hồn và giúp tôi say mê đời sống thừa sai của tôi. Dòng suối này bắt nguồn từ những dãy núi phía Đak Rơđê Kram và chảy ra sông Pokô, các làng địa sở tôi đa số đều nằm trên bờ suối. Gần như vùng này gồm các muông thú đủ loại: cọp, trâu rừng, gấu, khỉ, vượn, đười ươi, heo rừng, chồn

với nhiều giống khác nhau, nai, mang, rùa nước, rùa núi, ba ba, rái... Có lúc đi ngang qua các rẫy bắp, có hàng trăm con khỉ ở trên các cây xung quanh chờ dịp không có người thì tha hồ xuống bẻ bắp ăn. Phía Plei Khôk Klong có suối Đak Hơdrai chảy qua Lào thì có voi nhiều.

Lúc mới nhận sở, có lần tôi đi bộ suốt tuần 32 tiếng đồng hồ thăm các sở nhánh phía Halăng và các làng lân cận còn bên lương. Từ Kobey lên Đak Rode ie, Đak Rode tih, Plei Kram, Plei Khôk Klong, Khôk Hnăr, Plei Trập, Mam Le, Kơdil, làng cuối cùng Việt Nam. Vì là mùa mưa qua các suối bằng cầu dây. Dọc đường thỉnh thoảng gặp cút voi cao tới đầu gối và nhiều khóm le bị nó quật ngã, lúc đó mới bắt đầu lạnh chân vì sợ ông đuổi theo.

Từ Đak Rode tih qua Khôk Klong phải qua đèo Dăm Bẳng cao hàng ngàn thước, có nhiều chỗ dốc đứng nguy hiểm phải xuống ngựa và đi chân, mạnh ai tìm đường nấy đi, ngựa tìm đường ngựa đi. Có lúc gặp cả bầy vượn hàng mấy trăm con, toàn thân và mặt mày đen đũi, thỉnh thoảng điểm vài vệt trắng trên ngực hoặc trên má, hai chi trước rất dài, có lúc chúng đứng yên đăm đăm nhìn chúng tôi, có lúc đu đưa qua lại một cách nhẹ nhàng từ cây này sang cây khác trông rất ngộ nghĩnh như để khoe tài và thách đố với khách đi đường. Chúng tôi dừng lại hồi lâu để ngắm nhìn cách thích thú. Khi chúng tôi vừa bắt đầu đi xa chúng, chúng lại rú lên như để mời chúng tôi ở lại xem. Thật là cảnh "chim kêu vượn hú" như người ta thường nói mà tôi đã nghe từ tuổi nhỏ, hôm nay tôi được thấy tận mắt.

Tại đây có một cái mộ mà dân tộc gọi là mộ chiến sĩ Halăng thời xa xưa, ai đi ngang qua mỗi người phải ngắt nhánh lá tươi và bỏ trên mộ như để tưởng niệm người lính chiến, vì thế trên mộ luôn luôn có ngành lá xanh tươi.

Tôi lo cho cặp ngựa của tôi, rui mà nó ngã gãy chân thì

tôi không biết làm thế nào. Thế mà có một lần đang lúc tôi ngủ đêm tại Khôk Klong hai con lên về Kobey hôm sau tôi phải nhờ hai cậu thanh niên vác yên về nhà!

LƯỚI CÁ

Suối Đak Hodrai cũng như la Sir cá rất nhiều. Mùa hè nước trong xanh, chảy nhẹ, gần ăn trưa chỉ cần đem súng trường ra đứng trên cầu dây bần một phát là có vài bát cá con chiên với dầu ăn ngon hết sảy. Phải biết kỹ thuật mới bắt được nhiều. Đứng trên cầu dây cách mặt nước chừng non vài thước, thả cục cơm hoặc viên đá nhỏ thì bao nhiêu cá đều dục lại, để súng cầm thẳng xuống bụp một phát thì bao nhiêu cá đều phơi xác (đây phải là súng trường chứ không phải súng săn).

Năm 1960 tôi mua chiếc lưới nylon, đây là chiếc lưới nylon đầu tiên dùng tại xứ này, vừa thả xuống thì vội kéo lên ngay vì đầy ắp. Chỉ một mẻ lưới là đủ ăn cả ngày. Rồi dần dà Kobey cũng theo gương tôi mua lưới nylon. Trước đây chưa có loại lưới mới này.

BẮT HEO RỪNG

Ở Jarai câu chuyện bắt heo rừng có lẽ lý thú hơn cả đồng thời nói lên sáng kiến và tài nghệ của anh em Jarai. (Kơng bơbui) Câu chuyện tôi sắp kể đây xảy ra năm 1958 và tôi đang ghi lại đây là năm 2007. Nếu hôm nay bắt heo rừng như thế thật là cuộc tàn sát, có lẽ không được khen thưởng trái lại bị phạt nặng nữa là khác, bắt cứ ở xứ nào. Và lại thời đó có thuê cũng chẳng ai dám lên đó mà phạt. Nhưng xin nhớ rằng chúng tôi đang sống

trong cảnh rừng núi heo hút vào những thập niên 50, 60 làng này cách làng khác hàng chục cây số. Sự sống con người phải được bảo vệ và quý trọng hơn sự sống của muôn thú.

Tháng mười là mùa lúa chín. Rẫy bãi dân làng rải rác khắp nơi giữa hai dãy núi Nang Brai và Gor Tong, trên đồi, dưới thung lũng. Rẫy lúa có bắp trồng xen kẽ hoặc rẫy mì cần được bảo vệ cẩn thận vì khỉ và heo rừng rình rập chờ cơ hội là ập vào phá tan tành.

Heo rừng đi từng bầy hàng mấy trăm con ủa vào rẫy. Chỉ cần một người lên tiếng là nó hoảng hốt chạy vào ẩn núp tại khu rừng gần đấy. Người đó cầm rựa đi một vòng chặt đôi ba nhánh cây như làm dấu hiệu có người. Thế là heo rừng nằm yên, không dám động đậy. Bấy giờ anh ta về làng giục trống báo hiệu. Mùa lúa chín có hiệu trống riêng biệt dân làng ai cũng biết, vội vã từ khắp nơi tề tựu về làng và được hướng dẫn lên khu rừng có heo đang ẩn núp. Cuộc bao vây bắt đầu. Họ chặt le vót chông cắm quanh khu rừng. Già trẻ lớn bé, ai cũng làm việc. Công việc tương đối dễ, phái nam dù bé 15 tuổi cũng có thể tập vót chông với ông già 70, vì le đẩy rừng không cần kiếm đầu xa. Phái nữ không có mặt đây. Chỉ cần vài tiếng đồng hồ là cuộc bao vây được siết chặt. Heo rừng nằm yên trong khu rừng bị bao vây. Thế là đêm hôm đó thành một đêm hội lớn. Họ đốt lửa, hát xướng, la hét... ăn cơm tối và ngủ đêm tại đó.

Quãng ba giờ sáng hôm sau các bà các cô trong làng thức dậy chuẩn bị bữa ăn sáng cho



Chụp với giáo dân tại Kobey cũ

các “chiến sĩ.” Cũng quăng giờ đó cha sở dâng Thánh Lễ riêng một mình để cùng kịp đi với các bà. Gần như tất cả dân làng Kobey có mặt nơi trận địa. Trên ba trăm người. Ba đại đội.

Sau bữa ăn sáng, bắt đầu làm hàng rào le, cao quăng một thước rưỡi, phía trên có giàn để đứng. Hàng rào làm xong, nhổ chông gom lại từng đống. Công việc quăng vài ba tiếng là hoàn tất. Tất cả lên giàn, già trẻ lớn bé nam nữ có cả cha sở nữa, tay cầm tấm vòng dài vót nhọn, đứng vững trong thế trực chiến. Chúng ta thử hình dung một bức “tường thành” toàn bằng le cao quăng một thước rưỡi, trên có giàn cho hàng trăm người đứng bao vây mấy mẫu rừng ! Thật sáng kiến độc đáo của anh em miền núi ! Tiếp đến lực lượng xung kích hay cảm tử gồm độ mười lăm thanh niên, tay cầm giáo, không được cầm đao sợ nguy hiểm chém phải nhau khi đụng độ với địch, vai kề vai tiến vào ổ heo rừng. Gặp heo, đoàn cảm tử thét lên, và tất cả những người có mặt trên giàn cùng thét lên, tiếng thét vang dậy cả núi rừng làm cho heo sợ chạy tán loạn và tông vào hàng rào tìm ngả thoát, con thì mắc cổ vào hàng rào bị đâm chết, con thì tháo lui, những người trên giàn mạnh ai nấy đâm, dù bà già hay cô gái có vụng về mấy đi nữa cũng có dịp thi thố tài nghệ của mình. Mỗi đợt cũng được đôi ba chục con phơi xác bên hàng rào. Số heo rừng còn lại nhiều hay ít cũng bị thương hoảng hốt quay lại khu rừng tìm chỗ ẩn núp. Lực lượng xung kích tiếp tục làm việc, vẫn vai kề vai cẩn mật bảo vệ nhau, lúc quay tròn đứng tại chỗ, lúc chầm chậm tiến tới, hễ gặp bầy heo thì tiếng thét la càng dữ dội hơn, nỗi khiếp sợ càng làm cho heo chạy tán loạn và tiếp tục đâm đầu vào hàng rào làm mỗi cho mũi nhọn tẩm vòng. Các bà các cô ai cũng tự cảm thấy hạnh diện vì mỗi người đâm chết cũng được vài ba con không thua kém nam nhi. Sau chừng mười lăm hai mươi đợt thì bao nhiêu heo rừng trong vòng vây phơi xác, không con nào thoát được. Chỉ có một lần

con "heo một", loại heo đực đầu đàn to cao gấp đôi các heo khác xé rào trốn thoát.

Sau đó thu dọn chiến trường. Hàng rào cũng như chông làm củi để thui heo. Vừa khiêng heo về làng vừa la hét dọc đường: "Đáng kiếp bây! bây hại mùa màng của tao! Bây sống thì tao chết, bây chết thì tao sống..."

Tôi đã dự những trận chiến này ba lần vào những năm 1958 đến cuối năm 1960, những năm kể là còn yên lành. Lần đầu và lần hai, mỗi lần trên một trăm con, lần thứ ba được bốn trăm con! Chỉ một đêm và một buổi sáng giết được bốn trăm con heo rừng! Dân làng chia số heo cho các gia đình tùy theo số lượng người. Các làng xung quanh cũng được mời đến dự tiệc chung vui với Kobey. Dân làng biểu cha sở một hai con. Chỉ có Dân tộc Jarai và trong Dân tộc Jarai chỉ có Kobey và một hai làng khác mới có sáng kiến bắt heo như thế này. Tôi thuật lại câu chuyện này ai cũng cho là khó tin! Nhưng những anh chị em Jarai Kobey của tôi vẫn còn đó! Những em thế hệ tuổi 14 vào năm 1958 thì năm nay 60, 70 tuổi. Vả lại những "chiến công oanh liệt" của họ được truyền tụng cho nhau từ thế hệ này đến thế khác.

Thịt heo rừng không những làm khô như trâu rừng mà còn có thể nấu với nước mắm có trộn ít mè thơm ngon hết ý và để bao lâu cũng được, bù vào những ngày không có gì ăn. Em gái tôi từ Đà Nẵng thường gửi lên cho nước mắm nhĩ thì hôm nay tôi không quên gửi cho mẹ và em một hũ để thưởng thức món thịt miền núi.

TÔI SĂN NAI

Ở Kobey ban đêm ra chưa khỏi làng thì đã thấy chồn, chắc là các chú vô làng kiếm gà. Đi xa làng chừng năm trăm thước có khi đã gặp mang nai rồi. Lắm lúc một bầy mắt xanh hiện ra trước ánh đèn, nhất là những vùng có tranh vừa đốt cháy và sau vài cơn mưa bắt đầu đâm chồi. Phải lưu ý hết sức, nếu bắn lầm trâu thì vét hết túi tiền mà đền cho chủ, vì trâu với nai tầm cao và mắt xanh không khác gì lắm.

Lần đầu tiên tôi bắn một con nai, nhưng nó còn ba chân chạy được. Sáng hôm sau cả làng Đak Rode đi tìm nhưng không gặp. Lần khác hạ được một con mang chết tại chỗ. Đó là tất cả công trình săn bắn của tôi ở Kobey. Tôi chỉ đi săn hai ba lần vì chiều tối dạy giáo lý hoặc làm việc. Tôi thường giao súng cho những anh em thích săn bắn. Và lại thời gian đi săn chỉ hơn hai năm đầu. Từ cuối năm 1960 về sau kể là thời gian nguy hiểm.

Khi còn ở Tân Cảnh lúc mới mua súng để chuẩn bị đi săn mới, tôi nhớ lại có lần người ta chỉ vẽ phương pháp bắn cọp và cách phân biệt mắt cọp với mắt nai, mắt cọp to và đỏ như lửa. Và nhất là trước khi nhắm bắn cọp phải tăng hăng để cọp sợ và quay đầu về hướng khác. Cọp vừa quay mặt thì nổ súng ngay, đạn sẽ trúng tim và cọp sẽ ngã lăn ra chết, nếu cọp không chết ngay thì nhảy vồ theo trốn của nó chứ không nhảy bổ tới người săn. Có lần tôi đi săn với một trung sĩ, ra khỏi Thị trấn quăng hai cây số thời bấy giờ toàn là rừng, tôi gặp thấy cặp mắt to và đỏ như người ta mô tả, tôi vội vàng đối đạn để bắn cọp, vì đạn trong súng là đạn bắn nai. Đối đạn xong, tôi vừa nhắm vừa tăng hăng nhưng cọp không chịu quay mặt cứ trừng trừng nhìn tôi, mặc dầu vậy tôi nhất định nổ súng. Đùng một phát! Để cho an toàn hơn, tôi thông thả đợi cho con thú bất động hoàn toàn

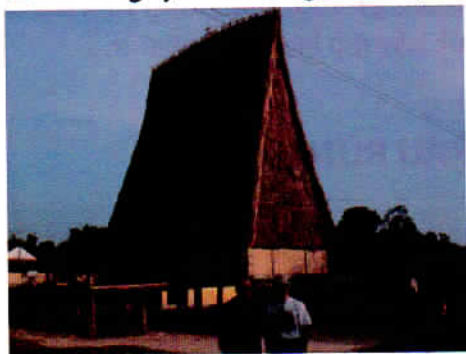
rồi mới chạy lại xem, nhưng cộp đầu không thấy chỉ thấy xác một con chim ướp muối to tướng nát bấy, lông cánh mỗi nơi mỗi ngả. Tôi với anh trung sĩ ngồi lại để rút kinh nghiệm. Bài học thì đúng vì con chim đậu trên gốc cây ngang tầm con cộp, mắt tròn xoe và đỏ au au nhưng tôi làm sai vì chỉ nhìn cặp mắt nhưng không quan sát kỹ thân mình, biết rằng ánh đèn đôi khi không đủ sáng để thấy toàn thân con thú. Thật uổng viên đạn ! Một viên đạn giá thị trường lúc bấy giờ là mười bảy đồng.

BẮN TRÂU RỪNG

Miền Kontum chỉ có vùng PleiKobey mới có trâu rừng. Loại trâu to lớn và dữ tợn sống trên núi GorTơng phía đông PleiKobey. Chỉ có súng trường mới hạ được nó. Bắn giỏi chỉ cần một viên đạn nhắm ngay vào tim là đủ. Trước khi bắn phải tìm chỗ ẩn núp cho an toàn, thường leo lên cây cao to. Cây nhỏ có thể bị nó húc ngã. Cuộc săn bắn thường về ban chiều quãng bốn năm giờ. Tôi mượn được viên sĩ quan nọ tại Kontum súng Mas 36 và súng Carbine. Hôm ấy một giờ chiều. Anh Mnem và tôi mất gần một tiếng mới lên tới đỉnh núi. Mnem súng lớn tôi súng nhỏ. May quá một bầy trâu hiện ra trước mắt cách quãng mấy trăm thước. Đếm được gần 70 con đang ăn. Tôi dặn anh chỉ bắn một con, đừng phí phạm. Dặn lấy lệ thôi. Mà giả như có muốn bắn hai cũng không kịp vì nó chạy hết. Tôi lên tảng đá cao chừng bốn, năm thước, anh Mnem đi xa hơn và tìm chỗ an toàn. Anh lựa con lớn nhất. Một phát súng nổ. Rồi ! một con ngã xuống, các con khác chạy tán loạn cùng một hướng. Con bị đạn vùng vẫy đứng lên và tìm người bắn để trả thù. Một phát súng tiếp. Con vật ngã lăn ra không xa anh Mnem lắm. Chúng tôi chờ chập lâu để bảo đảm hoàn toàn vô hại mới dám đến gần. Con

trâu thật to lớn phi thường, nó nằm hông cao ngang xấp xỉ mặt tôi. Chúng tôi về nhà, ngày hôm sau dân làng ra xẻ thịt.

Sáng sớm hôm sau gần như tất cả tráng niên nam nữ có mặt. Sau vài tiếng đồng hồ trâu được xẻ ra thịt. Việc đầu tiên nướng ăn no cái đã. Rồi kẻ khiêng người gùi người gánh. Cái đầu để nguyên tám người thay đổi nhau khiêng. Cặp sừng sẽ



Hình chụp năm 2007

treo tại nhà rông. Đi về dọc đường thỉnh thoảng ngồi lại nghỉ. Không lẽ ngồi không mà ngó. Đốt lửa nướng ăn một dạo nữa. Về đến làng gần như mọi người có mặt để lãnh phần. Riêng người bản có phần đặc biệt hơn. Người chủ sừng thì theo thói

quen xưa nay được biếu cho cái đùi. Một đùi trâu rừng nặng ký ngang con nai chứ không ít. Các em các cháu giúp việc cho cha xứ bận rộn suốt ngày hôm ấy để cắt từng miếng và phơi khô. Các dây thép gai đầy thịt được giăng khắp nơi trong vườn nhà xứ. Không gì ngon và quý cho bằng thịt trâu rừng khô. Chẳng những ăn và còn đem đi biếu khắp nơi. Nướng và đập, hành tiêu nước mắm xì dầu ớt tỏi thêm vào hết sảy. Quanh năm gần tới giờ ăn nghe tiếng búa tiếng thớt ở nhà bếp thì biết chắc chắn thức ăn hôm đó các em sẽ dọn lên là thịt trâu rừng khô.

TÔI GIẾT CỌP

Làng hẻo lánh ở giữa rừng sâu, thỉnh thoảng ban đêm cọp vào thăm làng. Con heo, con bò thường là miếng mồi ngon và dễ bắt nhất. Người Jarai thường gọi cọp là ông "Ơi Rơông". Bắt được mồi, ông nằm ăn đã thèm rồi bỏ đi về rừng. Đêm tiếp đến nhớ mồi ngon thế nào ông cũng sẽ trở lại. Dân làng báo tôi biết. Khi mặt trời vừa sụp xuống núi, tôi lấy thuốc độc strychnine độ 1 gr gói trong miếng giấy quỳn, liều nhỏ không chết, quá liều cọp sẽ mưa tại chỗ, vô hiệu. Tôi lấy dây cáp một đầu buộc những xương còn lại và đầu kia buộc vào gốc cây gần đó, bên trên để miếng thịt hoặc gan có nhét thuốc độc. Kế bên để một thau nước đầy. Khi tới, trước hết ông sẽ xơi miếng thịt hoặc gan, khát nước ông sẽ uống nước dọn sẵn cho ông. Nhờ nước nên thuốc mau tan. Còn xương có dây cáp cột chặt, ông nằm đấy mà gặm chứ không kéo đi nơi khác. Trong khoảnh khắc ông lẩn ra bỏ xác tại chỗ. Có lúc ông chạy về rừng mới chết. Tôi cho người đáng tin cậy canh chừng vì sợ dân làng ăn thịt nguy hiểm nên tôi đem chôn để sau thời gian lấy bộ xương. Một bộ xương cọp rất có giá, người ta mua để nấu cao hổ cốt. Lúc ở Kobey tôi đã giết được hai con. Tôi không có tiền bao nhiêu để đến ơn đáp nghĩa các em giúp việc cho tôi. Một bộ xương cọp làm cho các em vui lắm. Một bộ quăng sáu ngàn, giá một chiếc xe đạp Peugeot thời bấy giờ. Có nhiều người tiếc bộ da cọp. Nhưng phải là người chuyên môn lắm mới làm được, vả lại rất công phu! Thôi thì chôn luôn.

Trên đây tôi rất lưu ý cẩn thận đến thuốc độc. Khi nhét thuốc độc vào thịt hoặc gan để giết cọp thì chính tôi hoặc nhờ người tin nhiệm theo dõi sợ có người ăn cắp để hại nhau. Tôi để phòng thôi. Loại strychnine này tôi đã nhờ một bác sĩ quen tìm

mua cho tôi. Nhưng người dân tộc cũng có loại thuốc độc riêng bằng nhựa hay rễ cây (?). Tôi nghe nói phía Halăng có người đã giết nhau bằng cách nhét vào cần ống điếu.

LƯỚI NGƯỜI

Tôi bắt heo rừng, trâu rừng, mang, nai, cọp, lưới cá Nhưng Chúa giao cho tôi "bắt người" đem về cho Chúa thì dường như chưa có kết quả bao nhiêu.

Chúa đặt tôi trong một vùng rừng núi bao la ngút ngàn rất đẹp, rất thơ mộng, anh chị em dân tộc đơn sơ chất phác dễ thương. Cảm ơn Chúa đã thương ban cho tôi tâm hồn đã cảm, tuy nhiên tôi biết không phải ngồi đó để "thả hồn theo gió"



nhưng phải ra tay hành động. Mặc dù một số nhỏ đã theo Chúa nhưng đức tin còn rất non kém. Qua nhiều biến cố, qua sự việc xảy ra hằng ngày, tôi nhận thấy họ còn quá khiếp đảm các thần của cha ông họ, nô lệ của ma quỷ, của những tập tục mê tín, thật tội nghiệp! Có người nói với tôi: "Thưa cha, chúng con nghèo và ngày càng sạt nghiệp, vì phải cúng liên tục, hết trâu rồi tới bò hết bò tới dê bởi lẽ đau ốm liên miên. Bà phù thủy bảo chi thì làm nấy. Không làm theo thì sợ chết sợ tai họa. Con nhận thấy theo Chúa như cha là sung sướng và thoải mái hơn hết. Cha dạy cho chúng con phải làm thế nào để tâm hồn được tự do như cha?"

Có lần tại làng P. Klêng tôi ban các Bí tích sau hết cho một người đau nặng, đồng thời dưới gầm nhà họ cũng đang giết dê để cúng. Trong những dịp sinh đẻ đau ốm cưới hỏi ma chay, họ ăn trâu, ăn dê, ăn heo ... không thể nào không cúng vái, dĩ nhiên kín đáo trong gia đình chứ không dám công khai vì theo cam kết thuở ban đầu đã xin theo đạo thì không còn chuyện cúng tế nữa.

Có người trong làng nói riêng với tôi, ngoại trừ thịt rừng, còn các con vật khác trong nhà nhất là dê thì bao giờ cũng có chuyện mới ăn. Có chuyện đây là cúng vái, cầu khẩn xin thần sự việc này nọ... Mặc dù con cái đã theo đạo nhưng ông bà cha mẹ vẫn là bên lương còn sống bên cạnh đó. Mỗi lần ăn trâu, mặc dù bên ngoài không có cúng vái chi nhưng thực chất là giữ lời khấn với thần nọ thần kia để khỏi những tai họa, (buần).

Có lần họ nói với tôi: "Cha là Linh mục, là người kinh, đức tin vững vàng, không sợ ma quỷ quấy phá, không sợ chết. Cha chẳng những không sợ mà còn dùng quyền năng Chúa ban cho để đuổi chúng nữa. Còn chúng con là người Jarai còn khiếp sợ quỷ ma lắm mặc dù có số đã chịu phép thánh tẩy."

Lời nói chân tình của vài anh em Jarai trên đây càng thôi thúc tôi suy nghĩ đến công việc mà Linh mục suốt đời phải làm. Không những làm mà lại phải sống gương mẫu nữa. Ảnh hưởng những người già, những bậc cha mẹ còn rất mạnh.

Một lần khác tôi đến làng Plei Khôk Hnăr còn bên lương. Tôi ghé thăm một gia đình. Gặp ông chủ nhà, tôi chào và vui vẻ hỏi đủ thứ chuyện nhưng ông chỉ mỉm cười không đáp trả một lời. Tôi rất ngạc nhiên. Người khác mách bảo tôi biết heo ông đẻ ngoài rừng ông mới bắt về vì kiêng kỵ nên không dám nói gì sợ heo chết! Mùa mưa thì họ giăng chỉ trắng khắp nơi từ rừng từ rẫy về đến nhà lúa. Có lúc thì không cho người khách lên nhà.

Trước khi vô nhà phải hỏi hôm nay có cỗ hay không. Nếu cỗ thì đứng dưới đất nói chuyện.



Gia đình Ngu và các con cháu

Cậu Ngu người giúp việc Jarai của tôi thường hay trêu ghẹo và bài trừ óc mê tín của anh chị em Halăng. Cậu làm ngược lại, nếu cỗ thì cậu vừa cười vừa lên nhà, đôi khi còn la rầy họ nữa ! Họ vẫn vui vẻ không nói gì.

Về vấn đề ăn uống cũng thế. Có những ngày không được phép đi rẫy kiếm thức ăn, ở nhà có gì ăn nấy, thường là muối ớt, ngay cả chú Yao phu Jarai của tôi mặc dù không kiêng cử gì nhưng vì phận sự phải sống chung trong làng đôi khi cũng chấp nhận phong tục của bộ lạc Halăng. Mỗi lần tôi đi sở nhánh, tôi không đem theo đồ ăn, họ dọn chi ăn nấy. Nếu không báo trước thì tôi cũng ăn cơm với muối ớt như gia đình chú Yao phu.

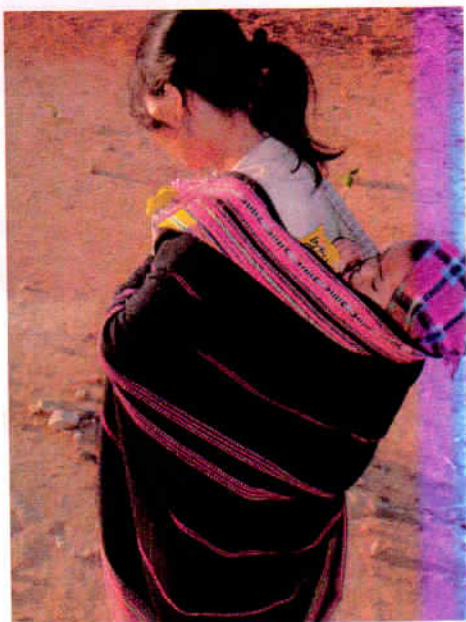
Trong làng Kobey có một bà phù thủy. Những người bên lương hay công giáo còn kém đức tin hay kín lén chạy đến với bà. Có lần tôi đã mời bà đến nhà để dạy dỗ khuyên răn. Tôi bảo bà nói lại cho biết bà đã làm những gì. Bà ta sợ và chối lia lịa. Vài người có đạo tốt trong làng yêu cầu tôi phạt vạ bà nhưng tôi không đủ lý do để phạt, tôi chỉ khuyên lơn bà nên tìm hiểu giáo lý, bỏ dị đoan mê tín rồi cho bà về. Nhờ vậy mà mê tín dị đoan bớt đi rất nhiều.

Tôi nhớ những tháng năm đầu tiên mới đến nhận xứ Kobey chưa biết mô tê về vấn đề cúng tế. Ngày nọ ông câu đến xin phép dân làng ăn trâu, xin phép để tôi khỏi nghi ngờ gì. Câu

chuyện tôi đã thuật lại trên đây. Ông ta bảo dân làng nghèo khổ cần có thịt để chia cho nhau ăn thôi chứ không có ý đồ gì. Tôi nghĩ như thế thì có gì ngăn trở đâu mà cũng không ai có quyền cấm đoán. Tôi nhớ họ đem biếu tôi một đĩa. Thực sự dân làng khi được thịt mang nai hay khi giết heo bò thì họ thường đem biếu cha xứ.

MỤC VỤ THĂM TỪNG GIA ĐÌNH

Chẳng những các gia đình Sở nhánh mà ngay trong làng chính Kobey tôi có chương trình dài hạn thăm từng gia đình. Họ được báo trước để đừng đi vắng. Phải lựa lúc khỏi làm mất giờ làm ăn của họ. Giáo dân rất thích vì được cha sở thăm viếng. Tôi gặp từng gia đình, cha mẹ con cái cháu chắt để tìm hiểu về đời sống đạo, về cách làm ăn, về việc học hành của con em, về sức khỏe, những nhu cầu, những khó khăn thiếu thốn vv...



nhất là những gia đình khô đạo, bỏ lễ Chúa nhật hoặc vợ chồng gặp khó khăn. Việc mục vụ này có kết quả rất tốt đẹp, nếu biết lựa lời để nói với tất cả tâm tình của người cha sở.

ĐỂ PHÒNG CÔ ĐƠN VÀ NẢN CHÍ.



Tôi phải làm gì đây để giải thoát người anh em khỏi mạng lưới khiếp sợ và để họ sống trong niềm an vui hạnh phúc người con Chúa cũng như tôi đang mang hạnh phúc đó trong người và đang sống giữa họ. Nhất là để cho họ hiểu tình thương lạ lùng của Chúa với những con người bé mọn. Tôi ý thức mãnh liệt vấn đề này đồng thời cũng ý thức sứ mạng Linh mục của tôi được sai đến để ở với họ.

Ngoài những thử thách khác, tôi xin đề cập đến hai điểm có thể làm cho con người lắm lúc phải bị lay chuyển.

Trước hết sự cô đơn về mặt tinh thần, một thân một mình ở giữa vùng xa vắng, đêm đêm ngày ngày tiếng "chim kêu vượn hú" vọng lên từ giữa hai dãy núi Nang Brai và Gor Tong càng làm

tăng nổi cô đơn hơn nữa.

Tìm đâu người bạn đường? Nhất là Linh mục trẻ chập chững bước vào đời truyền giáo, có những vấn đề không biết bàn với ai, không được ai chia sẻ, xung quanh toàn anh em Dân tộc và em giúp việc người kinh không đủ tầm cỡ để am hiểu những tâm tư, những khó khăn và nguy hiểm của Linh mục; còn anh em Linh mục thì chỉ gặp nhau một hay hai tháng một lần, đường đi lại đầy trắc trở nhất là thời buổi kinh hoàng như tôi thuật lại sau đây. Từ Kontum lên Kobey quãng năm chục cây số nhưng phương tiện giao thông quá thô sơ và đường rừng vất vả có lúc gây ấn tượng như bơ vơ một trời một cõi.

Vấn đề ham mê đọc sách là một trong những vị thuốc thần thiêng chữa bệnh cô đơn. Đọc sách báo để nâng cao sự hiểu biết về thần học, mục vụ, khoa học. . . đồng thời để hòa mình với những con người trong thế giới khác và tạm quên một phần nào những khó khăn trong môi trường đang sống. . . Thời đó ngoài vài tờ báo đạo tiếng Việt, tôi còn mua thêm ít tờ nguyệt san tiếng Pháp như Fêtes et Saisons, Panorama chrétien, Missi và những sách truyện bổ ích cho đời sống tu đức cũng như nâng cao trí thức. Thánh Kinh toàn bộ tiếng Việt lúc bấy giờ chưa có. Tiếng Pháp bản dịch trường phái Jérusalem ra lần đầu tiên 42 tập.

Ngoài việc đọc sách báo, vấn đề lao động như đánh cá, làm vườn với các em các cháu là những cách giải trí tuyệt vời, chẳng những giải trí mà lại cần thiết để có bữa ăn ngon. Thời đó chưa có truyền hình, và tôi cũng tiếc chưa kịp tổ chức bóng đá hay bóng chuyền thì thời buổi kinh hoàng đã ập đến. Cách làm việc và tổ chức trên đây đã giúp tôi rất nhiều trong những giờ phút mà tôi có thể gọi là cô đơn. Hơn hết trong mọi sự phải biết tôi luyện con người có khí phách biết can đảm làm việc,

viết lách, học hỏi, nghiên cứu thì không còn thời giờ đâu mà cô đơn. Một con người ướm át tình cảm không biết làm việc trí thức hoặc lao động không thể đương đầu với những đợt sóng thần liên tục ập vào đời sống Linh mục. Chính vì tôi là con người tình cảm ướm át nên với chút kinh nghiệm tôi có những nhận định như thế.

Ngoài sự cô đơn còn có nguy cơ khác rình rập chúng ta đó là sự nản chí. Hoạt động truyền giáo mỗi mệt nhưng dường như không đem lại một kết quả nào đáng kể. Đây là dịp xem lại những kinh nghiệm ngàn đời của các nhà truyền giáo trong Giáo Hội, chính mình trồng cây nhưng Chúa cho phương trời xa hưởng lộc, truyền giáo ở đây nhưng Chúa cho Liên Xô hay Trung quốc hái quả. "Tôi trồng, Apôllo tưới, Chúa cho mọc lên" ở đâu tùy ý Ngài. Tôi ý thức rằng đây chính là lúc phải bình tĩnh nhận định cô đơn nản chí chỉ là chuyện bình thường và cũng là cơn thử thách Chúa gởi để biết khiêm tốn và tiến lên cao hơn. Nếu tôi chỉ mong hưởng thành quả ngay trước mắt và say mê chiến thắng mà không có đời sống nội tâm thì những hoạt động vất vả của tôi chỉ là quả đắm trong không khí. Cám ơn Thần Khí Chúa đã gọi lên cho tôi những suy nghĩ lành thánh để nâng đỡ tôi trong những giờ phút cô đơn nản chí. Tôi nhớ mãi lời của thánh Têrêxa Giêsu về vấn đề cầu nguyện và cũng là lời nhắn nhủ của cha linh hướng khi rời Đại Chủng Viện: "Bất cứ giá nào, mỗi ngày ít nhất 15 phút nguyện gẫm." Đây là chiếc neo thần của đời sống Linh mục. Không có chiếc neo thần này thì con thuyền đời tôi sẽ trôi dạt theo mọi chiều gió. Và phải làm thế nào để cảm thấy 15 phút mỗi ngày vẫn còn chưa đủ, vẫn còn thấy dè sẻn và keo kiệt với Chúa. Tôi cố gắng thêm mỗi ngày một hai phút nữa cho đến bao giờ đạt tới con số 30 mới thôi. Tôi nhận thấy đây là sự sống còn của đời Linh mục của tôi trong lúc này. Không cầu nguyện thì cái hố sa đọa nằm sát một

bên! Những giây phút gặp Chúa chính là lúc sống thân mật với Chúa như con với Cha. Vì thân mật với Chúa, thì mới có thể đổi mới con người và vui vẻ chấp nhận ý cha trong mọi trường hợp.

Để tiếp tục trả lời câu hỏi trên kia, tôi phải làm gì đây để giải thoát anh chị em Jarai khỏi những khiếp sợ ma thần của họ? Dĩ nhiên tôi phải làm tốt việc tôi đang làm để vun xới và phát triển đức tin mà Chúa đã thương nhen nhóm trong lòng họ, đó là dạy giáo lý, dạy kinh thánh, nhất là tập cầu nguyện cho nhóm thanh niên nam nữ và trẻ em. Tất cả phải bắt đầu.

Khi mới bắt đầu bước vào thế giới anh chị em Jarai, có khi tôi đánh giá quá thấp khả năng hiểu biết của họ về thế giới bên kia. Họ có những câu hỏi và cách nói chuyện để lộ sự tò mò của họ về thế giới vô hình mà có lẽ chính tôi cũng ít khi đề cập đến vì sợ vượt mức hiểu biết của họ. Họ có những suy tư thần học chớm nở mà chúng ta không ngờ. Bằng cách này hay cách khác có lần họ đặt vấn đề: tại sao Chúa là người Cha tốt lành mà lại dựng nên thứ quỷ đen đui xấu xa dữ dằn để hành hạ chúng ta. Chúa là người cha thương con tại sao dựng nên hỏa ngục để phạt con.

Câu trả lời của tôi đơn sơ, họ có thể hiểu dễ dàng và còn thích thú nữa. Tôi bảo Chúa là Cha yêu thương tuyệt hảo, mà hề yêu thương tuyệt hảo thì không thể dựng nên một cái gì xấu. Chúa không dựng nên ma quỷ độc ác nhưng đã dựng nên thiên thần xinh đẹp tuyệt vời. Chính những thiên thần đó đã phản loạn coi mình ngang hàng với Chúa, vì thế họ đã bị loại ra khỏi mặt Chúa. Từ thiên thần sáng chói xinh đẹp trở thành quỷ dữ và thù ghét Chúa thù ghét chúng ta.

Chúa đâu có dựng nên hỏa ngục để phạt chúng ta. Thiên đàng hay hỏa ngục là do chính chúng ta chọn. Chọn Chúa là chọn thiên đàng. Không chọn Chúa tức nhiên bỏ Chúa và tự

loại ra khỏi tình thương của Chúa và khốn khổ muôn đời. Khốn khổ vì nước tiếc. Nước tiếc vô biên thì cũng trở thành lửa thiêu đốt muôn đời. Đó là hỏa ngục chính chúng ta chọn. Ma quỷ là loài thần linh quý quýet và tài giỏi hơn con người nhưng bao giờ chúng ta quyết theo Chúa và đứng về phía Ngài thì ma quỷ không thể hại được chúng ta. Và chúng nó còn sợ chúng ta nữa là khác nếu chúng ta kêu tên Chúa với lòng mến yêu và tôn kính. Bằng nhiều ví dụ đơn sơ dễ hiểu tôi giải thích về thiên đàng hỏa ngục, ma quỷ, tôi nhận thấy nhiều người trầm ngâm suy nghĩ và cảm thấy được yên ủi. Tôi lấy ví dụ ngay trong gia đình giữa cha mẹ và con cái. Đứa con hiếu thảo và đứa con chống đối thù ghét cha mẹ.

Nhiều lần tôi đặt lại vấn đề dạy giáo lý của những anh em yao phu. Họ quá nhấn mạnh đến tiêu cực: hỏa ngục, tội lỗi, Chúa phạt, ma quỷ thù hằn, hình khổ đời đời trong hoả ngục. . . mà quên khía cạnh tích cực. Dĩ nhiên việc này phải làm, việc kia không được bỏ. Người Jarai quá sợ ma quỷ và còn sợ nhiều cái gì khác nữa nhất là thời buổi họ đang sống thì cách dạy tiêu cực làm cho đời sống Kytô - hũu mang bộ mặt sợ sệt buồn thảm, không có niềm vui, không phấn khởi. Ví dụ đối với nhiều yao phu, phép rửa tội tẩy rửa chúng ta sạch tội tổ tông. Nếu phép thanh tẩy chỉ có bấy nhiêu thì kể là chưa có chi hết. Ngược lại nhờ phép thanh tẩy mà chúng ta được hạnh phúc làm con Chúa, được gọi Chúa là Cha thân thương của mình, tâm hồn trở nên đến thờ Chúa ngự, đi rẫy đi rừng là mang theo cả đến thờ, có quyền năng đuổi cả ma quỷ, chết là về với Cha mình v. v. . . Hay nếu muốn nhấn mạnh về quyền năng kiểu Jarai, thì nói Ông Trời là Cha của mình, còn mình là con của Ông Trời, là những ông trời con rất có quyền năng trên ma quỷ, và ma quỷ rất sợ chúng ta nếu chúng ta siêng năng cầu nguyện và kêu xin Ngài.

Tôi mới bắt đầu bước chân vào thế giới Jarai, ngôn ngữ cũng như hiểu biết về con người Jarai còn giới hạn. Tôi cảm thấy công việc tràn ngập đôi khi không biết phải làm việc nào trước việc nào sau vì thấy việc nào cũng cần phải làm ngay. Học tiếng Jarai, dọn sách giáo lý, dịch sách Tin Mừng, làm bài hát... Tôi nhớ mãi lời cha Bê Trê-nê Đại Chung Viện: Age quod agis. Bạn hãy làm tốt việc bạn đang làm. Mỗi giây phút là để phục vụ. Mỗi giây phút có giá trị của nó.

MỘT NGƯỜI THẮT CỔ

Thời gian tôi ở Kobey, thỉnh thoảng xảy ra vài vụ quyền sinh. Uống thuốc độc hoặc thắt cổ vì bất mãn giữa vợ chồng con cái hoặc với ai khác trong làng.

Một lần giữa đêm khuya có tiếng gõ cửa báo có người thắt cổ. Tôi vội vã chạy ra nhà nạn nhân. Nhà Jarai, Halăng dài từ 30 đến 70, 80 thước tùy bà con ít hay nhiều. Ra đến nhà, người ta chỉ cho tôi thấy một người quăng 70 tuổi treo cổ lủng lẳng trên cây trính. Cả nhà sợ hãi bỏ chạy, để mình tôi với ông già. Việc đầu tiên tôi tìm cái dao và tay trái ôm lấy ông, tay mặt cắt phứt cái dây. Ông già nhào xuống và đè lên tôi, cả hai cùng nằm xuống sàn nhà. Vợ về nhà lấy thuốc hồi dương chích cho ông. Tôi xoa bóp cho ông và đem lười vào. Ông tỉnh lại. Ông là người Halăng thuộc làng P. Khôk Klong tạm trú tại Kobey, vì già yếu nên có lẽ muốn kết liễu cuộc đời.

Một lần khác, lúc tôi đi thăm sở nhánh lâu ngày, một ông già treo cổ và chết một mình trong nhà đang khi mọi người đi vắng.

Một lần khác nữa cũng một ông già uống thuốc độc sấp

chết. May quá hôm đó người ta kịp thời báo cho tôi. Thuốc mủ Ipeca sẵn có, tôi đã cứu ông. Người dân tộc thường ngâm lâu ngày một thứ rễ cây Mrai có chất độc để quỳen sinh. Những ông già trên đây còn bên lương chưa có dịp học đạo. Tôi rất cảm ơn một bác sĩ người Pháp đã giới thiệu tôi quyển Sách Thuốc "Quand le medecin est loin". Tôi đã mua và xin bệnh viện những thứ thuốc mà tôi thấy cần thiết cho một Linh mục ở xa. Dù không học nghề y tá nhưng những thuốc hộ thân hoặc giúp đỡ kẻ khác thật cần sẵn có trong nhà.

Đạo nọ người ta báo tin có cụ già đau yếu, người làng cho biết ông muốn gặp tôi. Vừa bước vô nhà thấy ông đang nằm nói chuyện vui vẻ với anh em bạn già. Tôi tưởng ông muốn gặp tôi để được chỉ bảo về vấn đề đạo lý vì ông còn bên lương, nhưng mong gặp tôi chỉ để xin một bao thuốc lá Bastos. Tôi về nhà lấy cho ông nhưng ông lại không hút. Ông để dành chờ lúc nào xuống âm phủ hút cho vui với bạn bè!!

Nói chuyện đạo, chuyện sống cõi sau với một số người già đôi khi tôi có cảm tưởng như nước đổ lá môn, vì tâm hồn cũng như đầu óc gắn liền với những phong tục mê tín từ ngàn xưa nhất là đối với những người giàu liệt nặng gần chết. Họ nằm ngủ giữa ghè ché chiêng nổi. Đây là những tài sản quý nhất của họ. Nếu tính ra tiền thì không biết bao nhiêu mà kể. Có ghè trị giá hàng mấy chục con trâu. Có người trước khi chết vuốt ve mơn trớn để tỏ nỗi thương tiếc lần cuối cùng.

Tôi nhớ trong hạnh thánh Gioan Maria Vianney, có lần ngài thăm một người liệt và đưa Thánh Giá cho hôn kính. Người ấy vội đưa tay giựt lấy Thánh Giá liền nói: Thánh Giá này bằng vàng đắt giá lắm!

Dưới hình thức này hay hình thức khác, tôi gặp những trường hợp tương tự đôi lần, tôi không biết dùng phương thế

nào để thuyết phục họ về của cải hư vô chóng qua, về cõi sống kiếp sau. Vô vọng. Chỉ có Chúa mới đổi mới tâm hồn, bàn tay dơ bẩn của con người không thể thò vào cõi tâm linh huyền bí đó được.

Nhưng đây cũng chính là lúc tôi đặt vấn đề thăm viếng. Đôi khi tôi cảm thấy hối hận vì có thăm viếng nhưng không thường xuyên. Thăm viếng người già yếu cô đơn một cách thường xuyên là nguồn an ủi rất lớn cho họ. Thăm viếng, cầu nguyện và truyền giáo là những việc đi với nhau. Không chỉ chính mình cầu nguyện mà cần xin bà con cầu nguyện cho. Họ cảm thấy mình được thương mến và được cha xứ và bà con để ý đến, đấy cũng là dịp để họ đặt vấn đề đời sau của họ.

NHỮNG NGÀY DÀI NHẤT

Thời gian này cùng với ít thanh niên tôi đã đi thăm vùng biên giới. Từ Khôk Hnăr đi lên các làng Mam Le, Kodil và những làng cuối cùng Việt nam từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều. Trong bản đồ Việt Nam hiện không còn thấy những làng này. Có lẽ vì còn ít người nên họ đã tự nhập các làng khác hay là đã tuyệt chủng? "Tuyệt chủng," tôi dùng tiếng này hơi quá đáng nhưng sự thật có thể xảy ra.

Trong lúc đi thăm, tôi ghé vào nhiều làng. Có những làng vắng tanh như bãi tha ma không còn thấy bóng người bao nhiêu. Hỏi ra thì biết một số rất đông đã chết vì dịch tả. Trước nhà nào cũng treo toàn là sừng trâu và sừng trâu. Nghĩa là họ đã cúng trâu cho thần. Càng cúng càng chết, thật tội nghiệp! Tôi biết làm gì để giúp đỡ họ? Vô phương. Tôi có ít thuốc cho họ uống, họ cầm lấy nhưng chắc không tin tưởng gì. Họ tin cái

gì khác hơn là tin thuốc. Tôi kêu cứu với ai? Vả lại tiếng kêu cứu cũng chỉ vang lên giữa sa mạc. Thời đó có ai mà dám đặt chân lên đường đèo núi xa xôi chết chóc này!

Những ngày tôi đi thăm vùng biên giới này thật nóng khủng khiếp. Con chó Bi của tôi nuôi từ Tân Cảnh và hôm nay cũng đòi theo tôi, có lần xuống nước nằm một hồi lâu. Chưa bao giờ thấy chó xuống nước nằm như thế này.

Trên đường đi thỉnh thoảng gặp cả một vùng le bị voi giày xéo nát tanh bành. Bấy giờ chúng tôi mới lạnh chân.

NHỮNG NGÀY LAO ĐỘNG

Làng Kobey trên ba trăm dân rộng quăng ba mẫu. Ở giữa là nhà xứ, nhà thờ, sau này tôi cất thêm trường học và cận đó sân chơi bóng chuyền. Trước và sau nhà thờ nhà xứ là những khoảng đất trống. Những ngày nắng thật chói chang khó chịu. Người dân ở bìa làng cũng chịu một cảnh nắng như nhà xứ. Cũng may, phía đông cận nhà Rông còn có lưa thưa vài ba cây rừng mọc đã lâu năm đem lại chút bóng mát. Những năm đầu tiên mới đến, tôi cố gắng bỏ công sức trồng vài ba chục cây dứa, chẳng những có trái để ăn để uống nước mà nhất là có bóng mát lại thêm đẹp cảnh đẹp làng. Tôi tưởng dễ dàng như ý muốn. Nhưng mấy trăm con dê trong làng không để yên một thứ cây nào! Trồng xuống cây nào mặc dù rào ba lớp có cả thép gai xỏ bàn tay không lọt thể nhưng sau hết chỉ còn trơ trọi cái gốc! Dê thật là khủng khiếp! Ngay cả mù xương rồng cũng liếm! Thế là phải đành chịu nắng. Các làng dân tộc khác tôi không để ý nhưng riêng Jarai ở đây thì làng nào cũng đầy dê. Nhất là những người còn bên lương thì dê là con vật thần hảo hơn hết.

Muốn ăn rau cải đành phải trồng tại các bờ suối.

NHỮNG LỚP GIÁO LÝ BAN TỐI



Ngoại trừ những trường hợp hôn nhân hay nhóm nhỏ rước lễ vỡ lòng, tôi thường tổ chức những lớp giáo lý chung trong nhà thờ mỗi chiều trước khi ngủ. Đây là giờ mà tất cả mọi người sau giờ lao động có thể đi học.

Tôi cố gắng tạo cho lớp giáo lý vui nhộn. Có các bài hát tiếng Jarai với nhạc Jarai, lời lấy ngay trong Tin Mừng. Ban đầu thì ít nhưng dần dà với lời mời gọi thì họ đi khá đông. Đây là một trong những vấn đề mà tôi cho là quan trọng vì khi mới trở lại đạo, họ chỉ học những điều cần thiết, đa số không được học hỏi đầy đủ lắm.

HỘI ĐẦU THÁNG

Mỗi ngày thứ ba đầu tháng anh em Linh mục về họp tại Toà Giám Mục. Đây là truyền thống lâu đời tại giáo phận Kon-tum và đây cũng là ngày vui nhất trong tháng vì anh em được gặp nhau đầy đủ. Chiều áp ngày hội, khắp nơi trong nhà rộn rã tiếng cười tiếng hát tiếng chào gọi và hỏi thăm tin tức nhau... Dường như đối với tôi đây là ngày nói chuyện nhiều nhất trong tháng.

Về đây có nhiều nhu cầu. Mỗi người có những nhu cầu khác nhau tùy ở xa hay ở gần. Riêng tôi người ở xa, trước tiên mua sắm những vật dụng cho cá nhân tôi cũng như cho các em giúp việc và cho địa sở. Có thể nói tôi đi chợ cho gia đình. Từ bánh lễ rượu lễ cho đến mắm muối cá khô, xà vông, những linh tinh này nọ và sách vở báo chí, thư từ mới nhận được... Tất cả ngày hôm sau sẽ được chất trên lưng ngựa.

Sự việc anh em gặp gỡ nhau có thể nói là một bí tích: Nâng đỡ khuyến khích nhau, thuật lại cho nhau những khó khăn và kinh nghiệm trong đời sống truyền giáo cũng như những biến cố đã xảy ra trong tháng, buồn vui sướng khổ, lo âu, sợ sệt... Thỉnh thoảng hẹn gặp nhau dùng một bữa cơm tại làng nhánh hay tại sở chính.

Nhưng trước tiên hội đầu tháng là gặp Đức Giám Mục, chung hoặc riêng tùy nhu cầu. Ngài có những lời khuyên, những chỉ thị, những công tác này nọ cần giao cho một số anh em ... Người cha chung bao giờ cũng có một vài lời đi sâu vào đáy lòng để đánh thức, cảnh tỉnh, nâng đỡ cá nhân Linh mục là con người công tác gần gũi nhất với ngài.

Sau hết điểm cao là giờ chầu Chúa, là Thánh Lễ đồng tế. Tôi có cảm tưởng như đang sống lại những buổi họp các Tông Đồ sau khi được sai đi công tác trở về phúc trình cho Chúa Giêsu những việc mình đã làm.

Giải tán. Hẹn nhau tháng sau.



Các linh mục họp nhau ngày đầu tháng

VỀ LẠI ĐỊA SỞ VỚI NHỮNG CÔNG VIỆC HÀNG NGÀY

(Tôi ban phép thánh tẩy cho các làng xa)

Như tôi nói trên, ngoại trừ làng Kobey hơn một nửa đã theo đạo, các làng khác chỉ một ít thiếu nhi và các em sơ sinh đã chịu phép rửa, còn thanh niên cần phải học lâu hơn. Khi việc học giáo lý đã hoàn thành thì định ngày rửa tội. Hầu hết các người làm cha



Kobey cũ

mẹ đỡ đầu được chọn tại làng Kobey. Ngày hôm ấy hàng trăm người cùng đi với tôi. Làng xa nhất phía biên giới là làng Plei Khôk Klong, cuộc bộ gần suốt ngày mới tới, nhất là phải vất vả lên đèo Dăm Bẳng cao hàng ngàn thước. Những người cha hay mẹ đỡ đầu mang cơm ăn dọc đường và mang đồ tặng cho con phần hồn của mình. Thường thường là một tấm khăn trắng đan theo kiểu dân tộc... Thật là niềm vui của người làm cha làm mẹ thiêng liêng. Họ ý thức bốn phận nâng đỡ và quý mến người con phần hồn. Tôi ở đó quãng hai ba ngày để bổ túc giáo lý cho các em dự tòng, sau đó thánh lễ long trọng và ban phép rửa cho họ. Đây là một trong những ngày vui nhất đời Linh mục của tôi. Qua những sự việc trên, tôi cảm nghiệm được tình Chúa thương anh chị em dân tộc, những con người miền núi đơn sơ chất phác. Và tôi cũng cảm nghiệm được hạnh phúc Chúa dành cho tôi, hiến trọn tuổi xuân và cuộc đời cho Chúa và anh chị em miền núi.



TÔI ĐI DẶNG LỄ SỞ NHÁNH

Địa sở tôi gồm bốn làng Halăng và ba Jarai. Tôi cố gắng một hoặc hai tuần mỗi làng có Thánh Lễ một lần. Thánh Lễ và dạy giáo lý cho các em thanh thiếu niên. Tôi cũng thường khuyên mời ngay cả những người lớn tuổi mặc dù chưa tòng giáo cũng đến dự. Đi sở nhánh thật vất vả vì nhiều làng xa phải đi ngựa gần ngày đường. Đi được năm đầu rồi mấy năm sau thưa thớt hơn nhất là những năm tình thế nguy hiểm. Tôi nhận thấy rõ làng chính cần phải được đào tạo có căn bản và đạo đức hơn để nêu gương mẫu cho các làng khác nhưng nếu chỉ biết lo cho sở chính thì thật bất công, vì hầu hết những làng nhánh mới xin tòng giáo cần có sự hiện diện của Linh mục. Mùa mưa thường cuốn bộ với một ít thanh niên, hoặc với một hai em thiếu nhi vì nước lớn ngựa không qua suối dễ dàng được.

Mùa nắng thì đi ngựa với người giúp. Sau nhiều tháng lên Kobey tôi đã mua thêm một con ngựa nữa. Trước khi lên đường thì cho ngựa một thau gạo nếp có pha với ít muối. Đối với ngựa miền núi đây là bữa tiệc lớn. Không dám cho ăn lúa vì sợ xóc ruột. Nhưng khốn nỗi cho ăn ngon thì nó không muốn đi, dùng dằng làm cho chủ rớt. Có lúc phải cỡi xuống suối và quần nó cho được năm mươi phút đến khi nó mệt lử, bấy giờ nước kiệu mới êm. Nước kiệu là nước trung, sỏi là nước đại hai chân cùng nhảy một nhịp. Ngựa phi nước đại như người ta thường nói. Đường trường chớ dại sỏi nếu không phải là tay đua ngựa rành nghề, nó sẽ cho rơi vào buội le mà khốn. Tôi chỉ cho sỏi khi nào phải leo dốc dài. Thường đi ngựa đường xa tôi đem theo còi để phòng khi ngựa đánh mùi cọp thì thổi còi để đuổi cọp. Lúc đi sở về gần đến nhà cũng là lúc ngựa phi hết sức nhanh, nếu không để phòng thì chết tươi với nó. Sở dĩ có chuyện đó là vì mỗi khi

đi đường xa về nó được thưởng cho một thau gạo nếp có trộn muối cũng như trước khi đi. Nó cũng không khác gì cha sở lắm mỗi khi đi sở nhánh về cũng mong được một bữa ăn khá ngon sau những ngày mệt nhọc ở sở nhánh không có người đầu bếp vừa ý. Con ngựa thật là cần thiết nhưng lắm lúc nó cũng làm cho bực dọc. Bình thường những ngày không cần đến nó thì phải buộc nó vào một cây cọc với sợi dây khá dài để nó có thể quay vòng ăn cỏ. Thỉnh thoảng phải đổi cọc. Quãng mười lăm ngày phải đổi dây mới. Một sợi dây giá năm đồng và phải mua liên tục. Nếu đứt dây thì nó trốn về Phường Quý vì góc gác và bồ bịch của nó cũng dưới đấy. Mỗi lần đi bắt nó mất cả tuần lễ. Có lần tôi đi Plei Khô Klong, cách Kobey quãng ngày đường về phía Tây Bắc, ban đêm dây đứt nó trở về Kobey và giông thẳng về Phường Quý. Lúc về tôi phải đi bộ và nhờ thanh niên vác yên ngựa về Kobey.

Có lúc để mua vui cho các em Dân tộc, chúng tôi đi sở nhánh có ngựa có chó và cả khỉ nữa. Con chó tôi nuôi từ Tân Cảnh cũng theo tôi tới Kobey. Mỗi lần đi sở nhánh nó cũng đòi theo tôi. Hai cha con, tôi với người giúp cỡi ngựa, khỉ cỡi chó chạy theo. Dọc đường cho ngựa nghỉ để ăn cỏ uống nước, chó nằm ngủ, khỉ đi quanh quần kiếm ăn. Lúc tôi lên ngựa tiếp tục đi, khỉ cũng vọt lên lưng chó. Có lúc chó hục hặc không mấy bằng lòng nhưng tôi chỉ lên tiếng tăng hắng thì nó cũng dịu dàng sống chung hòa bình với khỉ và chờ khỉ đi. Tới làng, mọi người trầm trồ xúm nhau xem cái cảnh kì lạ chưa bao giờ thấy khỉ cỡi chó.

ĐI KÈ LIỆT CÁC SỞ NHÁNH

Một trong các công việc nặng nhọc là đi kè liệt các sở nhánh. Nặng nhọc ở đây tôi muốn nói người Linh mục được gọi bất cứ lúc nào. Khi có người làng xa đến báo có bà con hấp hối hoặc liệt nặng thì vội xếp đặt công việc để đi ngay như làng Khôk Klong hay Plei Kram chẳng hạn, mất gần năm, sáu tiếng đồng hồ, đi xe đạp hay đi ngựa tùy mùa và tùy làng, có làng phải đi ngựa để leo núi rất vất vả. Khi đến nơi, đôi khi -tôi nói đôi khi thôi - họ chỉ cho thấy kẻ liệt đang ngồi nói chuyện và sưởi lửa!! Tôi cũng mệt lử không thua gì kẻ liệt nhưng cũng cố gắng vui vẻ ngồi sưởi lửa với họ. Tôi nói vui vẻ, không bao giờ được phép nhăn nhó hay phàn nàn vì sợ trường hợp có kẻ liệt thật sự thì họ lại không dám mời Linh mục.

Những tháng năm yên vui thì lúc đi ngựa lúc xe đạp tùy mùa tùy làng nhánh xa gần, có khi đi bộ và ghé vào các rẫy bãi



anh em dân tộc ăn bắp đã đời rồi ngủ lại đêm luôn. Nhưng những tháng năm kinh hoàng thì thường đi bộ với hai em thiếu nhi 13, 14 tuổi, các thiên thần của tôi. Tôi thường gọi các em như thế. Nếu tôi có mệnh hệ nào thì cũng một mình tôi, các em thiếu nhi vô tội

không ai nở làm gì. Nhưng nếu đi với hai ba cậu thanh niên thì có ý nghĩa khác. Họ sẽ bảo đem thanh niên để bảo vệ.

Không gì thích thú cho bằng đi bộ đường rừng với các em 12, 15 tuổi. Tôi học hỏi nơi các em rất nhiều điều. Mặc dù

tuổi còn thơ, nhưng rừng là thế giới của các em. Các em biết tên từng cây cỏ, từng loại cây, danh mộc hay cây tạp. Những lối đi băng qua rừng chổi hay các đám cỏ, các em chỉ cho tôi thấy có dấu vết người hay con vật mới đi qua không lâu vì một ít lá ngược chiều một tí. Tôi nhìn kỹ nhưng không nhận ra. Các em càng biết rõ từng con chim con thú. Vì thế việc học hành đối với các em là một khổ hình và ngày nào được nghỉ học các em như bầy chim bay về rừng sướng mê tơi. Có lần trong cuộc hành quân đi ngang qua làng Kobey, một đại úy nhờ tôi tìm cho ông một em để đem về Saigon nuôi. Ông ta tưởng các em sẽ thích lắm. Tôi trả lời cho ông biết đây cũng là điều tôi ước mong từ lâu, mong các em có thể đi học và gắn gửi thế giới văn minh, nhưng thuyết phục một thiếu nhi về Saigon để học là một chuyện phi thường ngoài sức tưởng tượng. Tôi bảo ông biết nếu cho em mỗi tháng một triệu, em cũng từ chối. Đây là tâm trạng các em thời buổi 1960.

Có lần tôi đem vài thanh niên về Kontum, lúc đi ngang qua Trung Nghĩa, có mấy chiếc xe ủi đang phá cây dọn đất làm khu dinh điền. Lần đầu tiên trong đời các em thấy loại xe to tương đến độ ngăn người và nói với tôi: "Chắc phải là đại tướng mới lái được xe đây phải không cha?" Thật sự nói đại tướng nhưng cũng không hiểu đại tướng là ai là gì. Tôi liền trả lời chỉ cần một thời gian ngắn thôi các cậu cũng lái được. Các cậu suy nghĩ thích thú và tỏ ý muốn đi học lái xe. Dù sao các em dân tộc cũng có đầu óc cầu tiến miễn là biết khêu gợi đúng lúc đúng dịp và tạo điều kiện cho họ.

Cách đây thời gian không lâu cha Beyscelance và tôi được Đức Cha Kim chỉ định đưa một đoàn thanh niên nam nữ dân tộc, tất cả 60 em, đi Saigon dịp Năm thánh Đức Mẹ, năm 1958 (trong đó có một số sau này vào Dòng Ánh Phép lạ). Các em đã được đưa đi thăm khắp nơi tại Tp. Hồ Chí Minh, các nhà thờ, các

nhà máy, ngay cả Hãng Bia La Rue, thời bấy giờ lớn nhất Đông Nam Á và Hãng thuốc lá Bastos. Các em bấy lâu nay chỉ quen với cảnh rừng núi hôm nay bắt đầu có cái nhìn về một thế giới khác lạ. Một khi trở về quê, cuộc tham quan với những sự lạ lùng mắt thấy tai nghe chắc chắn sẽ được chuyển từ miệng này đến miệng khác.





**THỜI BUỔI KINH HOÀNG
TỪ THÁNG 9 NĂM 1960 ĐẾN CUỐI 1963**

Tình hình bên ngoài tuy im ắng nhưng qua những tin tức chuyển miệng đường như có cái gì sắp xảy ra. Vì sợ nên người Jarai rất kín.

Thực sự những tháng năm kinh hoàng đang đến. Một buổi chiều quang bốn năm giờ, lúc đang đi qua lại trước hiên nhà xứ đạo kinh chiều, thì một giáo dân từ Kontum về trao cho tôi một mảnh giấy bằng hai ngón tay của cha Lưu Phương chánh xứ P. Jơdráp với hàng chữ: "Báo tin cha hay cha Hoàng ngọc Minh đã bị Thượng Cộng giết." Hôm đó là 30 tháng 9 năm 1960. Lúc ngài ở Tân Cảnh về làng, thì nửa đường họ chặt cây chân xe và giết ngài. Rất tiếc tôi không về dự lễ an táng. Sau này về Kontum tôi thấy tấm hình thi thể ngài bị đâm nát từ đầu đến chân. Thật thê thảm. Chắc chắn đường đi nước bước cũng như cái chết của ngài đã được tính toán cẩn thận trước rồi, lúc đi cũng như lúc về. Tân Cảnh là xứ đạo tôi đã tạo lập năm 1957 như trình bày đầu tập hồi ký này và lúc tôi đi cha già Nguyễn quang Huy thay thế. Ban sáng cha Hoàng ngọc Minh từ xứ đạo Kon Kơla hay Kon Đú đến thăm ngài và ban chiều về thì bị giết.

Thế là thời giờ chết chóc đã đến và từ nay không bao giờ gặp lại được cảnh bình an thư thái như trước.

Lúc bình thường khi chúng ta đọc hạnh các thánh tử đạo thời xưa hay một vị nào đó bị giết vì danh Chúa Giêsu, tự nhiên chúng ta cảm thấy tâm hồn phơi phơi vui lây với hạnh phúc của các ngài. Nhưng thực tế trước mắt chúng ta đang sống giờ phút hiểm nguy của các ngài thì bấy giờ chúng ta cảm thấy xao xuyến dao động đến mức độ nào! Chính tôi đang sống những giây phút và tâm trạng đó trong lúc này đây.

Theo chỗ tôi được biết lúc bấy giờ không rõ có xác thực hay không, kể từ những tháng cuối năm 1960 Việt Cộng đã âm thầm có mặt khắp nơi trên Tây Nguyên và cái chết của cha

Hoàng ngọc Minh là tiếng chuông báo giờ khởi sự hành động của họ đầy thôi.

Thỉnh thoảng từ các làng xa phía Halăng người ta đem tin một người bị ám sát từ dưới gầm nhà bắn lên. Mỗi tối anh em trong làng nhủ tôi nên đi ngủ ngoài rừng với họ. Tôi tự bảo: Có ghê mới né ruồi, Linh mục đâu có làm gì mà phải sợ chết. Nhưng đầu óc không khỏi căng thẳng. Tôi cố giữ con người bình thản để anh em trong làng bớt dao động. Trước kia dạy giáo lý, tập hát, làm bài hát, học tiếng, rồi lao động.... Hôm nay không thể tập họp thanh thiếu niên hay tập trung tâm trí làm những công chuyện đó. Vả lại người dân làng mỗi chiều tối cũng không có mặt ở nhà, họ trốn và ngủ ngoài rừng ngoài rẫy. Đôi khi chúng ta tự hỏi ngoài rừng đầy Việt Cộng, tại sao họ dám ra đó để tìm chỗ ngủ. Người dân tộc có những nơi mà họ cho là an toàn. Vì họ biết tôi không muốn ra rừng với họ, nên có những đêm mà họ cho là nguy hiểm cho tôi, họ đem tôi đi ngủ trên giàn bếp của họ. Có một lần tôi đã ngủ trên giàn bếp ông biện Mnem. Tôi ngủ trên, gia đình họ ngủ dưới. Nhưng tình trạng này không thể liên tục như thế, tôi đành phải ngủ nhà. Nhà tôi là nhà sàn nên mỗi đêm tôi thay đổi chỗ, lúc xó này, lúc góc kia, sợ dưới bắn lên !! Có nhiều đêm tôi ngủ tại nhà thờ, chui vào bệ bàn thờ, trên Chúa Giêsu, dưới gầm nhà thì dê, giữa thì tôi. Gầm nhà anh em dân tộc là nơi nghỉ đêm của dê và bò. Cửa nhà thờ thì các em khóa. Nhà thờ lợp tranh, vách đan bằng lồ ô đập giập và sàn nhà cũng thế.

Mùa đông năm 1960 hay 1961 là những năm tôi thấy trời lạnh khủng khiếp khác thường. Bao nhiêu mền bao nhiêu áo ấm đem ra dùng hết nhưng chẳng thấm vào đâu. Nhiều lần ban sáng dậy vội vã ra ngoài xem thử có tuyết hay không.

Một buổi tối có người báo tin Thượng Cộng sắp vào nhà

tôi. Đúng thế, tôi vội vàng dùng cơm tối và vừa ăn xong thì các ông vào. Nhìn ra đường dài chạy thẳng vô nhà xứ, một hàng lính đứng chĩa súng vào nhà tôi, rồi hai ông bước vào nhà, một ông ngồi đối diện súng nhỏ để trên bàn hòng súng hướng về tôi, ông khác mang súng trường đứng bên cũng chĩa súng quay vào mặt tôi. Ông chỉ huy người Jarai nói với tôi bằng tiếng kinh: "ông có muốn cái dây không?" Tôi lưỡng lự một lúc rồi đáp: "Cái gì khác chớ cái dây ai muốn làm gì!" Ông nói tiếp: "ông cần phải có cái dây này." Nói xong ông rút từ túi áo một mảnh giấy và đưa cho tôi. Hóa ra là cái giấy chớ không phải cái dây để trói tôi. Ông này là người Thượng Jarai vùng la Ly thích nói tiếng Việt nhưng không có dấu, làm anh chị em giáo dân đang vây quanh tôi ai cũng lo sợ cho tôi. Tôi mỉm cười và nói: "tưởng là cái dây chớ cái giấy thì mình cũng muốn chớ." Nội dung tôi không nhớ rõ nhưng chung quy cũng là vấn đề giải phóng dân tộc.

Một ngày khác vào buổi sáng, một toán khác vào làng tập họp các giới để nói chuyện với dân làng, giới ông, giới bà, giới thanh niên nam nữ. Riêng tôi với ông câu Thợ được mời lên nhà rông, một cán bộ người kinh tên là Lý thuyết trình. Nhà rông chỉ có một cái ghế dài, ba người ngồi cùng nhìn về một hướng. Sau hết ông cán bộ hỏi tôi: "Ông tên gì, ai đặt ông ở đây, mục đích gì?" Tôi đáp: "Tôi là Phêrô Trần Thanh Chung, Linh mục giáo phận Kontum, không phải ông Hồ chí Minh cũng không phải ông Ngô Đình Diệm đặt tôi ở đây nhưng Đức Chúa Trời sai tôi đến phục vụ tôn giáo cho anh chị em Dân tộc, chết hay sống tôi chỉ biết nghe theo tiếng lương tâm của tôi, không bao giờ biết làm chính trị." Nghe tôi trình bày cứng rắn và chân thành, ông không hỏi cũng không nói gì hơn. Ông câu Thợ thời gian sau này được mời đi với họ và từ đó không còn bao giờ nghe tin tức gì về ông!! Thật tội nghiệp ông câu của tôi!

Mặc dù ở trong hoàn cảnh nguy hiểm cực độ, qua những

lời thẳng thắn tôi muốn nói lên lập trường dứt khoát của người Linh mục của Chúa, không lưỡng lự, không nhập nhằng, không nước đôi. Tôi nghĩ thời kỳ nguy hiểm không chết cách này thì chết cách khác, chi cho bằng nếu chết thì chết vì lý tưởng Linh mục của Chúa Giêsu là hơn cả.

Trong tình thế này, tôi ít khi đi Kontum. Đi Kontum lúc bấy giờ dưới con mắt họ là đi báo cáo tình hình, tôi nhận thức rõ điều đó.

Có lần đang ngủ trưa, có tiếng gõ cửa và nói: "Có cha sở ở nhà không?" Tôi nhận ra là tiếng Đức Cha Kim. Tôi vội mở cửa, thấy Đức Cha Kim và cha Bể trên Lộc, sau này là Giám Mục, đến thăm tôi. Nhưng trước tiên điều làm tôi rất ngạc nhiên và lo âu, Đức Cha bận quần sọt và hai ống chân có vải bao bọc và phủ kín đến đầu gối thấm đẫm máu. Tôi vội hỏi dọc đường Đức Cha gặp chuyện gì chẳng lành mà ghé vào đây. Thật người làm sao chiêm bao làm vậy. Đức Cha mỉm cười và bảo chỉ có gì sốt, anh em chúng tôi lên thăm cha đây thôi vì tình thế khó khăn cha không về Kontum. Thật quý hóa tấm lòng tốt của vị chủ chăn và người bạn vẫn nghĩ đến người anh em ở xa đang gặp khó khăn. Hai vị ở lại với tôi và ngủ đêm tại Kobey. Niềm an ủi lớn cho tôi và cho giáo dân Kobey. Hai vị đến Kobey theo đường Đak Yo bằng qua núi Gor Tơng, lối đi vất vả nhưng an toàn hơn. Chân các vị được bao bọc phủ kín bằng bao bố từ bàn chân đến đầu gối để khỏi xước tranh và khỏi bị vắt cắn. Nhưng loại địa rừng này rất tài tình có thể chui rúc qua nhiều lớp mảnh vải thưa hoặc bao bố. Thấy máu thấm ướt các ống chân các ngài việc đầu tiên tôi nghĩ đến các ngài bị thương hay tai nạn gì đây.

Trong bài viết về Đức Cha Seitz ngày mừng 100 năm sinh nhật của ngài, tôi nhận định ngài rất can đảm. Dường như ngài không biết sợ là gì. Trong thời kỳ nguy hiểm đang lúc súng nổ

đạn bay khói mù trời xe ngài vẫn chạy khắp nơi để đi thăm các Linh mục của ngài. Trên đây lúc ngài đến thăm tôi, ngài không bao giờ đặt vấn đề cho tôi phải ở lại hay về Kontum. Ngài muốn Linh mục phải là con người chết sống cho con chiên.

Những ngày tháng tiếp đến thật ghê rợn! Ngày nào anh chị em dân tộc ở rẫy về cũng đưa tin này tin khác đôi khi làm cho cả làng lo âu. Có điều lạ, trước kia người dân tộc Jarai rất kín, không bao giờ dám hé môi về vấn đề VC hay vấn đề chính trị với tôi vì họ rất e dè sợ tôi vô tình lộ cho ai, vì họ không chỉ sợ VC mà còn sợ quốc gia không kém. Có lẽ họ đã chứng kiến hay nghe những vụ đập đánh tàn bạo những người chứa chấp VC. Nhưng từ cái chết thể thảm của cha Hoàng ngọc Minh giáo dân Kobey tỏ lòng quyến luyến với tôi hơn bao giờ hết và không có gì mà không cho tôi biết. Có lần họ khuyên tôi nên về Kontum thì tốt hơn nhưng hoàn toàn để tôi quyết định. Họ thấy tôi cương quyết ở lại bất cứ giá nào, thì họ không dám bàn. Dù sao tôi cũng thấy rằng họ muốn tôi ở lại với họ vì có lần họ nói: "cha con sống chết có nhau." Họ xì xầm "ama ta hmâu yang lơm dih", cha mình có thần trong mình.

Tôi phải ở lại hay đi? Hoàn cảnh thật tế nhị với tôi. Tôi suy luận thế này: Con chiên tôi trong tình trạng hoảng hốt sợ hãi, chủ chăn bỏ chạy thì thật là hèn nhát. Mà giả như tôi rời bỏ họ thì tôi sẽ không bao giờ có thể trở lại vì trở lại thì càng nguy hiểm hơn trước. Chỉ có người trong cuộc mới nhận định được tình thế này. Và lại Đức Cha đã đến thăm tôi, ngài am hiểu tình thế, nhưng ngài không có ý kiến khẳng định về vấn đề này, vì thế tôi cảm thấy an tâm hơn và ở lại với anh chị em giáo dân. Tôi xác tín rằng một Linh mục phải luôn luôn sống trong sự vâng lời Đức Giám mục. Vâng lời Đức Giám Mục có ơn của Chúa. Không bao giờ nên tự ý tìm cái sống cái chết theo sở thích riêng tư.

Trên đây tôi nói người Jarai rất e dè và rất kín miệng, đôi khi rất trẻ con. Câu chuyện sau đây sẽ làm cho ai cũng bật cười. Ngày nọ có VC vào làng Podur ban đêm, làng nhánh cách Kobey đi bộ vài tiếng đồng hồ. Sáng hôm sau các bô lão trong làng, quăng hai chục người vội lên tôi báo tin, chắc chắn mong sự



Nhà nguyên Podur

bảo trợ của tôi về phía Chính Quyền quốc gia. Rủi có gì xảy ra thì họ an tâm vì có cha sở biết và bênh đỡ. Những người vào nhà tôi trước tiên, tôi hỏi gặp tôi có vấn đề gì mà đông như vậy, họ chỉ mỉm cười, không hở môi. Họ chờ cho tất cả vào nhà và tất cả cùng nói một lần: “Thưa cha, đêm nay có Việt Cộng vào làng chúng con” Không ai dám nói trước rủi sau này có chuyện gì thì người nói trước mang trách nhiệm nặng hơn!

Tình thế đã bi đát lại càng bi đát, khi tiếp đó nhận được tin cha Bonnet vừa bị VC bắn. Đầu làng Kon Kola cha Minh, cuối làng cha Bonnet. Cha Minh cuối năm 1960, cha Bonnet đầu năm 1961. Cha Bonnet (cha Quý) sinh năm 1926, cùng một tuổi với tôi. Rất tiếc lễ an táng của cha Minh cũng như cha Bonnet tôi không có mặt tại Kontum. Sau này tôi thấy ảnh của hai cha với cái chết thê thảm được trưng bày tại phòng khách Tòa giám mục. Tôi cầu nguyện cho hai cha nhiều nhưng nhất là xin hai cha cầu nguyện cho tôi. Các cha thuật lại mấy tháng sau cái chết của cha Hoàng ngọc Minh thì cha Bonnet lên thế ngài. Tôi không rõ ngài tình nguyện hay là nhận bài sai của Đức Cha. Nhưng dù có tình nguyện thì cũng có sự đồng ý của Đức Cha. Cha Bonnet vẫn tiếp tục đi các làng nhánh dâng Thánh Lễ như

thường lệ. Ngày nọ khi vừa ra khỏi làng thì VC chặn lại và nói cho ngài biết có lệnh cấm đi, ngài mạnh dạng trả lời: "Tôi đến đây mà không dâng Thánh Lễ thì làm gì?" Ngài tiếp tục đi vài bước thì súng nổ. Thương tiếc cha vô vàn nhưng đồng thời cũng là hạnh phúc cho người môn đệ của Chúa Giêsu.

Và cách đó mấy ngày sau, đang khi tôi dâng Thánh Lễ Chúa nhật tại Kobey, thì bỗng có tiếng nổ lớn phía Đak Rode tih, làng nhánh của tôi. Được biết có chiếc trực thăng của Mỹ bị bắn rơi tại Đak Rode le, cách làng Kobey đi bộ hơn tiếng đồng hồ về phía tây bắc. Tiếp đến từ phía Halăng có người đưa cho tôi cái tin sét đánh: "Thưa cha, cha là người thứ ba sẽ có số mệnh như cha Minh và cha Bonnet, vì họ bảo cần thanh toán Linh mục Chung. Sự có mặt của ông làm trở ngại cho hoạt động của họ." Ý kiến của Thượng Ủy VC tên H. Cái tin này thực hư đến mức độ nào tôi không thể kiểm chứng được.

(Năm 2000, đang lúc tôi là Giám mục chính tòa, mặc dù việc đi lại thời buổi này rất khó khăn và nguy hiểm, nhân dịp chuyển thăm mục vụ làng Kon Kola tôi đi hành hương những nơi cha Minh và Bonnet đã chết. Từ Kon Mong rẽ trái lên hướng Kon Kola, có cả hàng chục làng rải rác dọc đường. Khi đến Kon Kola, tôi nhờ một hai người đưa tôi lên lên nơi cha Bonnet chết. Đường rừng gai góc đi bộ rất vất vả, tôi không nhớ rõ quãng



đường dài bao xa nhất là đang lúc bụng đói và mệt lử về mặt tâm lý tự nhiên cảm thấy con đường đó xa hơn con đường thực tế, có lẽ quãng hai cây số. Cuối lộ trình người ta chỉ cho tôi một cây to bóng mát có Thánh Giá lớn bằng gỗ

được đóng vào thân cây, giữa vùng rừng núi âm u không người ở. Tôi quỳ cầu nguyện. Đây là con đường ngài đi dâng Thánh Lễ mặc dù có lệnh cấm. Tôi đã lấy một tấm ảnh kỷ niệm. Hôm ngày 4 tháng 7 năm 2005, có mấy cháu gọi ngài bằng bác ruột từ Pháp đến Kontum mục đích đi hành hương nơi bác đã chết. Họ đã đến Kon Kơla nhưng không dám đến tận nơi như tôi đã đến, chỉ nhìn xa xa thôi. Hôm đó vì mệt tôi không đi với họ. Trước khi ra về tôi nói với họ: "Ngài là chứng nhân Tin Mừng của Chúa đây, chết vì làm phận sự Linh mục. Hãy xin ngài cầu nguyện cho các cháu." Tôi tặng hai tấm ảnh nơi cha Bonnet và cha Minh đã chết. Lúc trở về khi ra khỏi làng Kon Kơla tôi cũng nhờ ít anh chị em chỉ cho thấy nơi cha Minh đã bị giết, con đường mà xe tôi đã qua khi tới Kon Kơla lúc này vì không có ai hướng dẫn. Đến đây tôi dừng xe và lấy tấm ảnh. Khi cha Minh từ Tân Cảnh về làng, đến chỗ quanh này thì họ chặt cây chặn xe và đâm ngài chết ngay tại chỗ. Đây là con đường lớn xe chạy nên anh em Dân tộc không dám làm dấu gì để ghi nhớ. Năm 2000 giỗ 40 năm ngài qua đời, bà con Hội Am, Hồ Nai đã mời tôi về dâng Lễ giỗ cho ngài.)

Tiếp tục câu chuyện chiếc trục thẳng trên đây. Trục thẳng này bị hỏng máy hay bị bắn rơi không ai rõ và những thành phần đội phi công bị bắt hay đã trốn thoát cũng không ai biết. Xác trục thẳng nằm đó hết ngày này qua ngày khác cũng không thấy ai đi tìm. Anh em dân tộc tháo gỡ những bộ phận để làm ống điếu, làm dao làm rựa cuốc xẻng. . .

Trong thời gian này tôi nhận được mảnh giấy từ Đức Cha Kim gửi lên, lớn bằng hai ngón tay nhét dưới gót dày bata của người đem thư với mấy hàng chúc bình an hiệp thông cầu nguyện và lời nhắn nhủ: "Các con đừng sợ kẻ có thể giết được xác, nhưng không thể giết được hồn; hãy sợ Đấng có thể diệt cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục." (Mt 10, 28)

Cám ơn Chúa. Tất cả những gì Chúa gửi đến cho tôi đều có ý nghĩa. Hoàn cảnh càng làm tôi gắn gũi Chúa hơn. Trước kia có lẽ chưa sống mật thiết với Chúa. Những tháng ngày căng thẳng này, ngày nào cũng đọc Kinh Thánh từ mai đến chiều, đặc biệt Bible Jerusalem mới xuất bản 42 tập đầu tiên. Tôi chầu Chúa lâu giờ hơn. Có ngày tôi lần 13, 14 chuỗi. Trong đời chưa bao giờ lần chuỗi mỗi ngày nhiều như thế. Chiều chiều sáng sáng trong những ngày tháng kinh hoàng không gì đem lại nâng đỡ cho bằng những lời Kinh dâng lên Mẹ thân thương, sống chết trong tay Mẹ. Khi này và trong giờ lâm tử. Tôi vừa lần hạt vừa đi qua đi lại trong phòng hoặc ngoài hiên, mỗi bước đi mang theo tất cả những hồi hộp lo sợ đồng thời những niềm an ủi và khích lệ vì chuỗi Mân Côi gói ghém tất cả vui thương mừng. Thật đây là những giờ thân thiết nhất giữa mẹ con. Thánh Têrêxa Giêsu Hải Đổng thường nói khi chúng ta lần chuỗi thì Mẹ cầm dây chuỗi một đầu chúng ta một đầu. Đúng thế, lời này làm tôi rất thích thú, Mẹ níu con con níu Mẹ, Mẹ con gắn bó thân thiết.

Thánh Yoan Maria Vianney Quan thầy các cha sở có lần nói: "Lạy Chúa, nếu Chúa thấy con bất xứng, xin Chúa đừng bỏ con tội nghiệp nhưng xin Chúa giao con cho Mẹ."

Dù có tội lỗi hay bất xứng đến độ nào đi nữa, thì hãy chạy đến với Mẹ, Mẹ sẽ giúp chúng ta sửa mình, đừng bao giờ dai dột đến độ phải nản lòng hay tuyệt vọng.

Sau này tôi có dịp đọc trong tạp chí 30 Jours, có một vị tên Alain de la Roche bị cám dỗ rất nặng trong vòng bảy năm trời, chẳng những bị cám dỗ mà còn bị ma quỷ đập đánh tàn nhẫn bằng roi, và chẳng bao giờ hưởng được sự bình an thư thái nào. Nhưng Đức Mẹ đã hiện ra và đã giúp dẹp các cơn cám dỗ. Mẹ hứa những ai lần chuỗi Mân Côi sốt sắng sẽ được Mẹ bênh đỡ. Nhưng với thời gian trôi qua ông đã lơ là việc lần chuỗi và còn

bị cảm dỗ nặng nề quá sức tưởng tượng đến độ ông ngã lòng và muốn tự vẫn. Đang lúc ông rút con dao để thanh toán cuộc đời thì Đức Maria đi ngang qua tát vào mặt ông và nói: "Con người khốn kiếp! người làm cái gì đấy? Nếu người biết xin Mẹ giúp đỡ như bấy lâu nay người đã xin thì đến nỗi gì phải kết liễu cuộc đời đại dột như thế này." Nói xong, Mẹ biến mất.

(Đang lúc tôi ghi lại những dòng hồi ký này tức năm 2005, tôi nhớ đến vụ ám sát hụt ĐGH GP đệ II ngày 13 tháng 5 năm 1981, cũng là năm tôi được tấn phong GM Phó. Khi viên đạn bắn vào con người, lời nói đầu tiên phát xuất từ miệng ngài: "Maria! Mẹ của con! Maria! Mẹ của con!")

Thật trong những cơn bấn loạn, lòng mến yêu Mẹ và tín thác vào Mẹ là niềm an ủi và là thành trì chở che vững chắc. Tôi không bao giờ quên những lời nhắn nhủ của các bậc đàn anh hoặc những lời Mẹ đã đặt để nơi môi miệng họ mục đích dặn dò chúng ta: "Bạn hãy mến Mẹ, Mẹ sẽ đặt để thiên đàng trong tâm hồn bạn". "Nếu con biết Mẹ mến yêu con đến mức độ nào thì con sẽ khóc òa lên vì sung sướng"

Mọi khi tôi còn lao động: trồng cây trồng dưa quanh nhà, hôm nay không còn sức nữa.

Tôi tự nhủ: "Chiều nay sẽ là chiều sau hết của đời tôi."

Có lẽ lúc đó tôi ý thức hơn bao giờ hết đời sống Linh mục không đánh giá theo việc mình làm nhưng bằng sự hy sinh, đau khổ, cầu nguyện, lòng yêu mến. Tôi không thể làm được gì cho giáo dân nhưng sự hiện diện của Linh mục là tất cả.

Tôi rất thích thú cái cảnh các em thiếu nhi bắt gà để ăn thịt. Và chính tôi cũng có lúc vào cuộc với các em. Các em cầm cây vây quanh con gà chờ nó thoát chạy phía nào là đập ngay. Trong lúc túng quẫn con gà chỉ còn phương thế duy nhất là

bay bổng lên đậu trên mái nhà. Các em chưng hửng bỏ cuộc. Tôi có cảm tưởng như gà dân tộc bay giỏi hơn gà người kinh vì ít nhiều nó lầy giống gà rừng.

Hình ảnh bắt gà tôi thường áp dụng cho đời sống thiêng liêng của chính tôi. Trong lúc gặp cảnh khó khăn túng quẫn nếu ngã lòng thì nằm ì đó mà chết. Nhưng lòng trí biết hướng thượng là phương thế duy nhất.

Không biết ở quê nhà ai tin cho mẹ tôi rằng tôi bị VC bắt đi gửi đạ qua Lào. Mẹ đã xin lễ cho tôi. Có lẽ ở Kontum có người nào đó quá lo lắng cho tôi và đã tưởng tượng và từ tưởng tượng đã vẽ vờ như thế.

Cứ bốn giờ chiều thì đàn ông hoặc tráng niên kéo nhau ra rừng ngủ. Họ đi ngang qua nhà tôi và mời tôi cùng đi với họ. Tôi chỉ mỉm cười và chúc họ đi bình an. Tôi nghiệp cho người anh em của tôi đã làm ăn vất vả suốt ngày tối đến lại phải tìm chỗ ngủ ngoài rừng ngoài rẫy!

Có lần ban đêm nghe có tiếng nổ lớn kéo dài mười lăm hai mươi phút phía Halăng vùng tây bắc, phía trục thẳng rớt. Sáng hôm sau hỏi tin tức thì ít người trong làng bảo tôi đừng sợ vì dân làng



Đak Rode Tih đốt lỗ ô để VC tưởng là có lính quốc gia hành quân nên không dám vào làng. Dân miền núi có sáng kiến thật kỳ lạ ít ai nghĩ đến. Lỗ ô là loại tre mọc ở rừng từng cụm, thân cây rất cao rất thẳng, thành rất mỏng dễ cháy dễ nổ và nổ rất to.

Dù sợ dù thế nào đi nữa tôi quyết định về Kontum một chuyến để thăm Đức Cha và anh em Linh mục của tôi. Biết đâu

là lần sau hết.

Bình thường trước kia đi ngựa hoặc xe đạp. Hôm nay đi bộ, áo dòng đường hoàng, có chết thì chết với áo dòng, cùng đi với hai thiếu nhi, thiên thần hộ thủ của tôi.

Đọc đường lần đầu tiên tôi gặp đười ươi, giống khỉ cao to đi thẳng giống người ta. Tôi sợ nó, nó sợ tôi, cả ba cha con thét la. Nó hoảng hốt chạy vào rừng. Một lần chúng tôi cũng gặp lính quốc gia phục kích trong rừng gần bên vệ đường. Họ chồm lên và thấy áo dòng. Họ không hỏi gì.

Tới bến đò Plei Krong, trời đã về chiều. Vừa từ sông bước lên bờ, chẳng may gặp một nhà báo Mỹ với anh thông dịch viên. Tôi nói chẳng may vì vừa ra khỏi vùng nguy hiểm mà lại gặp ông Mỹ, tương lai về làng sẽ bị tra hỏi về nhiều điều không hay và có nguy hại cho tôi nữa là khác, vì VC có mặt khắp nơi ngay tại Thị Xã Kontum. Ông còn mời tôi lên xe Jeep về Kontum. Tôi rất phân vân nhưng lại cũng lên với ông. Tôi để lại hai thiên thần của tôi tại Plei Krong để có dịp các em nhập bọn về làng Kobey. Ông nhà báo trao đổi với tôi qua thông dịch viên về vấn đề nhiều làng thượng tản cư, bỏ vùng VC để về vùng quốc gia. Ông cho biết tên ông là Francois Sully. Tôi mới nhận ra đây là Mỹ gốc Pháp rồi từ đó mới trao đổi bằng tiếng Pháp. Ông bảo: Diệm - Nhu nói dối. Nói dối về vấn đề gì, tôi hỏi và được ông đáp: "Đi tới đâu tôi hỏi Thượng tại sao tản cư thì họ nói ông Diệm bảo chạy. Còn hỏi ông Diệm thì ông bảo họ sợ VC." Ông ta đã đi thăm nhiều vùng ở Pleiku cũng như ở Kontum.

Tôi thấy ông Mỹ này quá đơn sơ. Tôi giải thích cho ông một phần nào sự thật. Người Thượng bên ngoài thật là quá chất phác nhưng "vậy mà không phải vậy." Phải ở trong hoàn cảnh vừa đói khổ vừa khiếp sợ như họ, phải sống chung với họ chiều hôm sớm mai thì mới thấy được tâm tư của họ. Về vấn đề này

thì người Thượng không còn là trẻ con nữa đâu. Người Thượng rất sợ VC nhưng họ chờ ông Quận đến làng dẫn đi, dẫn họ đi thì phải nuôi cơm và giúp đỡ họ mọi phương diện đồng thời VC có hỏi thì họ cũng có câu trả lời xuôi chảy rằng họ đâu có muốn trốn chỉ vì ông Quận bắt phải đi thôi. Nếu họ tự động chạy thì phải tự túc và sẽ ăn đòn với VC vì họ quá biết VC có mặt khắp nơi.

Về Kontum gặp anh em Linh mục ngày hội đầu tháng, tay bắt mặt mừng. Ai cũng sợ cho tôi số phận không may mắn. May mắn hay không thì chẳng cần biết nhưng lâu ngày gặp lại anh em thật là niềm vui khó diễn tả. Gặp anh em là một Bí - tích. Có một lần nào trước đây thời kỳ còn an lành vì ở xa nên tôi vắng bóng hội đầu tháng một hoặc hai lần, Đức Cha Kim nói với tôi: "Cha không cần gặp anh em nhưng anh em cần gặp cha". Đúng thế, nhưng tôi nghĩ lại mình cần gặp anh em hơn là anh em cần gặp mình.

Cha già Paul Crélin, cha giáo của tôi lúc ở tiểu chủng viện, lâu ngày gặp lại tôi, mỉm cười sung sướng và nói: "Cậu chưa có chết đâu, tội lỗi nhiều cần sống thêm để đền tội." Đầu năm 1958, lúc tôi còn ở Tân Cảnh thì ngài ở Đak Kang Pêng cách tôi quãng 15 cây số, có lần tôi bắt được con mang chở xe đạp biếu ngài một đôi.

Những ngày này Cha Beysseance và tôi, hai anh em bạn cùng một hoàn cảnh tâm sự với nhau nhiều lần. Có lần ngài nói nhỏ vào tai tôi: "xin Chúa thương cho hai anh em mình được phúc tử đạo." Tôi lưỡng lự và thậm nghĩ xin như thế sợ có thiếu khôn ngoan không. Tôi liền nói: "Nếu Chúa gọi đến thì vui lòng chấp nhận, còn xin thì không dám." Ngài bảo: "Hãy thưa với Mẹ, Mẹ sẽ xin giùm cho, vì ở Cana Mẹ xin gì được nấy." Cám ơn cha bạn của tôi. Ngài là vị Linh mục thánh thiện. Tôi biết ngài mong

muốn được hạnh phúc như hai cha Minh và Bonnet. Đường như ngài cũng có một người cậu bên Lào chết vì sứ mạng Linh mục do Pathet Lào giết. Cha Beyselance, cha sở Đak Mot, người bạn láng giềng của tôi – gọi là láng giềng nhưng đi bộ đường rừng một ngày cũng chưa tới. Vài năm trước biến cố nguy hiểm này, anh em chúng tôi đã có lần hẹn gặp nhau tại lang Lố, họ đạo cuối cùng của ngài và ăn cơm chung với nhau. Ngài cùng một hoàn cảnh nguy hiểm như tôi nhưng được cái may mắn là có đường xe hơi thông suốt từ Đak Mot ngang qua Tân Cảnh về tới Kontum. Ngài vẫn can đảm đi lại các sở nhánh như không có gì xảy ra. Đường như xe của ngài cũng có lần bị bắn.

(Sau này, quãng năm 1995, dịp qua Rôma lần đầu tiên trước khi làm Giám Mục Chánh Tòa, tôi đã có dịp gặp lại ngài nhiều lần ở Montbeton. Nhất là theo lời mời của tôi, ngài về lại Giáo phận Kontum những dịp lễ lớn



Gặp các cha MEP tại Pháp

Sinh nhật, Phục Sinh để giúp giải tội, bắt đầu từ Giáo phận mừng lễ 150 truyền giáo Tây Nguyên (1998). Nhà Nước cũng dễ dãi với Ngài. Từ đó cho đến bây giờ là năm 2005, năm tôi đang ghi lại hồi ký, gần như năm nào hai cha Beyselance và Chastanet cũng về Kontum. Tôi tha thiết mời các ngài giúp giải tội tuần Thương Khó trước Phục Sinh và tuần trước lễ Noel, những ngày này anh chị em dân tộc tấp nập từ bảy Huyện về Kontum xưng tội. Tuần trước Lễ Phục Sinh, chưa nói đến các cha khác, riêng tôi mỗi ngày giải tội từ ba đến bốn trăm và ngày sau hết 900 suốt từ mai đến chiều tối, thật quá tải. Có hai cha về, chúng tôi vui lắm. Có điều lạ là riêng cha Beyselance được Nhà Nước

cho ở tại Đak Mot, sở cũ của ngài ngày xưa, ngay tại Thị trấn huyện Ngọc Hồi bây giờ cách Kontum 60 cây số, ngày xưa xin chết vì đạo thì chưa được, bây giờ Đức Mẹ thương cho ngài ở đó vài tuần để giúp đỡ bà con Xơđang.)

Ở Kontum vài ngày lo những việc cần thiết rồi cũng vội vã trở về Kobey. Lúc về thì tôi đi đường khác vắng vẻ và an toàn hơn. Đây là tâm lý của những người sống vùng nguy hiểm, vì lúc ra đi thì thường bị để ý.

Được xe đưa lên Đak Wok sở của cha Ngô Đình Thận, có cha Cẩn cha Đường cùng lên chơi. Các ngài tiễn tôi ra bờ sông Pôkô để mình tôi qua sông và hướng về Kobey. Quần áo, áo mayô, vai mang không quá nặng, tay cầm râu chuối. Trời nắng chang chang, đường rừng không một bóng người lai vãng, có chỗ hai bên toàn là rừng le ngọn đan xen với nhau tạo thành bóng mát dễ chịu. Có chỗ phải băng qua những rẫy cũ trống lốc. Những đoạn đường cứ nối tiếp nhau như thế. Thành linh phía lưng chừng đồi bên tay phải nổi lên muôn ngàn tiếng mõ lóc cóc và cả rừng le rung chuyển như có trận gió dữ dội ùa tới, đang khi đó phía tay trái tuyệt nhiên im lìm không có gì xảy ra. Tôi liền đứng lại để quan sát sự việc. Vừa dừng chân thì tất cả im phăng phắc. Trước tiên tôi nghĩ ngay đến bầy khỉ rung cây để



Khánh thành nhà thờ Đak Yo
(ngày 09/10/2005)

ghẹo tôi, sự việc có thể xảy ra. Nhưng khỉ cũng không mà chim chóc hay con vật nào khác cũng không. Hai cánh tay tôi nổi da gà. Tôi vừa tiếp tục đi thì trận gió với tiếng mõ lại bắt đầu. Như để thách đố, tôi đưa râu chuối đang cầm trong tay lên cao về phía những

kỳ quái vừa xảy ra thì tất cả trở lại tình trạng bình thường. Tôi nhìn đồng hồ đúng 12 giờ trưa. Tôi vừa đi vừa lẩn chuỗi thẳng một mạch không quan tâm đến những gì xảy ra. Sau non tiếng đồng hồ thì tôi tới làng Đak Yo, họ nhánh của Giáo Xứ Đak Wok.

Tôi ghé vào thăm làng. Tôi thuật lại sự việc cho anh em trong làng nghe. Họ trách yêu tôi tại sao tôi dám đi một mình thời buổi này, nhất là đoạn đường vừa đi ban trưa thường gặp ma quái. Họ mời tôi ăn uống qua quýt sau đó họ cho hai thanh niên cùng đi với tôi về Kobey.

Trời đã ngã về chiều. Chúng tôi lẩn theo suối la Xang. Sau hết tới chân núi Gor Tong. Trời bắt đầu tối. Đường rừng âm u hiểm trở. Hơ n tiếng đồng hồ chúng tôi băng qua núi và về đến nhà lúc bảy giờ tối.

Tôi bắt đầu sống lại những ngày lo âu, không những riêng tôi mà cả anh chị em trong toàn địa sở.

Bên kia suối la Xir dường như có toán Thượng Cộg đóng quân thường xuyên. Chiều chiều họ vào làng. Có lúc họ đến xin tôi xăng hay đá quẹt, ngoài ra không bao giờ xin gì khác. Có một người tên Danh người Quảng Ngãi thường đi quan sát tình hình cũng như các nhà trong làng, mặt mũi nói hăm hăm thì hơi quá đáng nhưng không một chút thiện cảm, không cởi mở, không thềm nói chuyện với ai, tôi chào hỏi cũng không đáp, tro tro lạnh ngắt như đồng. Tướng mạo thật khả nghi. Chắc chắn anh để ý đến tôi, để ý đến nhà xứ vì thấy anh qua lại rất nhiều



Suối la Xang

lần nhiều ngày, trước cũng như sau nhà xứ. Tôi có cảm tưởng anh chờ dịp không có giáo dân trong làng thì anh sẽ "mời" tôi đi, nhưng may quá những ngày nguy hiểm như thế dân làng ở nhà không dám đi rầy, nhất là họ quanh quần đường như để bảo vệ tôi. Linh tính dường như báo trước có việc chẳng lành. Đúng thế, một đêm nọ đã khuya khi mọi người trong làng an giấc, anh ta đến gõ cửa nhà tôi nhưng không thấy mở, anh ta lấy búa súng đập vào cửa! Cám ơn Chúa, cám ơn Mẹ nhân lành, cám ơn thiên thần giữ mình, tôi ngủ mê chẳng nghe chi hết. Nếu nghe có lẽ tôi đã mở rồi vì biết đâu giáo dân gọi đi kẻ liệt. Sáng hôm sau anh chị em giáo dân cạnh nhà tôi thuật lại. Khi nghe anh ta đập cửa, cả nhà ông Plun cha của chị Hmring với năm sáu gia đình cùng ở chung một nhà đều thức dậy và ra ngồi chờ đợi sự việc sẽ xảy ra thế nào. Họ nói nếu có sự cố họ sẽ ủa đến. Nhưng anh ta đã rút lui.

Tôi đặt vấn đề: anh Danh này duy nhất là người Kinh trong toán quân bên kia suối la Sir, tôi gặp trong làng cũng như nhiều ngày qua lại dòm ngó nhà tôi, tại sao không vào ban ngày lại chờ đêm đến khi mọi người ngủ mới vào? Tôi đoán và có thể đi đến quả quyết rằng anh ta muốn bắt cóc đưa tôi ra rừng với anh. Nhà tôi ở là nhà sàn lát ván, vách trét đất, cài khoá rất cẩn thận. Thời kỳ nguy hiểm tôi đổi chỗ ngủ mỗi đêm, lúc xó này lúc xó khác. Theo lời dân làng, mấy tháng sau, anh này lúc trèo lên cây cao để quan sát làng Kobey đã bị lính hành quân bắn chết và dân làng đã chôn tại chỗ. Nói đến đây tôi hồi tưởng đến Frère Jacques tại nơi sinh trưởng của tôi năm 1946 cũng một trường hợp bị bắt cóc và bị giết như thế. (*xem Hồi ký Cồn Dầu 1926 - 1955*).

Khi ghi lại những biến cố trên đây tôi không khỏi bùi ngùi cảm động vì cảm thấy nhân tiền bàn tay của Chúa, của Mẹ hiền bao bọc lấy tôi. Nếu như lọt vào bàn tay đao phủ thì tôi đã ra

thế nào? Chỉ có Chúa biết! Đây là dịp nhắc nhở tôi dâng lên Chúa lời cảm tạ không ngơi không ngớt và cố gắng sống xứng đáng tình thương của Chúa hơn.

Tất cả những em giúp việc cho tôi, trước đây tôi đã cho về Kontum hoặc về quê không dám để ai ở lại với tôi thời kỳ nguy hiểm này ngoại trừ em Các con chú tôi, vừa nhỏ tuổi, vừa nhỏ thó không có gì đáng sợ cho em. Hiện giờ em còn sống ở Cồn



Hình chụp với Các tại PleiKrong
(hình chụp năm 2007)

Dấu, quê tôi. Em biết rõ ràng tất cả tình hình cũng như sự việc tôi thuật trên đây. Còn các giáo viên, lúc tôi xây trường học, tôi đã xin Sở Học Chánh Kontum cho tôi hai người, tôi cũng đã cho về Kontum từ lâu, nghỉ dài hạn hoặc đi tìm dạy một nơi khác tùy ý.

Thời gian này thỉnh thoảng có nhiều toán lính nhảy dù trinh sát quốc gia, mỗi toán hai ba người từ ngã Lào đi ngang qua Kobey về Kontum, liên tục suốt mấy tuần lễ. Họ ghé vào nhà này nhà khác trong làng để xin ăn, thường vào lúc bốn đến tám giờ sáng. Có một hai lần ghé vào nhà tôi. Mỗi người mang hai súng, súng lớn, súng nhỏ có bản đồ, bện y phục đen, chít khăn đen, hút thuốc thơm và còn mời tôi nữa. Có lần họ xin cơm. Nhưng tội nghiệp những ngày kinh hoàng này tôi không bao giờ nấu cơm. Tôi thường ra làng ăn cơm với bốn đạo của tôi. Họ kể lại có nhiều nơi nhiều lúc trong các cuộc thám hiểm dò đường gặp toán VC đông người, họ đập máy ném sông và thoát chạy. Theo người làng thuật lại sau khi ra khỏi làng Kobey thì họ thay quân phục, từ đen đổi qua rằn ri. Hình ảnh anh lính nhảy dù in mãi trong tâm trí khó

quên. Họ rất hiền ngang và thanh niên tính! Bất cứ đêm hay ngày, từ Lào băng qua các rặng núi, rừng sâu và sông suối hiểm trở dường như họ không biết sợ là gì. Tôi suy nghĩ người thừa sai của Chúa Giêsu có can đảm như anh ta trong sứ mạng Chúa giao cho mình không. Đôi khi tôi có cảm tưởng Chúa Giêsu liếc anh ta và mỉm cười nhìn tôi: "Xem đấy ! con cái ánh sáng có được một góc can đảm như thế không?"

Sự thán phục anh lính nhảy dù có pha lẫn chút nghi ngờ nhất là trong hoàn cảnh tôi đang sống. Có lẽ đối phương chưa gặp nơi tôi cái gì để kết án, hôm nay cải trang để cài bẫy. Họ chỉ cần quân phục nhảy dù, hai khẩu súng... chứ có gì khó đâu! Có thể trong trường hợp nguy hiểm tôi quá giàu óc tưởng tượng chẳng! Hai anh hỏi đủ thứ tin tức: "Ở đây có VC nhiều không? Cha có sợ VC không? tại sao cha ở đây? thời thế rất nguy hiểm tại sao cha không về Kontum?... " Những câu trả lời của tôi vẫn phản ánh sự thật, nếu là VC thì cũng không bắt tội được tôi, mà nếu không phải là VC thì cũng liệu hồn mà sống vì VC đầy rừng! Sau này về Kontum các anh có thuật lại cho Tỉnh biết có ông cha nào đó sống trong làng thượng giữa cảnh rừng hoang vắng tỏ vẻ nghi ngờ không tin họ là lính nhảy dù.

Mấy tuần lễ sau, có cuộc hành quân vĩ đại cũng từ biên giới Lào kéo về đi ngang qua làng Kobey gồm đủ các binh chủng: nhảy dù, thủy quân lục chiến, bảo an, cộng hòa, biệt động quân, biệt kích Mỹ... cả hàng tuần lễ lai rai kéo nhau về ngã Kontum dường như không bao giờ hết quân. Có một trung úy tự xưng nguyên là sinh viên trường Albert Sarrault Hà nội vào nhà tôi xin nanh heo rừng. Ông bảo đây là bùa đeo vào người sẽ không bao giờ bị thương?! Tôi đem cho ông một gói ông muốn lấy bao nhiêu tùy ý. Nhà rông Kobey trưng bày hàng mầy chục sừng trâu rừng chắc dịp này cũng biến mất hết.

Đoàn hành quân ồn ào nhộn nhịp băng ngang qua làng Kobey và các làng nhánh của tôi dọc suối la Sir suốt cả tuần lễ rồi sau đó để lại những ngày im ắng, cái im ắng kinh hoàng. Tôi thương hại anh chị em Jarai Halăng chiếu chiếu sáng sáng ngồi nhìn nhau mặt mày căng thẳng ủ rũ, không còn sức lao động như bấy nay. Có tiếng xầm xì với nhau: bao giờ ông quận đến đem mình đi? Mặc dù họ rất quyến luyến với mảnh đất rừng núi thân thương nhưng bây giờ đứng trước nỗi kinh hoàng thì không còn thiết tha gì nữa.

Sự việc đã đến theo lòng mong ước của họ. Chỉ thời gian ngắn sau cuộc hành quân vĩ đại trên đây, ông quận đã đến. Họ cấp tốc chuẩn bị lên đường. Các làng phía Kontum được huy động hàng mấy ngàn người lên giúp chuyển trâu bò, lúa thóc, ghè ché nổi niêu, tất cả tài sản của họ. Họ ra đi bỏ lại sau lưng làng mạc, suối la Xir với rừng núi thân yêu như người mẹ hiền đã nghìn đời ôm ấp và nuôi sống họ. Tất cả dồn về phía Plei Krong, bên kia sông Pơkô, con sông dài nhất Tỉnh Kontum bắt nguồn từ Đak Glei, chảy xuống nhập với sông Đak Bla đổ về la Ly.

Plei Krong trở thành trung tâm định cư khoảng năm ngàn người gồm các sắc tộc Jarai, Halăng, Rơngao. Có làng chạy xuống tận Plei Klech, Măng La ở chung với Bahnar.

Giờ đây anh chị em Jarai, Halăng ai cũng thở phào nhẹ nhõm, dường như vừa mới thoát một nỗi kinh hoàng từ xưa đến nay chưa bao giờ thấy, mặc dù họ phải bỏ lại giang sơn sự nghiệp với tất cả những gì thân thương và những kỷ niệm êm đẹp.

Họ được Chính quyền hỗ trợ về lương thực một thời gian ngắn. Bấy giờ là cuối năm 1963 thời gian ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Có lúc họ dường như bị bỏ rơi. Theo lời người ta

thường nói sau ngày đảo chánh, sự thật có phải như thế không, tôi không rõ lắm, Chánh quyền mới nghiêng về phía Phật giáo không mấy quan tâm đến người Thượng. Tôi đã thẳng thắn nói lên tiếng nói lương tâm trong bức thư gửi lên ông Tỉnh Trưởng Tỉnh Kontum và đồng kính gửi Thiếu Tướng Tư lệnh Pleiku. Trong bức thư có lời: "... nếu chúng tôi là những Phật tử thì chắc chắn sẽ được quan tâm nhiều như lời người ta đồn đại, nhưng đây chúng tôi lại là những người Thượng miền núi nghèo khổ đói rách gặp buổi loạn ly không được Chính Quyền đoái hoài..."

Bức thư của tôi "nổi lớn" ở Pleiku. Có người báo tin cho tôi như thế. Thực vậy, mấy ngày sau Thiếu Tướng cấp tốc phái ngay một viên đại tá đến Plei Krong để tìm hiểu tình hình tại chỗ và xem thử dung mạo ông Linh mục đó như thế nào mà có những lời lẽ đanh thép như vậy, đây là lời đại tá thuật lại với tôi. Khi tiếp chuyện, đại tá nói: "Thấy cha hiền lành mà trong thư thì thật bức xúc dữ dội." Tôi đáp: "Có lẽ đúng như Đại tá nhận xét, hiền lành không có nghĩa là mềm như bún, nhưng biết chân thành và can đảm nói lên sự thật. Sự thật bao giờ cũng làm phật ý những người không sống theo lẽ phải."

Rồi mấy ngày sau đó, hết đoàn xe này tới đoàn xe khác tiếp tục từ Kontum trực hướng Plei Krong, cách Kontum 20 cây số. Dân tạm có gạo ăn để làm nhà làm rẫy. Vùng Plei Krong toàn dân khoảng năm ngàn người, dân số thật quá tải, ruộng rẫy không đủ để nuôi sống họ nếu không được trợ giúp và nhất là không có tiếng nói yểm trợ.

Dân làng phát rừng để chuẩn bị làm rẫy và làm nhà ở. Nhà trường nhà thờ cũng bắt đầu mọc lên. Riêng tôi tạm ở nhà chú Yao phu Plei Krong để gần gũi họ trong khi chờ đợi có nhà xứ. Hai cha Trần Khánh Lê (Trung nghĩa), cha Nguyễn tấn Đường (P. Jodráp) cũng không xa đó lắm. Tỉnh trưởng có những đêm

nguy hiểm, cha Lê với tôi thường tìm chỗ qua đêm với nhau.

Trong những năm ở P. Krong từ năm 1964 đến tháng 9 năm 1966, Sr Marie - Louise người Pháp giám đốc trại Phong Dak H'kiã xin tôi phụ trách mục vụ cho anh chị em phong cùi, đa số người Jarai. Từ P. Krong về đây khoảng 26 cây số. (Kể từ đây tôi hết đi ngựa rồi. Và ngựa của tôi, tôi cũng không biết nó ở nơi nào từ ngày bỏ Kơbey cũ. Có người đến xin mua lại nhưng tôi bảo nếu tìm ra thì cứ bắt. Lúc về Đà Nẵng, tôi mua chiếc Gobel giá 18 ngàn rưỡi.) Mỗi chiều thứ ba tôi đến giải tội cho anh chị em phong cùi đa số Jarai. Chiều tối tập hát và dâng Thánh Lễ. Sáng hôm sau dâng Thánh Lễ và dạy giáo lý cho các em. Ở đó có 8 chị Nữ tu Dòng Thánh Vinh Sơn phục vụ. Họ rất tận tụy với anh chị em phong cùi.



Cha sở và chiếc xe Gobel

Tại P. Krong, ngay từ các làng di dân đặt chân đến, đã có trại lính đóng bên kia sông. Cuối năm 1964 có cuộc chạm súng lớn giữa Biệt Kích và địch quân. Suốt đêm tiếng súng lớn súng nhỏ nổ liên hồi. Nhiều quả đạn súng cối và đại bác rơi vào giữa làng Kơbey và các làng khác nhưng không ai bị thương. Tôi tưởng là súng yểm trợ doanh trại như mọi khi và cứ ngủ ngon lành. Sáng dậy mới hay là hai bên có cuộc giao chiến dữ dội. Phía Biệt - Kích Mỹ có 80 người tử thương. Sáu người Mỹ trốn dưới sông an toàn. Toàn dân trong vùng khoảng năm ngàn người già trẻ lớn bé tràn ngập bờ sông bên này nhìn qua trại lính Biệt Kích khóc la ầm ĩ vì có số con em họ tử trận. Một cái tang chưa

bao giờ thấy! Ông Tỉnh Trưởng nhờ tôi can thiệp để họ nén xúc động vì sợ có hại cho tinh thần binh sĩ và dân chúng.

Sau khi ổn định được cuộc sống mới, anh em yao phu chúng tôi đêm đêm cùng nhau làm việc và bắt đầu nghĩ đến công việc mục vụ: dạy giáo lý, dịch sách lễ, các bài đọc, làm bài hát bằng tiếng Jarai... Tại trung tâm định cư P. Krong có Jarai, Halăng, Rơngao và một ít Bahnar. Dùng tiếng Jarai, các sắc tộc khác cũng hiểu được.

Thời gian tôi ở P. Krong, có một Linh mục người Hòa Lan, giám Đốc Caritas Quốc tế, tuổi ngoài 60, không nhớ đã được ai giới thiệu từ Tp. Hồ Chí Minh đến thẳng P. Krong xin ở tạm ít ngày tại nhà tôi để tìm hiểu đời sống anh chị em Dân Tộc. Tôi mời ngài ở lại nhà tôi và để ngài tự do đi lại một mình trong địa sở, để quan sát đời sống và sinh hoạt gia đình anh chị em miền núi. Suốt cả mấy ngày liền, ngài đi từng nhà từng làng từng bộ lạc, xem nơi ăn chốn ở của mỗi gia đình. Ngài ra tận ngoài rẫy xem cách họ làm việc, ra đồng xem các bà các cô xúc cá hái rau hoặc lên rừng xem họ bửa củi... Tôi thú thật không nhớ rõ ngài có nhận xét tổng quát thế nào nhưng chỉ ghi lại lời này: "Với đời sống như thế làm sao người dân tộc có thể làm Linh mục theo phong cách Rôma." (prêtre selon le style romain, đúng tiếng ngài đã dùng) "Sự nhận xét rất người, rất thực tế, trăm phần trăm Hoà Lan."



Thánh lễ riêng mừng 52 năm Linh Mục



**TÔI Ở PLEIKRONG
TỪ ĐẦU NĂM 1964 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 1966**



Giám đốc CV Sohier tại Đà Lạt từ năm 1966 đến 1974

Vừa bắt đầu làm việc mục vụ có bài bản, thì có giấy Đức Cha Kim gửi đến báo tin cha Phaolô Nguyễn quang Trinh tử nạn xe hơi ở Hồ Nai và gọi tôi lên Đà Lạt gấp để thay thế ngài. Thật là cái tang lớn, mất người bạn chí thân đồng thời xa lìa những người anh em Jarai - Halăng yêu quý của tôi. Trước đây cha Trinh đã tiễn tôi đi nhận xứ Kobey, bây giờ tôi bỏ Kobey để lên Đà Lạt thế chân ngài. Đã từ mấy tháng nay Đức Cha quyết định dời các lớp cuối cấp Trung Học lên Đà Lạt. Ở đó tương đối an ninh và đầy đủ điều kiện học tập. Bốn lớp chủng sinh cũng như các cha giáo sư Pháp và cha giám đốc Lê quang Trinh cùng lên Đà Lạt đầu Niên - khoá 66 - 67. Chủng viện thừa sai Kontum chỉ là nội trú, ban ngày chủng sinh đi học với các học sinh tại trường Adran của các Sư Huynh Lasan, ở đây hai bên cùng đóng góp giáo sư. Vừa chuẩn bị nhà cửa xong thì cha Trinh mất trong lúc xuống Saigon để mua thêm một ít vật dụng cần thiết cho chủng viện mới. Chủng viện đây nguyên là bệnh viện mua lại của Bs Sohier, tọa lạc số 1 Thống nhất trên đồi cao 1495 thước cạnh Hồ Xuân Hương.

Bỏ Kobey đi Đà Lạt, tin sét đánh cho giáo dân và cho chính tôi. Tôi biết rõ họ quý mến tôi mà tôi cũng thương mến họ vô vàn, không phải tôi có gì đặc biệt nhưng vì lý do đơn giản là đã cùng sống chết bên nhau trong những tháng năm cực kỳ nguy hiểm. Ai có chút kinh nghiệm về vấn đề này thì hiểu được tâm tình của anh chị em Giáo Xứ Kobey và của tôi trong lúc này. Giờ chia tay thật đau xót và đẫm lệ.



Lễ Noel tại Kobey mới năm 2008

Tôi ở PleiKobey như thế là gần 9 năm. Tôi nhận thấy trong tình thế hỗn loạn chưa làm được một cái gì gọi là đáng giá, là nên thân, nhưng có một điều chắc chắn là tôi đã mến yêu thắm thiết anh chị em Jarai Halăng của tôi, tình mến thương này không sao diễn tả nên lời. Tôi tin rằng chính bàn tay Chúa đã đặt tôi trên mảnh đất hoang dại này và sự hiện diện của tôi trong hoàn cảnh gian nguy đau khổ để lại cho họ một chút lợi ích thiêng liêng nào đấy mặc dầu đầy những thiếu sót, cả những bóng tối nữa, nhưng sẵn có tình thương bao la của Chúa bù đắp.

Vé máy bay Đức Cha đã mua sẵn. Tôi chưa bao giờ cảm thấy đức vâng lời nặng nề và tinh thần căng thẳng như hôm nay. Tôi có cảm tưởng như đứt từng đoạn ruột. Tôi ra đi với hai dòng nước mắt, với sự nhớ thương không bao giờ nguôi. Để từ giả tôi, họ tự động tổ chức bữa ăn thật lớn. Tôi có can ngăn cũng vô ích. Một con bò, mười con heo, chưa nói đến gà vịt. Những tấm dù Mỹ được căng rợp trời. Trong bữa ăn họ xầm xì với nhau: "Đức Cha không dám xuống, sợ mình không cho cha mình đi." Thực sự Đức Cha không xuống, chỉ nhờ anh Hồng tài

xế của ngài đem thơ.

Máy bay đáp xuống sân Liên Khương - Trời đổ mưa như thác - Một trang sử mới cho đời Linh mục của tôi.

Khi viết xong những trang Hồi Ký này, tôi có vài suy tư về đời sống Linh mục cần chia sẻ với các bạn thân, đặc biệt với các cháu đang tìm hiểu ơn gọi Linh mục hoặc đang đi trên con đường đến chức Linh mục. Việc đầu tiên tôi cảm thấy



cần phải tạ ơn Chúa vì Ngài đã thương cho tôi được hồng phúc sống với những con người đơn sơ bé nhỏ nghèo khó và yêu thương thấm thiết với tất cả tâm tình của tôi. Hơn nữa tạ ơn Chúa vì nhờ qua những giai đoạn nguy khốn, nhất là khi nhìn lên cái chết của hai vị Linh mục đáng kính Minh Quý cũng như những khó khăn trần trở của anh em Linh mục thời bấy giờ, tôi cảm thấy cuộc sống bớt tội lỗi và được gột rửa đi phần nào sự bất xứng của con người, được quyến luyến với Chúa, thêm can đảm hăng say phục vụ anh chị em giáo dân hơn. Ngay cả hôm nay khi hồi tưởng lại những giai đoạn này, tôi vẫn còn hứng



khởi trong một tâm tình như thế. Nói đến đây đột nhiên tôi liền tưởng đến một nhân vật trong quyển tiểu thuyết "La Puissance et la Gloire", Quyển Năng và Vinh Quang của Graham Greene mà tôi đã đọc cách đây hơn năm mươi năm.

Với quãng thời gian quá xa tôi không biết những gì diễn tả đây có được trung thực hay không. Nhân vật này được tác giả cảm hứng từ niềm tin công giáo nhưng có pha giọng mỉa mai. Một vị Linh mục nọ sống trong thời kỳ cấm cách. Ông nghiện rượu và mang tiếng chút ít về vấn đề tình cảm lãng nhãng với cô gái Maria nào đó, tuy nhiên ông vẫn luôn ý thức mãnh liệt về sứ mạng Linh mục. Người ta truy nã ông. Hoảng hốt, ông vượt biên. Nhưng khi nghĩ đến đoàn chiên bơ vơ, ông chỉ lẩn quẩn vùng biên giới và chờ dịp về giúp đỡ họ, bất chấp hiểm nguy. Ngày nọ có tên phản bội đánh lừa bằng cách báo tin cho biết có người sắp chết cần gặp ông. Ông vội trở về. Ông bị bắt và bị xử bắn.

Chúa trao ban chức Linh mục trong bàn tay con người đầy những yếu đuối, có khi lọ lem nữa, đồng thời cũng ban cho họ quả tim người cha người mẹ biết thương và hy sinh cho đoàn chiên. Quả tim có pha giọt máu của Chúa. Ôi thật lạ lùng!



Kobey mới

Đây chỉ là nhân vật tiểu thuyết, nhưng được cảm hứng từ thực tế. Khi đọc hạnh thánh Gioan Maria Vianê, chúng ta cảm phục và mộ mến sự thánh thiện và hy sinh vượt mức của ngài, “nhưng ở đây, lay cha thánh Vianê, con xin lỗi ngài, khi đọc câu chuyện vị Linh mục này con cảm động hơn và có người còn rơi lệ. Cảm động vì tình thương và sức mạnh lạ lùng của Chúa thể hiện nơi con người yếu đuối.”

Thấy người mà nghĩ đến ta, có khi chúng ta quá bướng

bình không chịu đoạn tuyệt với cuộc sống quá xoàng, quá tầm thường và có khi bê bối nữa, Ngài gợi dỗ dập những đau khổ để cảnh tỉnh và ngay cả cái chết đẫm máu để biến đổi chúng ta nên tốt hơn. Có nhiều người chỉ có thể nên thánh và cứu rỗi qua con đường này. Ngài muốn cho triệu thiên hạ sáng chói hơn. Với những suy tư trên đây chúng ta tự nhiên liên tưởng đến thánh Gioan Tẩy Giả. Nói theo kiểu loài người, cách đối xử của Chúa Giêsu đối với Gioan Tẩy giả có vẻ tệ bạc. Gioan bị cầm tù. Nghe tin đó, Chúa Giêsu vội trốn qua Galilê. Ngài làm đủ phép lạ nhưng lại bỏ Gioan côi cút trong tù không một cử chỉ nào để cứu bạn. Gioan là bạn thân và là người anh em, và còn hơn thế nữa là sứ giả của Ngài. Đầu của Gioan chỉ đáng giá một chầu khiêu vũ và được trưng bày làm trò cười cho thiên hạ. Chúa Giêsu thường đối xử với bạn thân tệ bạc như thế đấy. Chúng ta không dám sánh mình với Gioan nhưng dưới hình thức này hay hình thức khác chúng ta cũng được đối xử tương tự. Chúng ta hãy mạnh dạn để cho Ngài đối xử theo ý Ngài. Tình thương của Ngài luôn ở với chúng ta và sức mạnh của Ngài là đủ cho chúng ta rỗi.

Trong một thế giới mê say chạy theo hưởng thụ đã trở nên hỗn loạn vô luân đến độ từ cha sinh

mẹ đẻ đến nay chưa bao giờ thấy như nhiều người khôn ngoan nhận xét. Và cũng không ai có thể đoán cứ đà này thế giới sẽ chìm xuống tới đâu. Tuy nhiên, đừng thất vọng, trong quá tìm con người và bất cứ con người nào dù sa đọa đến đâu vẫn còn mang trong mình một niềm khao khát vô biên. Chúa cần



Giáo dân Kobey mới

những con người có khả năng kêu gọi niềm khao khát tiềm tàng đó cách mạnh mẽ và hiệu lực. Nói rõ hơn, Chúa cần những Linh mục ý thức và xác tín hồng ân Linh mục Chúa ban để thăng tiến chính mình và thăng tiến anh em mình, sống thanh thoát, không bao giờ để cho óc hưởng thụ, trường giả hay những tham vọng trần thế lôi cuốn, chỉ hoàn toàn hiến thân cho Chúa và các linh hồn. Chính những Linh mục này có khả năng kêu gọi niềm khao khát tiềm tàng đó. Chúng ta nghĩ sao?



Cùng cha Phan Văn Bình

Ngài mong chờ câu trả lời quảng đại của chúng ta.

Những ngày đầu năm 2008 giáp đúng 50 năm trước đây tôi ở Kobey, tôi đã đi một vòng về phía địa sở Kobey mới để thăm viếng người xưa cảnh cũ.

Cha Phan Văn Bình hiện phụ trách các làng này.

Hiện giờ làng Kobey phân tán ba nơi :

- Kobey tại P. Krong,
- Kobey làng cũ (vài ba mươi gia đình trở về),



- Kobey trên đường đi Đak Tô, phía tả ngạn sông Pokô.

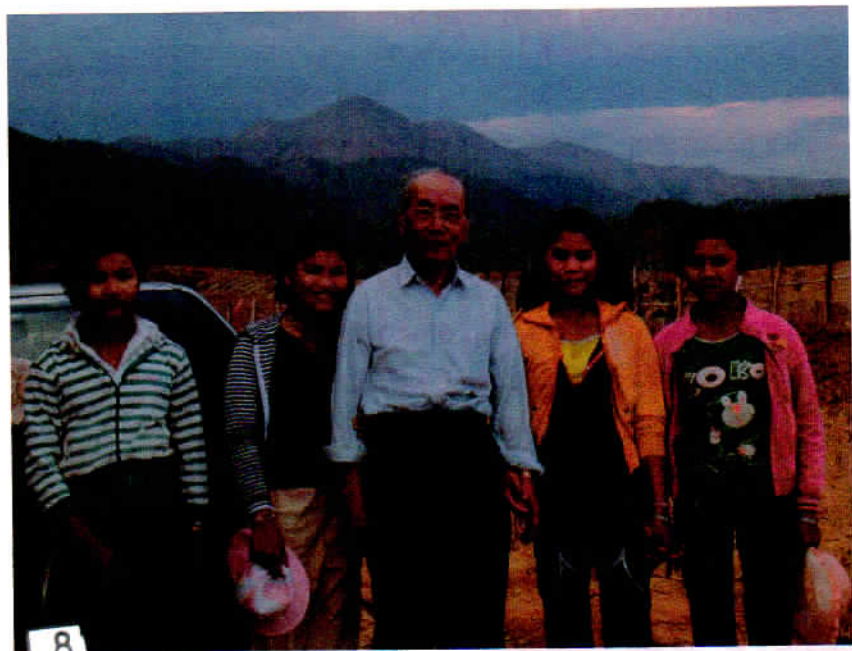
Tại Kobey đường Đak Tô có các chị Nữ tu Mến Thánh Giá Bắc Hải phục vụ: Chị Ngọt, chị Nga và chị Ánh.

Đang lúc tôi đến thăm các chị Nữ tu MTG Bắc Hải, có sáu em gái Kobey 10, 12 tuổi, tự động đến nơi tôi đang ở, không nói không rằng nhưng vui vẻ cầm tay đưa tôi đi thăm làng các em:

- Hai cháu, một cháu cầm tay phải, một cháu cầm tay trái.

- Hai cháu khác cầm hai chiếc dù che cho tôi mỗi cháu mỗi bên.

- Hai cháu khác nữa đi trước dẫn đường đưa tôi đi một vòng thăm một số gia đình tại Kobey mới.



"Bốn thiên thần"

Sau đó chúng thỉnh lạng vui vẻ đưa trả tôi về chỗ các chị MTG Bắc Hải. Thật cảm động! Thật dễ thương! Đúng là bốn

thiên thần, thiên thần không cánh.

Tôi không hiểu qua cử chỉ đó các em muốn nói gì với tôi. Tôi không rõ nhưng chắc chắn một điều là chúng biết tôi rất quen luyến với Kobey nơi trước đây tôi đã ở và phục vụ ông bà cha mẹ các em, những năm đầu tiên đời Linh mục của tôi. Lúc đó các em chưa sinh. Ngay cả cha mẹ các em nhiều người cũng chưa sinh.

Xin Chúa chúc lành cho các thiên thần của tôi.

Xin Chúa thương chúc lành cho anh chị em giáo dân Kobey.



Những chiếc ghè lâu năm rất quý hiếm